

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: Kế toán – Kiểm toán

Sinh viên : Trần Thị Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn : TS. Lê Văn Liên

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

**TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ
SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA ĐÔNG Á**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: Kế toán – Kiểm toán

Sinh viên :Trần Thị Thu Thủy

Giảng viên hướng dẫn : TS. Lê Văn Liên

HẢI PHÒNG – 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trần Thị Thu Thủy

Mã SV:...110333.

Lớp: QT1103K

Ngành: Kế toán- Kiểm toán

Tên đề tài: **Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Nhựa Đông Á**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong Doanh nghiệp.
- Mô tả, phân tích thực trạng công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Nhựa Đông Á.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tại công ty TNHH Nhựa Đông Á.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Số liệu về kinh doanh của công ty TNHH Nhựa Đông Á trong 3 năm gần đây.
- Số liệu về thực trạng kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Nhựa Đông Á.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH Nhựa Đông Á

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày.....thángnăm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày.....tháng.....năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....

.....

.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

(họ tên và chữ ký)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. Lý luận chung về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	14
1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm	14
1.1.1. Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất.....	14
1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất.....	14
1.1.1.2. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí.....	15
1.1.1.3. Các cách phân loại chi phí sản xuất	16
1.1.2. Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.....	18
1.1.2.1. Khái niệm và bản chất giá thành.....	18
1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.....	19
1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.	20
1.1.4. Yêu cầu quản lý đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.	21
1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.	22
1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất.....	23
1.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.	23
1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.....	24
1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.	25
1.3.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành.	25

1.3.1.1. Đối tượng tính giá thành.	25
1.3.1.2. Kỳ tính giá thành.	26
1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí.	26
1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.	26
1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	28
1.3.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.....	29
1.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phụ	32
1.3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.....	33
1.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.	35
1.4.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc theo chi phí NVL trực tiếp.	36
1.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.	36
1.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.	37
1.4.4. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành.	38
1.4.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất. ..	38
1.4.5.1. Phương pháp trực tiếp (hay còn gọi là phương pháp giản đơn).	38
1.4.5.2. Phương pháp tính giá thành theo công việc (đơn đặt hàng).....	39
1.4.5.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo giá thành định mức.....	39
1.5. Hệ thống sổ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.....	40
1.5.1. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung.	40
1.5.2. Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái.	42

1.5.3. Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.....	43
1.5.4. Hình thức sổ nhật ký chứng từ.	44
1.5.5. Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.	46
CHƯƠNG 2. Tình hình thực tế về công tác kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH Nhựa Đông Á.....	47
2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, Quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.	47
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.	47
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.....	50
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.....	54
2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.....	58
2.1.4.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán.	58
2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức phòng kế toán.....	59
2.1.4.3. Chính sách, phương pháp, chế độ, kế toán áp dụng tại công ty.....	64
2.2. Tình hình thực tế về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á.....	68
2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.	68
2.2.2. Phân loại chi phí sản xuất và công tác quản lý chi phí sản xuất.	68
2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.....	71
2.2.3.1. Tổ chức tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	71
2.2.3.2. Tổ chức tập hợp chi phí nhân công trực tiếp.	76
2.2.3.3. Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất chung.....	81

2.2.3.4. Nhập kho từ phân xưởng sản xuất.	89
2.2.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trên dây chuyền.	92
2.2.5. Tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm tại công ty.	92
2.2.5.1. Đối tượng tính giá thành.	92
2.2.5.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm.	93
CHƯƠNG 3. Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á	103
3.1. Đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Nhựa Đông Á.	103
3.1.1. Ưu điểm.	104
3.1.2. Một số hạn chế.	106
3.1.2.1. Hạn chế về việc theo dõi nhập, xuất tồn vật liệu, sản phẩm, hàng hoá.	106
3.1.2.2. Hạn chế về việc trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất.	106
3.1.2.3. Công ty TNHH Nhựa Đông Á không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất.	107
3.1.2.4. Hạn chế trong việc tập hợp chi phí sản xuất.	107
3.1.2.5. Hạn chế về việc tính chi phí NVL trực tiếp vào giá thành sản xuất.	107
3.1.2.6. Công ty không thực hiện đầy đủ các khoản trích theo lương.	108
3.1.2.7. Hạn chế khác.	108
3.2. Một số kiến nghị và giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công ty.	109
3.2.1. Kiến nghị và giải pháp về những tồn tại trong việc theo dõi N-X-T vật liệu sản phẩm.	109

3.2.2. Kiến nghị và giải pháp về những tồn tại trong việc tính trích khấu hao TSCĐ.....	110
3.2.3. Kiến nghị và giải pháp cho việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.....	110
3.2.4. Kiến nghị về phương pháp hạch toán nhập phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất.....	110
KẾT LUẬN.....	111
Các ký hiệu dùng trong đề tài.....	112

LỜI MỞ ĐẦU

Để tồn tại và phát triển trong nền kinh tế sản xuất hàng hoá, vận hành theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước, các đơn vị sản xuất phải tạo ra được ngày càng nhiều sản phẩm hữu ích để đáp ứng nhu cầu của xã hội. Mặt khác, các đơn vị phải tự trang trải những chi phí đã chi ra trong sản xuất sản phẩm và nâng cao doanh lợi đảm bảo thực hiện tái sản xuất mở rộng. Vì vậy, các đơn vị sản xuất phải quan tâm đến những chi phí đã chi ra trong quá trình sản xuất và những sản phẩm được tạo ra. Để có thể đứng vững trên thị trường, doanh nghiệp phải không ngừng phấn đấu nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tìm ra các biện pháp giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, việc giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm không đơn giản là việc cắt giảm chi phí một cách đơn thuần bất chấp chất lượng sản phẩm có ảnh hưởng hay không. Để đạt được mục đích thu lợi nhuận cao nhất, doanh nghiệp phải cắt giảm những chi phí không cần thiết và bằng những biện pháp hợp lý mà sản phẩm vẫn đạt chất lượng cao. Muốn đạt được điều này doanh nghiệp sản xuất phải tổ chức quản lý sản xuất để giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một trong những công cụ quan trọng giúp doanh nghiệp đạt được mục tiêu trên.

Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm được coi là khâu trung tâm xuyên suốt trong công tác hạch toán kế toán của doanh nghiệp sản xuất. Nó giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ các chi phí bỏ ra từ khâu đầu tiên cho đến khi sản phẩm hoàn thành.

Là một doanh nghiệp sản xuất, nắm vững được yêu cầu trên, Công ty TNHH Nhựa Đông Á rất chú trọng đến công tác hạch toán kế toán đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nhằm mục hạ giá thành đạt được lợi nhuận cao và đứng vững trên thị trường.

Sau một thời gian thực tập tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á, tuy thời gian không dài, nhưng được sự giúp đỡ nhiệt tình của giáo viên hướng dẫn và anh chị trong phòng tài chính kế toán, em đã tiếp cận, so sánh giữa lý thuyết với thực tiễn. Công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là vấn đề nổi bật được các nhà quản lý công ty quan tâm. Do đó em đã tiến hành nghiên cứu đề tài “Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Nhựa Đông Á” làm chuyên đề tốt nghiệp của chính mình. Đây không chỉ là một chuyên đề tốt nghiệp mà còn là một tài liệu giới thiệu chung về công ty nói chung và công tác hạch toán và tính giá thành nói riêng.

Mục đích của việc nghiên cứu: Đây là thời gian nghiên cứu, so sánh và thực hành phần hành kế toán tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á nhằm củng cố thêm một bước kiến thức lý thuyết đã học và đi sâu vào thực tế từ đó phân tích những ưu nhược điểm của phương pháp công ty đang thực hiện.

Vận dụng kiến thức lý thuyết để nghiên cứu thực tế quản lý và hạch toán kế toán trong mô hình công ty.

Phạm vi nghiên cứu: chuyên đề chỉ đi sâu nghiên cứu thực tế và hoàn thiện công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm Tấm xốp PP công nghiệp tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á. Tuy nhiên kết quả nghiên cứu này có thể vận dụng cho những doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Đối tượng nghiên cứu: nghiên cứu lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Mặc dù đã cố gắng tìm hiểu và nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của cán bộ phòng kế toán và dưới sự chỉ bảo tận tình của giáo viên hướng dẫn, em đã nắm được phần nào tình hình thực tế công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Tuy nhiên, do trình độ lý luận và thời gian hoàn thành đề tài còn hạn chế nên bài chuyên đề của em không tránh khỏi những thiếu sót và hạn chế.

Em mong muốn nhận sự đóng góp ý kiến để bài viết của em cũng như công tác hạch toán chi phí và tính giá thành ở công ty được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Những vấn đề chung về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

1.1.1. Chi phí sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1.1. Khái niệm chi phí sản xuất

Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp thực chất là sự vận động, kết hợp tiêu dùng, chuyển đổi các yếu tố sản xuất đã bỏ ra để tạo thành các sản phẩm nhất định. Trong quá trình đó có sự phát sinh thường xuyên, liên tục của các khoản chi phí nhằm tạo ra sản phẩm.

Trên phương diện này, chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể được hiểu là: Toàn bộ các hao phí về lao động sống, lao động vật hoá và các chi phí khác mà doanh nghiệp đã chi ra để tiến hành các hoạt động sản xuất, biểu hiện bằng tiền và tính cho một thời kỳ nhất định.

Chi phí sản xuất bao gồm nhiều khoản khác nhau như: chi phí về NVL, chi phí về nhân công, chi phí về khấu hao TSCĐ và các chi phí khác bằng tiền.

1.1.1.2. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí

Từ khái niệm của chi phí sản xuất, ta có thể thấy rằng bản chất của chi phí trong hoạt động sản xuất của doanh nghiệp luôn được xác định là những phí tổn về tài nguyên, vật chất, về lao động và gắn liền với mục đích sản xuất. Chi phí sản xuất của doanh nghiệp phải được đo lường và tính toán bằng tiền trong một thời kỳ nhất định. Ngoài ra độ lớn của chi phí sản xuất phụ thuộc vào hai nhân tố chủ yếu: khối lượng yếu tố sản xuất tiêu hao trong kỳ và giá cả của một đơn vị yếu tố sản xuất đã hao phí.

Người ta phân biệt được chi phí sản xuất với chi tiêu:

Thực chất chỉ tính vào chi phí những hao phí về tài sản và lao động của kỳ hạch toán có liên quan đến khối lượng sản phẩm sản xuất ra trong kỳ chứ không phải mọi khoản chi trong kỳ hạch toán. Ngược lại, chi tiêu là sự giảm đi đơn thuần các loại vật tư, tài sản, tiền vốn của doanh nghiệp, bất kể nó được dùng vào mục đích gì như: chi tiêu cho quá trình cung cấp (chi mua sắm vật tư, hàng hoá...), chi tiêu cho công tác quản lý, chi tiêu cho quá trình tiêu thụ.

Ngoài ra xét về mặt thời gian, chi phí trong kỳ của doanh nghiệp bao gồm toàn bộ phần tài sản tiêu dùng hết cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ. Có số chi tiêu dùng trong kỳ này nhưng tính vào chi phí kỳ sau (chi mua nguyên vật liệu về nhập kho nhưng chưa sử dụng) và có những khoản tính vào chi phí kỳ này nhưng thực tế chưa chi tiêu (Chi phí phải trả).

Như vậy giữa chi tiêu và chi phí sản xuất của doanh nghiệp có mối quan hệ mật thiết với nhau, đồng thời có sự khác nhau về lượng cũng như thời gian phát sinh. Sự khác nhau giữa chúng là do đặc điểm, tính chất vận động và phương thức chuyển dịch giá trị của từng loại tài sản vào quá trình sản xuất.

1.1.1.3. Các cách phân loại chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp gồm nhiều loại có nội dung, tính chất, công dụng, vai trò, vị trí trong quá trình sản xuất kinh doanh khác nhau. Để thuận tiện cho công tác quản lý và hạch toán kiểm tra chi phí cũng như phục vụ cho việc ra các quyết định kinh doanh, chi phí sản xuất kinh doanh cần phải được phân loại theo những tiêu thức phù hợp.

* Phân loại chi phí sản xuất theo yếu tố chi phí (theo nội dung kinh tế của chi phí)

Theo cách phân loại này, những chi phí có cùng một nội dung kinh tế được xếp vào cùng một yếu tố chi phí, không phân biệt chi phí đó phát sinh ở đâu và mục đích tác dụng của chi phí đó như thế nào, bao gồm:

- Chi phí NVL: bao gồm toàn bộ chi phí về NVL chính kể cả nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ, nhiên liệu sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí nhân công: Phản ánh tổng số tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trích theo lương của cán bộ công nhân viên chức trong doanh nghiệp.
- Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh toàn bộ số khấu hao phải tích trong kỳ của tất cả các TSCĐ được sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ không phân biệt TSCĐ dùng cho quản lý và TSCĐ dùng trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh toàn bộ các chi phí dịch vụ mua ngoài dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ như chi phí điện, nước...
- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh toàn bộ các chi phí khác bằng tiền chưa phản ánh vào các yếu tố tiêu dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Việc phân loại chi phí sản xuất theo nội dung, tính chất kinh tế của chi phí có tác dụng rất lớn trong việc quản lý chi phí sản xuất. Nó cho biết kết cấu tỷ trọng của từng yếu tố chi phí làm cơ sở cho việc lập, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện dự toán chi phí sản xuất, lập kế hoạch cung ứng vật tư, lao động, tiền vốn. Tuy nhiên cách phân loại này có nhược điểm là trong thực tế, có những khoản mục chi trực tiếp theo từng yếu tố nhưng các yếu tố đó không được tính trực tiếp vào giá thành thực tế của từng sản phẩm do đó không thể xác định được giá bán phù hợp.

* Phân loại chi phí sản xuất theo mục đích, công dụng của chi phí.

Theo cách phân loại này, những chi phí sản xuất có cùng công dụng kinh tế được sắp xếp vào cùng khoản mục, không phân biệt tính chất kinh tế của nó như thế nào. Chi phí sản xuất được chia thành các khoản mục sau:

- Chi phí NVL trực tiếp: phản ánh toàn bộ chi phí về NVL chính, vật liệu phụ, nhiên liệu tham gia trực tiếp vào việc sản xuất chế tạo sản phẩm hay thực hiện lao vụ, dịch vụ.
- Chi phí nhân công trực tiếp: bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp có tính chất lương và các khoản trước theo lương của cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.
- Chi phí sản xuất chung: là các chi phí sản xuất phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm nhưng không được tính cho một đối tượng cụ thể và phát sinh trong phạm vi các phân xưởng như tiền lương nhân viên quản lý đội, các khoản trích theo lương quy định, khấu hao máy móc thiết bị, dịch vụ mua ngoài.

Phân loại chi phí sản xuất theo cách này có tác dụng phục vụ cho việc quản lý chi phí theo định mức, là cơ sở cho kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo khoản mục, là căn cứ để phân tích tình hình thực hiện kế hoạch giá thành và định mức chi phí sản xuất cho kỳ sau.

* Phân loại chi phí sản xuất theo mối quan hệ và khả năng quy nạp chi phí vào các đối tượng chịu chi phí.

Theo cách phân loại này, chi phí sản xuất được chia thành.

- Chi phí trực tiếp, là chi phí liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán tập hợp chi phí như từng loại sản phẩm, công việc, đơn đặt hàng.
- Chi phí gián tiếp: là chi phí liên quan đến nhiều đối tượng kế toán tập hợp chi phí.

Cách phân loại này có ý nghĩa thuần túy đối với kỹ thuật hạch toán, trường hợp có phát sinh chi phí gián tiếp, bắt buộc phải áp dụng phương pháp phân bổ thì phải lựa chọn tiêu thức phân bổ cho phù hợp.

Ngoài các cách phân loại trên, chi phí sản xuất còn được phân loại thành chi phí ban đầu và chi phí chuyển đổi, chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh, chi phí hoạt động tài chính, chi phí bất thường...Mỗi quan phân loại đều có vai trò, vị trí riêng trong công tác quản trị chi phí trong doanh nghiệp, cung cấp thông tin cho việc lập kế hoạch, kiểm tra và điều tiết chi phí. Do đó, tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh mà mỗi doanh nghiệp phải lựa chọn cho mình một hình thức phân loại chi phí sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý của doanh nghiệp mình.

1.1.2. Giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

1.1.2.1. Khái niệm và bản chất giá thành.

Giá thành sản phẩm là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ những hao phí về lao động sống cần thiết và lao động vật hoá được tính trên một khối lượng kết quả sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành nhất định.

Giá thành sản phẩm là một phạm trù của sản xuất hàng hóa, phản ánh lượng giá trị của những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được thực sự chi ra cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Nó vừa mang tính khách quan vừa mang tính chủ quan.

1.1.2.2. Phân loại giá thành sản phẩm.

Để đáp ứng các yêu cầu của quản lý, hạch toán và kế hoạch hoá giá thành cũng như yêu cầu xây dựng giá cả hàng hóa, giá thành được xem xét dưới nhiều góc độ, nhiều phạm vi tính toán khác nhau. Một số cách phân loại :

* Phân loại theo cơ sở số liệu và thời điểm để tính giá thành

Theo cách phân loại này, chỉ tiêu giá thành được chia thành 3 loại:

- Giá thành thực tế: Là một loại giá thành được tính theo sản lượng thực tế hoàn thành. Đây là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp sau khi sản phẩm hoàn thành. Giá thành thực tế phản ánh tình hình phấn đấu của doanh nghiệp trong quá trình quản lý và sử dụng vật tư, tiền vốn của doanh nghiệp.
- Giá thành kế hoạch: Là một loại giá thành được tính trên cơ sở chi phí kế hoạch tính theo sản lượng kế hoạch. Đây là mục tiêu phấn đấu của doanh nghiệp được bộ phận kế hoạch của doanh nghiệp lập trước khi quá trình sản xuất sản phẩm được bắt đầu, là căn cứ để phân tích, so sánh tình hình thực hiện kế hoạch giá thành của doanh nghiệp.
- Giá thành định mức: Là một loại giá thành được tính toán trên cơ sở định mức chi phí hiện hành cho một đơn vị sản phẩm. Giá thành định mức cũng được xác định trước khi quá trình sản xuất sản phẩm tiến hành. Giá thành định mức là cơ sở để xem xét doanh nghiệp có tiết kiệm hay lãng phí các loại tài sản vật tư tiền vốn hay không.

Cách phân loại này có tác dụng trong việc quản lý và giám sát chi phí, xác định nguyên nhân vượt (hụt) định mức một phần trong kỳ hạch toán.

* Phân loại theo phạm vi phát sinh chi phí trong giá thành

Theo cách phân loại này, giá thành được chia thành 2 loại:

- Giá thành sản xuất (giá thành công xưởng): Là giá thành bao gồm các chi phí sản xuất chế tạo sản phẩm. Là cơ sở để tính lợi nhuận gộp.
- Giá thành tiêu thụ (giá thành toàn bộ hoặc giá thành đầy đủ): Là giá chỉ tiêu phản ánh toàn bộ các khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.1.3. Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Về mặt bản chất, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là biểu hiện hai mặt của quá trình sản xuất kinh doanh. Chúng giống nhau về chất thể hiện ở chỗ đều là những hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp chi ra trong quá trình sản xuất và chế tạo sản phẩm. Nhưng chúng khác nhau về lượng chi phí sản xuất và giá thành có thể khác nhau khi có sản phẩm dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

Chi phí sản xuất trong kỳ không chỉ liên quan đến những sản phẩm hoàn thành mà còn liên quan đến sản phẩm đang dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng, còn giá thành sản phẩm không liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang cuối kỳ và sản phẩm hỏng nhưng lại liên quan đến chi phí sản xuất của sản phẩm dở dang kỳ trước chuyển sang tức là xác định một lượng chi phí sản xuất nhất định, tính cho một đại lượng kết quả hoàn thành nhất định.

Như vậy chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, chi phí sản xuất là cơ sở hình thành nên giá thành sản phẩm.

Đứng trên góc độ của quá trình hoạt động để xem xét thì quá trình sản xuất là một quá trình hoạt động liên tục, còn việc tính giá thành sản phẩm thực hiện tại một điểm cắt có tính chất chu kỳ để so sánh chi phí với khối lượng sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành.

Mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm được thể hiện qua công thức sau:

$$\frac{\text{Giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{đầu kỳ}} = \frac{\text{CPSX dở dang}}{\text{đầu kỳ}} + \frac{\text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{đầu kỳ}} - \frac{\text{CPSX dở dang cuối kỳ}}{\text{đầu kỳ}}$$

Việc phân biệt trên giúp cho công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành được đầy đủ và kịp thời. Ngoài ra, qua mối quan hệ giữa chi phí sản xuất và giá thành, ta thấy để hạ thấp được giá thành sản phẩm thì một mặt doanh nghiệp phải có biện pháp tiết kiệm chi phí, mặt khác phải có biện pháp quản lý sử dụng chi phí hợp lý, nâng cao năng suất lao động tăng cường hiệu quả sản xuất sản phẩm.

1.1.4. Yêu cầu quản lý đối với chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

Trong quản trị doanh nghiệp, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng luôn được các nhà quản lý quan tâm vì đó là những chỉ tiêu phản ánh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hơn nữa, xuất phát từ mối quan hệ mật thiết giữa chi phí sản xuất với giá thành sản phẩm nên yêu cầu cần thiết khách quan đặt ra là doanh nghiệp phải quan tâm đặc biệt đến việc quản lý chi phí sản xuất cũng như tính giá thành sản phẩm.

Bởi vì tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm đồng nghĩa với việc tạo lợi thế trong việc tiêu thụ sản phẩm, trong cạnh tranh với các doanh nghiệp khác và làm tăng lợi nhuận của đơn vị.

Vì vậy, đối với chi phí sản xuất, doanh nghiệp phải lập ra các dự toán về chi phí, đưa ra các định mức rõ ràng cho các yếu tố chi phí. Tính đúng, tính đủ các chi phí sản xuất để xác định các chỉ tiêu về kế hoạch. Đồng thời theo dõi chặt chẽ chi phí phát sinh thông qua hệ thống sổ sách của doanh nghiệp. Các khoản mục chi phí phải được tập hợp và theo dõi riêng cho từng đối tượng hạch toán và phải được phản ánh trên sổ chi tiết tính giá thành của đơn vị. Bên cạnh đó, doanh nghiệp phải thường xuyên kiểm tra tình hình sử dụng vật tư, lao động, tiền vốn, tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm, phát hiện những lãng phí, sai phạm để kịp thời xử lý.

Tóm lại, Quản lý chi phí và tính giá thành sản phẩm phải nắm được nguồn gốc phát sinh chi phí, nội dung, tính chất của từng khoản mục chi phí, các định mức chi phí tại doanh nghiệp, các nguyên nhân dẫn đến tăng giảm chi phí tại doanh nghiệp, các nguyên nhân dẫn đến tăng giảm chi phí cũng như tình hình thực hiện kế hoạch hạ giá thành của doanh nghiệp.

1.1.5. Nhiệm vụ của kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

Chi phí và giá thành sản phẩm là các chỉ tiêu quan trọng trong hệ thống các chỉ tiêu kinh tế phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp và có mối quan hệ mật thiết với doanh thu, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tổ chức kế toán chi phí, tính giá thành sản phẩm một cách khoa học, hợp lý và đúng đắn có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí và giá thành sản phẩm.

Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là khâu trung tâm của toàn bộ công tác kế toán ở doanh nghiệp, chi phối đến chất lượng của các phần hành kế toán khác cũng như chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Kế toán doanh nghiệp cần phải xác định rõ nhiệm vụ của mình trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm như sau:

- Trước hết cần nhận thức đúng đắn vai trò của kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong toàn bộ hệ thống kế toán doanh nghiệp.
- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, quy trình công nghệ sản xuất, xác định đúng đắn đối tượng kế toán chi phí sản xuất, lựa chọn phương pháp tập hợp chi phí sản xuất theo phương án phù hợp.
- Căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, đặc điểm của sản phẩm, khả năng và yêu cầu quản lý cụ thể để xác định đối tượng tính giá thành cho phù hợp.
- Trên cơ sở mối quan hệ giữa đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành để tổ chức áp dụng phương pháp tính giá thành cho phù hợp.

- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp có sự phân công phân nhiệm rõ ràng cho từng phần hành kế toán.
- Tổ chức chứng từ ban đầu, hệ thống tài khoản, sổ kế toán phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực, chế độ kế toán đáp ứng được yêu cầu thu thập - xử lý- hệ thống hoá thông tin về chi phí và giá thành của doanh nghiệp.
- Thường xuyên kiểm tra thông tin về kế toán chi phí và giá thành của bộ phận có liên quan và bộ phận chi phí và giá thành.
- Tổ chức lập và phân tích các báo cáo về chi phí, giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin cần thiết về chi phí, giá thành sản phẩm giúp cho các nhà quản trị doanh nghiệp ra được quyết định một cách nhanh chóng, kịp thời, phù hợp quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất.

1.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp có thể phát sinh ở nhiều điểm khác nhau, liên quan đến việc sản xuất chế tạo sản phẩm, lao vụ khác. Các nhà quản lý doanh nghiệp cần biết được chi phí phát sinh đó ở đâu, dùng vào việc sản xuất sản phẩm nào...

Vì vậy, kế toán cần xác định được chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ theo một phạm vi, giới hạn nhất định. Đó chính là đối tượng kế toán chi phí sản xuất.

Đối tượng kế toán chi phí sản xuất là phạm vi, giới hạn mà chi phí sản xuất cần phải tập hợp nhằm đáp ứng cho việc kiểm tra chi phí và tính giá thành sản phẩm.

Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là khâu đầu tiên trong việc tổ chức kế toán chi phí sản xuất. Thực chất của việc xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định nơi gây ra chi phí (phân xưởng, đội, trại sản xuất, bộ phận sản xuất, giai đoạn công nghệ..) và nơi gánh chịu chi phí (sản phẩm, công việc, lao vụ, bộ phận hoặc chi tiết sản phẩm).

Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tập hợp chi phí sản xuất một cách khoa học, hợp lý là cơ sở để tổ chức kế toán chi phí sản xuất, từ việc tổ chức hạch toán ban đầu đến tổ chức tổng hợp số liệu, ghi chép trên tài khoản, sổ chi tiết...., là cơ sở quan trọng để kiểm tra, kiểm soát chi phí. Đồng thời, tăng cường trách nhiệm vật chất đối với các bộ phận và cung cấp số liệu cho việc tính chỉ tiêu giá thành sản phẩm.

1.2.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất.

Tuỳ theo từng loại chi phí và điều kiện cụ thể, kế toán có thể vận dụng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất thích hợp. Có 2 phương pháp kế toán chi phí sản xuất:

* Phương pháp tập hợp trực tiếp.

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh liên quan trực tiếp đến từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất riêng biệt. Do đó có thể căn cứ vào chứng từ ban đầu để hạch toán trực tiếp cho từng đối tượng riêng biệt. Phương pháp này đảm bảo độ chính xác cao do đó nên sử dụng tối đa.

* Phương pháp phân bổ gián tiếp.

Áp dụng trong trường hợp chi phí sản xuất phát sinh liên quan đến nhiều đối tượng kế toán chi phí, không tổ chức ghi chép ban đầu riêng cho từng đối tượng được. Trong trường hợp đó, phải tập hợp chung cho nhiều đối tượng. Sau đó, lựa chọn tiêu chuẩn phân bổ thích hợp để phân bổ khoản chi phí này cho từng đối tượng kế toán chi phí. Việc phân bổ được tiến hành theo trình tự:

+ Bước 1: Chọn tiêu thức phân bổ và tính hệ số phân bổ chi phí:

Hệ số phân bổ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức phân bổ các đối tượng}}$$

+ Bước 2: Xác định mức chi phí phân bổ cho từng đối tượng:

$$C_i = T_i \times H$$

C_i : chi phí phân bổ cho đối tượng i

H : hệ số phân bổ

T_i : tiêu chuẩn phân bổ cho từng đối tượng i

Khi xem xét các phương pháp tập hợp chi phí sản xuất cần phải làm rõ, đó là: không có nghĩa chi phí trực tiếp thì được tập hợp trực tiếp, chi phí gián tiếp thì phải phân bổ gián tiếp mà ngay cả chi phí trực tiếp nhiều khi cũng phân bổ gián tiếp cho các đối tượng chịu chi phí, mà không thể tập hợp trực tiếp được. Điều quyết định vấn đề tập hợp trực tiếp hay phân bổ gián tiếp là do mối quan hệ của các khoản chi phí phát sinh với đối tượng chịu chi phí và việc tổ chức hạch toán chứng từ ban đầu quyết định.

1.3. Tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí, tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

1.3.1. Đối tượng và kỳ tính giá thành.

1.3.1.1. Đối tượng tính giá thành.

Đối tượng tính giá thành là các sản phẩm, công việc, lao vụ mà doanh nghiệp đã sản xuất hoàn thành đòi hỏi phải tính tổng giá thành và giá thành đơn vị. Việc xác định đối tượng tính giá thành cũng cần phải căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất, quản lý sản xuất, quy trình công nghệ sản xuất sản phẩm, khả năng, yêu cầu quản lý cũng như tính chất của từng loại sản phẩm cụ thể.

Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất đơn chiếc thì từng sản phẩm được xác định là đối tượng tính giá thành. Nếu doanh nghiệp tổ chức sản xuất hàng loạt thì từng sản phẩm là một đối tượng tính giá thành. Đối với quy trình công nghệ sản xuất giản đơn thì đối tượng tính giá thành là sản phẩm hoàn thành ở giai đoạn cuối cùng của quy trình công nghệ, còn các doanh nghiệp có quy trình công nghệ sản xuất và chế biến phức tạp thì đối tượng tính giá thành có thể là nửa thành phẩm ở từng giai đoạn và thành phẩm hoàn thành ở giai đoạn, công nghệ cuối cùng và cũng có thể là từng bộ phận, từng chi tiết sản phẩm và sản phẩm đã lắp ráp hoàn thành.

Xác định đối tượng tính giá thành phù hợp đặc điểm của doanh nghiệp sẽ giúp cho kế toán mở sổ kế toán, các bảng tính giá thành sản phẩm theo đối tượng quản lý, kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch giá thành sản phẩm có hiệu quả đáp ứng yêu cầu quản lý nội bộ của doanh nghiệp.

1.3.1.2. Kỳ tính giá thành.

Tuỳ thuộc vào yêu cầu quản lý về chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm mà doanh nghiệp có thể tính giá thành sản phẩm theo tháng hoặc theo quý. Đối với những doanh nghiệp mà sản phẩm làm ra kéo dài rất nhiều năm như các Công ty xây dựng thì kỳ tính giá thành có thể theo năm hay theo thời gian mà sản phẩm hoàn thành.

1.3.2. Kế toán tập hợp chi phí.

1.3.2.1. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

* Nội dung chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

Chi phí NVLTT là toàn bộ chi phí về nguyên vật liệu chính, nửa thành phẩm mua ngoài, vật liệu phụ, nhiên liệu sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm hoặc thực hiện lao vụ, dịch vụ.

Khi phát sinh các khoản chi phí về nguyên vật liệu trực tiếp, kế toán căn cứ vào các phiếu xuất kho, các chứng từ khác có liên quan để xác định giá vốn của số nguyên vật liệu dùng cho sản xuất chế tạo sản phẩm (theo phương pháp tính giá vốn nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã lựa chọn). Trên cơ sở đó kế toán tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất cũng như từng đối tượng sử dụng trong doanh nghiệp, công việc này thường được thực hiện trong “Bảng phân bổ nguyên vật liệu”.

*** Tài khoản sử dụng.**

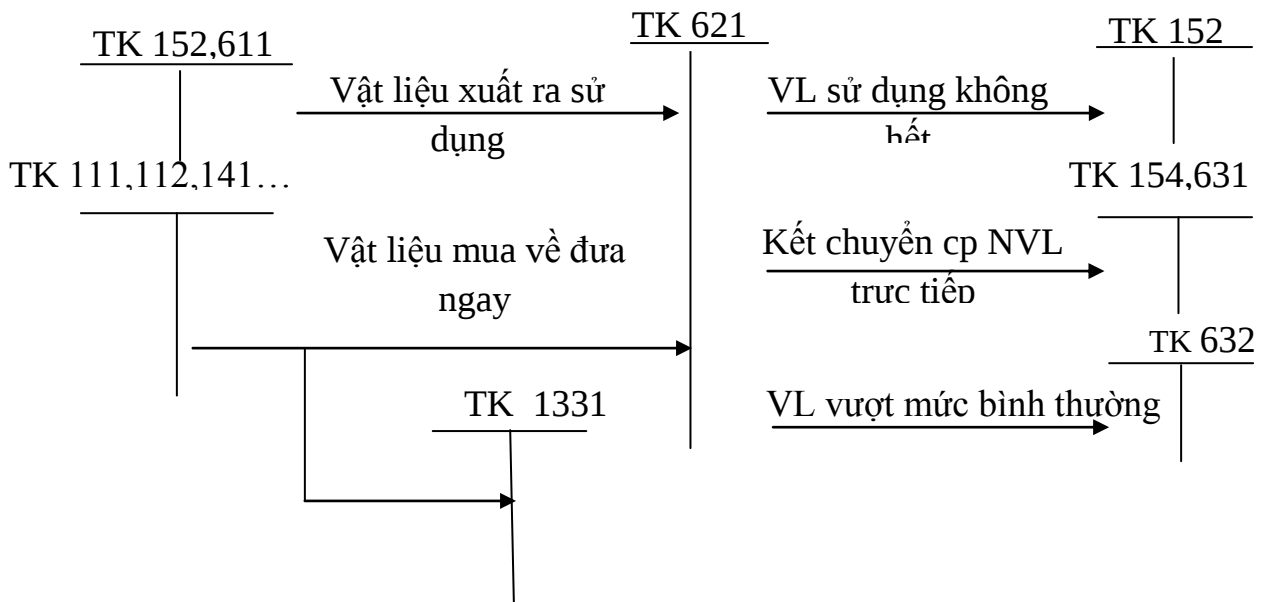
Để kế toán chi phí nguyên vật liệu, kế toán sử dụng TK621-Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp .

Tài khoản này không có số dư. Tài khoản này có thể được mở chi tiết cho từng đối tượng sử dụng như phân xưởng 1, phân xưởng 2 hoặc chi tiết cho từng đối tượng chịu chi phí như từng loại sản phẩm (sản phẩm A, sản phẩm B..)

*** Trình tự kế toán chi phí NVLTT**

Tùy thuộc vào phương pháp kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng mà có trình tự kế toán riêng. Về cơ bản trình tự tập hợp chi phí NVLTT được khái quát như sau:

Sơ đồ 1 : Sơ đồ kế toán chi phí NVLTT



1.3.2.2. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.

*** Nội dung chi phí nhân công trực tiếp.**

Chi phí nhân công trực tiếp là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm hoặc trực tiếp thực hiện các loại lao vụ, dịch vụ gồm: tiền lương chính, tiền lương phụ, các khoản phụ cấp, tiền trích, BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo số tiền lương của công nhân sản xuất. Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể mà doanh nghiệp trả lương theo khoán sản phẩm hay thời gian.

Số tiền lương phải trả cho công nhân sản xuất thể hiện trên bảng tính và thanh toán lương, được tổng hợp, phân bổ cho các đối tượng kế toán chi phí sản xuất trên bảng phân bổ tiền lương. Trên cơ sở đó, các khoản trích theo lương tính vào chi phí nhân công trực tiếp được tính toán căn cứ vào số tiền lương công nhân sản xuất của từng đối tượng và tỷ lệ trích quy định theo quy chế tài chính hiện hành của từng thời kỳ.

Theo quy định của Công văn mới nhất số 1540/BHXH – PT ban hành ngày 25/12/2009 của BHXH Việt Nam quy định mức đóng bảo hiểm hàng tháng là 28.5%. Trong đó BHXH: 22% (người sử dụng lao động đóng 16%, người lao động đóng 6%), BHYT: 4.5% (người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1.5%), BHTN: 2% (người sử dụng lao động đóng 1%, người lao động đóng 1%) và theo quy định hiện hành trích 2% KPCĐ trên lương thực tế.

*** Tài khoản sử dụng:**

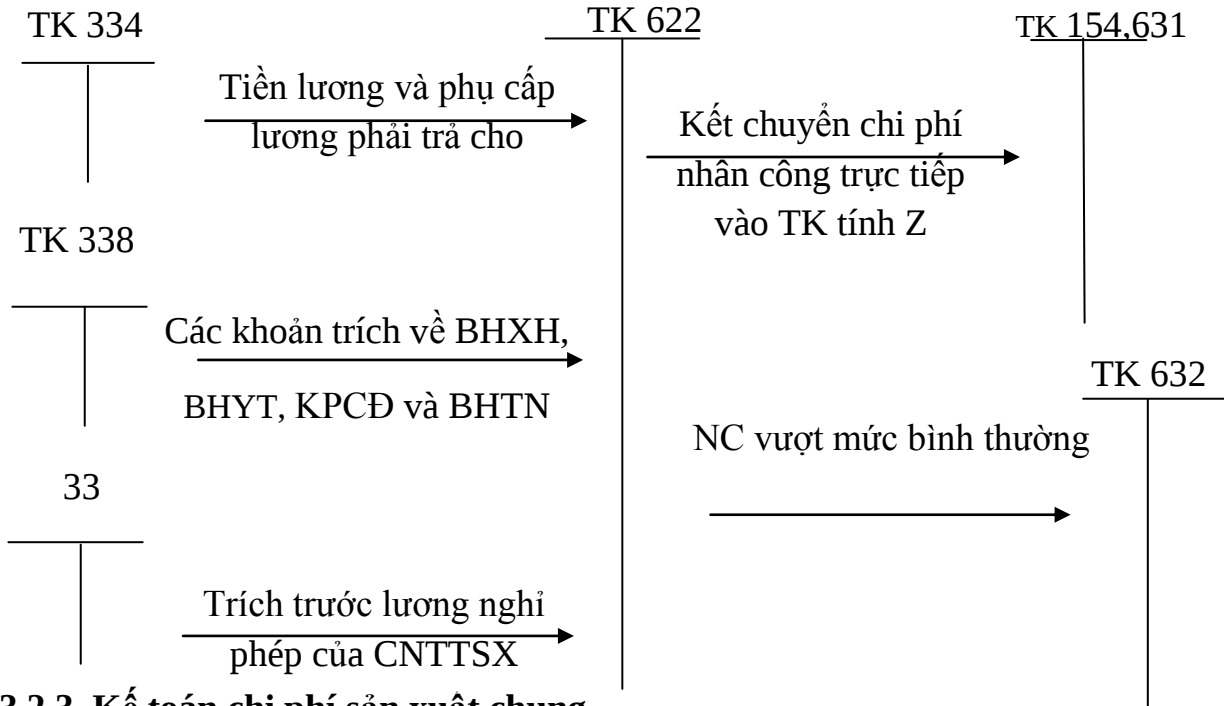
Để kế toán chi phí nhân công trực tiếp, kế toán sử dụng TK622-Chi phí nhân công trực tiếp.

Tài khoản này không có số dư. Tài khoản này có thể được mở trực tiếp cho từng đối tượng chi phí như: Chi tiết cho từng phân xưởng hoặc chi tiết cho từng sản phẩm.

*** Trình tự kế toán CPNCTT**

Tuỳ thuộc vào hình thức kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp sử dụng, thực hiện kế toán tập hợp chi phí nhân công trực tiếp theo sơ đồ sau:

Sơ đồ 2 : Sơ đồ kế toán chi phí NCTT



1.3.2.3. Kế toán chi phí sản xuất chung.

*** Nội dung chi phí sản xuất chung.**

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các phân xưởng, bộ phận sản xuất.

Chi phí sản xuất chung bao gồm:

- Chi phí nhân viên phân xưởng: là khoản phải trả cho nhân viên phân xưởng, bao gồm: chi phí tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp lương, các khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ tính cho nhân viên phân xưởng, nhân viên tiếp liệu, vận chuyển nội bộ...

- Chi phí vật liệu: Phản ánh chi phí vật liệu dùng chung cho phân xưởng như vật liệu dùng cho sửa chữa, bảo dưỡng TSCĐ thuộc phân xưởng quản lý, sử dụng vật liệu dùng cho nhu cầu văn phòng phân xưởng.
- Chi phí dụng cụ sản xuất: Phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng sản xuất như công tắc hành trình, dây thừng nhiệt, van hơi ...
- Chi phí khấu hao TSCĐ: bao gồm khấu hao của tất cả TSCĐ sử dụng ở phân xưởng sản xuất, như khấu hao của máy móc thiết bị, khấu hao của nhà xưởng, phương tiện vận tải...
- Chi phí dịch vụ mua ngoài: Phản ánh chi phí mua ngoài để phục vụ cho các hoạt động của phân xưởng như chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí điện, nước, thuê sửa chữa....
- Chi phí khác bằng tiền: Phản ánh những chi phí bằng tiền ngoài những khoản chi phí kể trên, phục vụ cho hoạt động của phân xưởng như chi tiếp khách, hội nghị... ở phân xưởng.

Chi phí sản xuất chung được tổ chức tập hợp theo từng phân xưởng, quản lý chi tiết theo từng yếu tố chi phí. Cuối kỳ, sau khi đã tập hợp được chi phí sản xuất chung theo từng phân xưởng, kế toán tính toán phân bổ chi phí sản xuất chung cho từng đối tượng kế toán chi phí sản xuất trong phân xưởng theo những tiêu thức phân bổ hợp lý.

$$\boxed{\text{Mức chi phí sản xuất chung phân bổ cho từng đối tượng}} = \frac{\boxed{\text{Tổng tiêu thức phân bổ cho từng đối tượng}}}{\boxed{\text{Tổng tiêu thức phân bổ của tất cả các đối tượng}}} \times \boxed{\text{Tổng chi phí sản xuất chung cần phân bổ}}$$

*** Tài khoản sử dụng.**

Kế toán sử dụng TK627- Chi phí sản xuất chung để kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung.

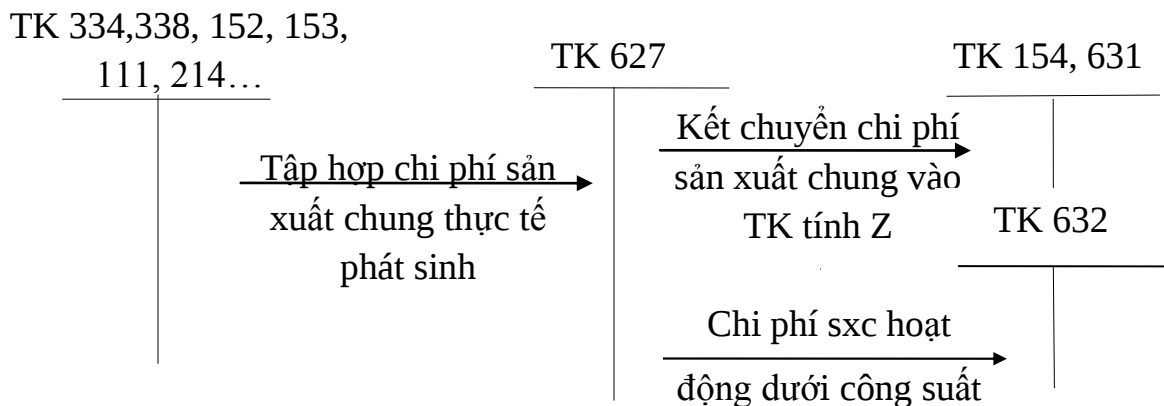
TK627 không có số dư cuối kỳ và được mở 06 tài khoản cấp 2 để tập hợp theo các yếu tố chi phí :

- 6271 : chi phí về nhân viên phân xưởng.
- 6272 : chi phí về vật liệu.
- 6273 : chi phí dụng cụ sản xuất.
- 6274 : chi phí khấu hao TSCĐ.
- 6277 : chi phí dịch vụ mua ngoài.
- 6278 : chi phí khác bằng tiền

*** Trình tự kế toán.**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến việc phát sinh chi phí sản xuất chung từ đó tập hợp chi phí và kết chuyển tính giá thành được thể hiện thông qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 3: Trình tự kế toán chi phí sản xuất chung.



1.3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phụ

Bộ phận sản xuất kinh doanh phụ là các phân xưởng, bộ phận sản xuất cung cấp sản phẩm, lao vụ dịch vụ cho các phân xưởng, bộ phận sản xuất chính của doanh nghiệp hoặc một phần cung cấp phục vụ lẫn nhau và bán ra ngoài. Đây là một bộ phận sản xuất phụ trợ của doanh nghiệp, đòi hỏi kế toán cần phải tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, lao vụ phục vụ cho các đối tượng.

- Mọi chi phí của các phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ khi phát sinh cũng đều được tập hợp vào các tài khoản chi phí: TK 621, TK 622, TK 627, cuối kỳ kết chuyển sang TK 154 (TK 631) để tính giá thành sản phẩm lao vụ sản xuất phụ (Các tài khoản này đều được mở chi tiết cho từng phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ).

- Trong trường hợp giữa các phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ có sự cung cấp, phục vụ lao vụ lẫn nhau thì phải xác định được giá trị lao vụ cung cấp lẫn nhau để tính thêm phần giá trị lao vụ nhận của phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ khác và loại trừ đi phần giá trị lao vụ cung cấp cho phân xưởng, bộ phận sản xuất phụ khác.

- Trong trường hợp này, giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ của từng phân xưởng sản xuất phụ được tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & \text{Giá trị} & \text{Chi phí} & \text{Lao vụ} & \text{Lao vụ} & & \text{Giá trị} \\ \text{SP, lao vụ từng} & = & \text{ban} & + & \text{phục vụ} & - & \text{SPLD} \\ \text{PX, bộ phận} & \text{đầu} & \text{đầu} & \text{của PX} & \text{cho PX} & & \text{cuối kỳ} \\ & \text{kỳ} & & \text{khác} & \text{khác} & & \end{array}$$

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế đơn vị SP, lao} \\ \text{vụ} \end{array} = \frac{\text{Giá thành thực tế SP, lao vụ từng phân xưởng}}{\text{Khối lượng hoàn thành - Khối lượng phục vụ phân xưởng khác}}$$

Việc tính toán giá trị lao vụ phục vụ lẫn nhau có thể theo một trong các phương pháp sau:

- Phương pháp đại số.
- Phương pháp phân bổ lao vụ lẫn nhau theo chi phí ban đầu.

1.3.4. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.

Chi phí sản xuất của doanh nghiệp sau khi đã tập hợp theo từng đối tượng và từng khoản mục (chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung). Kế toán sẽ tổng hợp chi phí toàn doanh nghiệp vào tài khoản tập hợp chi phí để tính giá thành sản phẩm.

Tuy nhiên, tùy thuộc vào phương pháp kế toán hàng tồn kho mà doanh nghiệp lựa chọn mà có tài khoản sử dụng tương ứng để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh toàn doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên thì sử dụng TK 154- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang để tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp.

Tài khoản 154 được mở chi tiết cho từng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

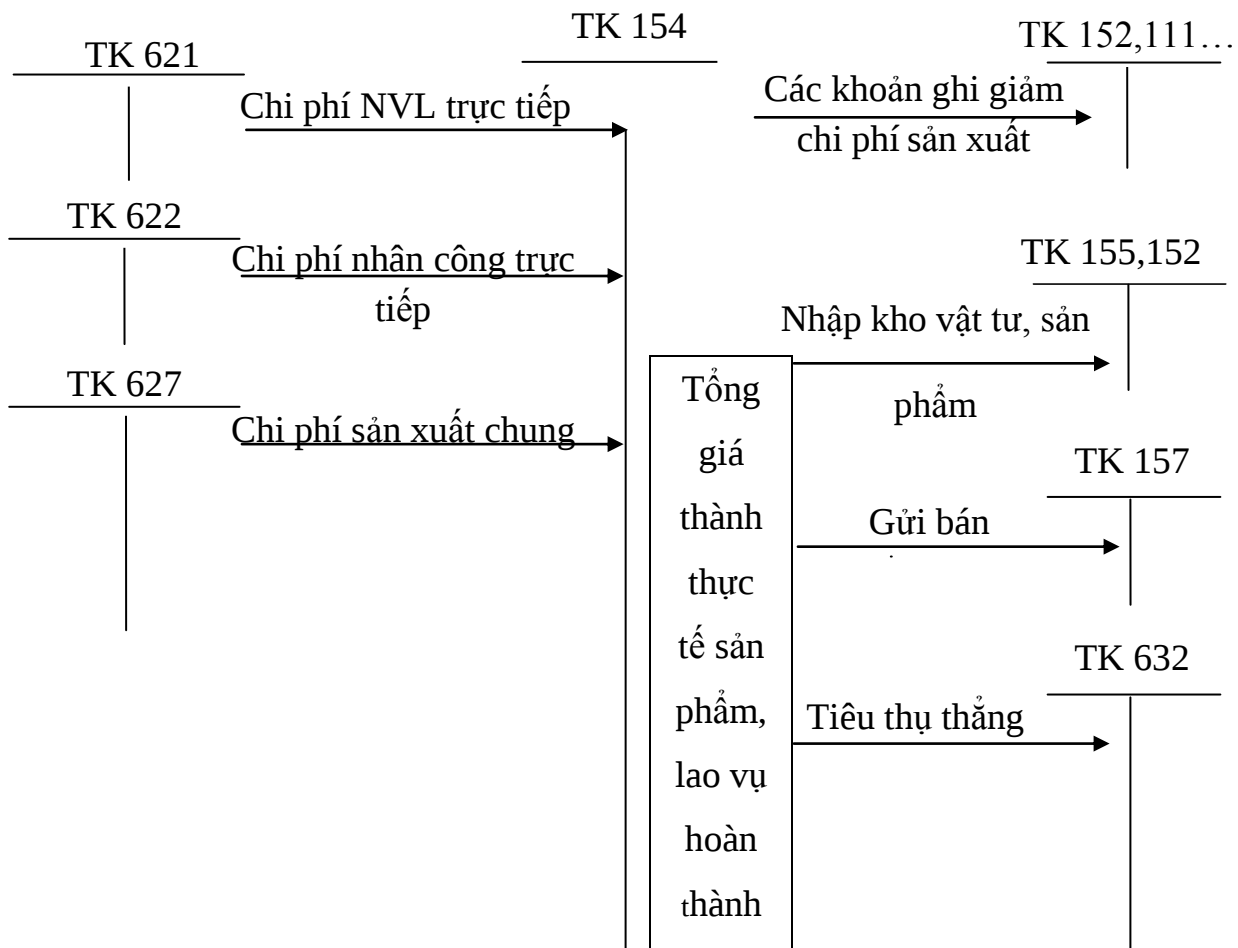
Đối với doanh nghiệp thực hiện kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ thì sử dụng TK 631- Giá thành sản xuất để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh phát sinh trong kỳ.

Còn TK 154 được sử dụng trong trường hợp này để kết chuyển chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ và cuối kỳ.

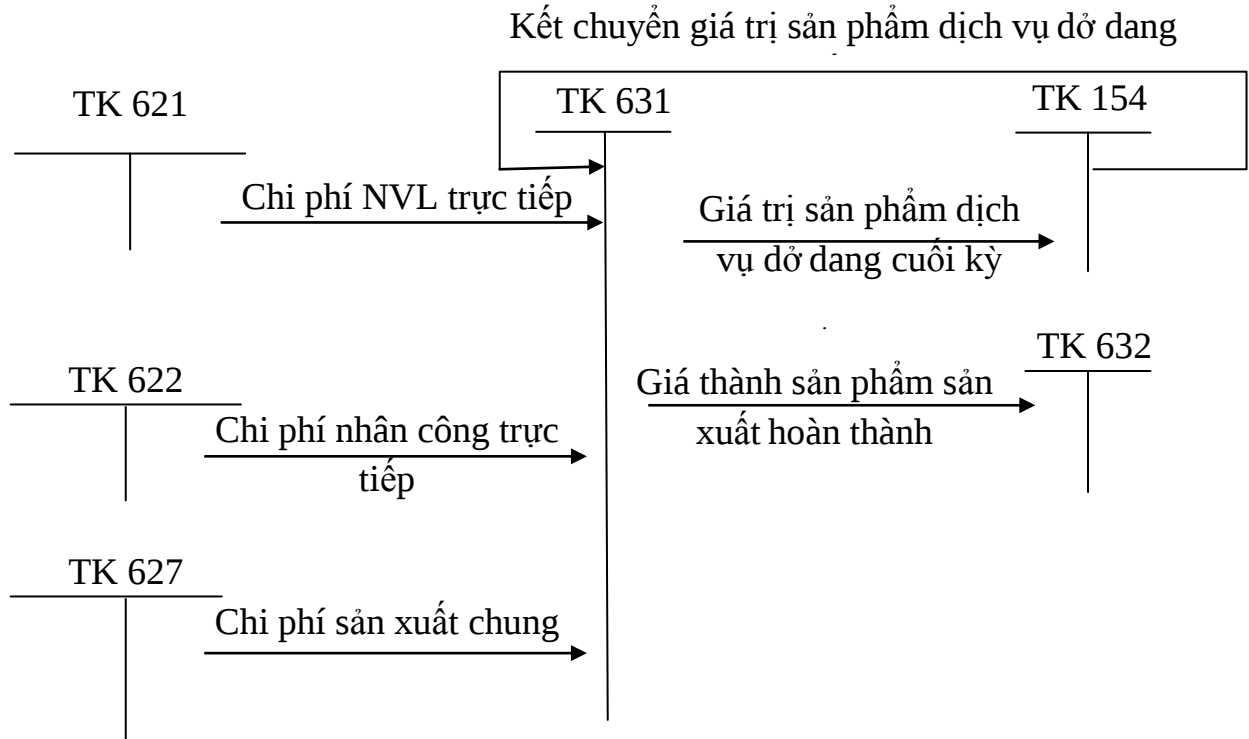
TK 631 không có số dư và được mở chi tiết theo đối tượng tập hợp.

Trình tự kế toán tập hợp chi phí sản xuất toàn doanh nghiệp được thể hiện ở sơ đồ sau:

Sơ đồ 4 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 5 : Sơ đồ hạch toán chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



1.4. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.

Sản phẩm dở dang là khối lượng sản phẩm, công việc còn đang trong quá trình sản xuất, gia công, chế biến trên các giai đoạn của quy trình công nghệ hoặc đã hoàn thành một vài quy trình chế biến nhưng vẫn còn phải gia công chế biến tiếp mới trở thành thành phẩm.

Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ không chỉ liên quan đến sản phẩm hoàn thành trong kỳ mà còn liên quan đến các sản phẩm dở dang cuối kỳ. Vì vậy để xác định được chi phí sản xuất trong kỳ tính cho sản phẩm hoàn thành làm căn cứ tính giá thành, kế toán phải xác định chi phí sản xuất liên quan đến sản phẩm dở dang cuối kỳ. Công việc này gọi là đánh giá sản phẩm dở dang.

Để đánh giá được sản phẩm dở dang, kế toán cần phải xác định được khối lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ. Tùy thuộc vào đặc điểm sản xuất của từng doanh nghiệp mà sản phẩm cuối kỳ được đánh giá theo một trong các phương pháp sau:

1.4.1. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu chính trực tiếp hoặc theo chi phí NVL trực tiếp.

Theo phương pháp này giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ chỉ tính phần chi phí NVL trực tiếp hoặc chi phí nguyên vật liệu chính, còn các chi phí sản xuất khác tính hết cho thành phẩm trong kỳ. Vì vậy, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tính bằng công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}} \times \text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ} \end{array}$$

1.4.2. Đánh giá sản phẩm dở dang theo khối lượng sản phẩm hoàn thành tương đương.

Theo phương pháp này, giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ phải tính toán tất cả các khoản mục chi phí theo mức độ chế biến hoàn thành. Vì vậy phải căn cứ kết quả chế biến sản phẩm dở dang, xác định mức độ chế biến của sản phẩm dở dang để quy đổi ra khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó, tính toán xác định từng khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang theo nguyên tắc sau:

$$\begin{array}{l} \text{Số lượng sản phẩm tương đương} = \frac{\text{Số lượng sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{Mức độ hoàn thành}} \end{array}$$

Sau đó tính toán các khoản mục chi phí cho sản phẩm dở dang cuối kỳ như sau:

- Đối với chi phí sản xuất bỏ vào một lần ngay từ đầu dây chuyền công nghệ như CPNVLT... thì chi phí tính cho sản phẩm dở xác định theo công thức đánh giá theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.
- Đối với các chi phí bỏ dần trong quá trình sản xuất, chế biến như chi phí NCTT... thì tính cho sản phẩm dở dang theo công thức:

$$\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ} + \text{Chi phí phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành} + \text{Số lượng sản phẩm tương đương}} \times \text{Số lượng sản phẩm tương đương}$$

1.4.3. Đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí định mức.

- Phương pháp này áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp đã xây dựng hệ thống định mức và dự toán chi phí cho loại sản phẩm thì doanh nghiệp có thể áp dụng phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí sản xuất định mức.
- Theo phương pháp này, kế toán căn cứ vào khối lượng sản phẩm dở dang để kiểm kê, xác định ở từng công đoạn sản xuất và định mức từng khoản mục chi phí ở từng công đoạn sản xuất tương ứng cho từng đơn vị sản phẩm để tính ra chi phí định mức của khối lượng sản phẩm dở dang ở từng công đoạn. Sau đó, tập hợp lại cho từng loại sản phẩm.

1.4.4. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí và đối tượng tính giá thành.

Qua phân tích hai khái niệm trên cho thấy: Đối tượng kế toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành giống nhau ở bản chất, đều là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất theo đó và cùng phục vụ cho công tác quản lý, phân tích và kiểm tra chi phí, giá thành sản phẩm. Tuy vậy, giữa hai khái niệm cũng có những điểm khác nhau nhất định.

- Xác định đối tượng kế toán chi phí sản xuất là xác định phạm vi, giới hạn tổ chức kế toán chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ.
- Xác định đối tượng tính giá thành là xác định phạm vi, giới hạn của chi phí liên quan đến kết quả sản xuất đã hoàn thành của quy trình sản xuất.
- Trong thực tế, có những trường hợp một đối tượng kế toán chi phí sản xuất lại bao gồm nhiều đối tượng tính giá thành và ngược lại.

1.4.5. Phương pháp tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

Phương pháp tính giá thành sản phẩm là phương pháp sử dụng số liệu chi phí sản xuất đã tập hợp được để tính ra tổng giá thành và giá thành đơn vị thực tế của sản phẩm, lao vụ, dịch vụ đã hoàn thành theo các khoản mục giá thành. Tùy vào đặc điểm của doanh nghiệp mà áp dụng theo các phương pháp tính giá thành khác nhau. Cụ thể:

1.4.5.1. Phương pháp trực tiếp (hay còn gọi là phương pháp giản đơn).

Phương pháp này được áp dụng trong các doanh nghiệp thuộc loại hình sản xuất giản đơn, số lượng mặt hàng ít, sản xuất với khối lượng lớn và chu kỳ sản xuất ngắn như các nhà máy điện, nước, các doanh nghiệp khai thác (quặng, than, gỗ...).

Theo phương pháp này, căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được trong kỳ theo từng khoản mục chi phí và căn cứ vào giá trị sản phẩm làm dở đầu kỳ và cuối kỳ để kế toán tính ra tổng giá thành của sản phẩm trong kỳ.

Công thức tính tổng giá thành sản phẩm :

$$\begin{array}{l} \text{Tổng giá thành} \\ \text{sản phẩm hoàn thành} \end{array} = \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ}}{\text{đầu kỳ}} + \frac{\text{Chi phí sản xuất trong kỳ}}{\text{trong kỳ}} - \frac{\text{Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ}}{\text{cuối kỳ}}$$

Khi đó giá thành đơn vị được tính như sau:

$$\text{Giá thành đơn vị} = \frac{\text{Tổng giá thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

1.4.5.2. Phương pháp tính giá thành theo công việc (đơn đặt hàng).

Áp dụng trong các doanh nghiệp thực hiện tổ chức sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loạt vừa và nhỏ theo từng đơn đặt hàng. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất là sản phẩm, loạt sản phẩm, công việc theo đơn đặt hàng. Đối tượng tính giá thành là từng sản phẩm, loạt sản phẩm và đơn vị sản phẩm trong từng loạt, công việc của từng đơn đặt hàng, từng công việc.

Khi bắt đầu sản xuất kế toán giá thành mở cho mỗi nhóm sản phẩm một thẻ giá thành. Và hàng tháng, quý căn cứ vào chi phí sản xuất tập hợp được theo nhóm sản phẩm trong sổ kế toán chi tiết ghi sang thẻ tính giá thành liên quan. Khi nhận phiếu xác nhận sản phẩm hoàn thành, kế toán chỉ cần cộng chi phí sản xuất đã tập hợp được ở thẻ tính giá thành sẽ tính được giá thành của từng đơn đặt hàng.

1.4.5.3. Phương pháp tính giá thành sản phẩm theo giá thành định mức.

Áp dụng cho tất cả loại hình sản xuất khác nhau với điều kiện các chi phí sản xuất đã có định mức hợp lý.

- Tính giá thành định mức trên cơ sở các định mức và đơn giá tại thời điểm tính giá thành.
- Xác định số chênh lệch do thay đổi định mức.

$$\text{Số thay đổi định mức} = \text{Định mức mới} - \text{Định mức cũ}$$

- Xác định số chênh lệch do thoát ly định mức.

$$\text{Thoát ly định mức} = \text{Chi phí thực tế} - \text{Chi phí định mức}$$

Từ đó, tiến hành xác định giá thành thực tế sản phẩm bằng cách:

$$\begin{array}{l} \text{Giá thành thực} \\ \text{tế sản phẩm} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành} \\ \text{định mức sản} \\ \text{phẩm} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chênh lệch do} \\ \text{thay đổi định mức} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chênh lệch so với} \\ \text{định mức bình} \\ \text{thường} \end{array}$$

Ngoài 3 phương pháp tính giá thành chủ yếu trên, tùy thuộc vào đặc điểm tổ chức khác nhau mà các doanh nghiệp có thể sử dụng một số phương pháp tính giá thành khác như:

- * Phương pháp tính giá thành loại trừ chi phí sản xuất của sản phẩm phụ.
- * Phương pháp tính giá thành theo hệ số.
- * Phương pháp tính giá thành theo tỉ lệ.
- * Phương pháp tính giá thành phân bước có tính giá thành nửa thành phẩm.
- * Phương pháp tính giá thành phân bước không tính giá thành bán thành phẩm.

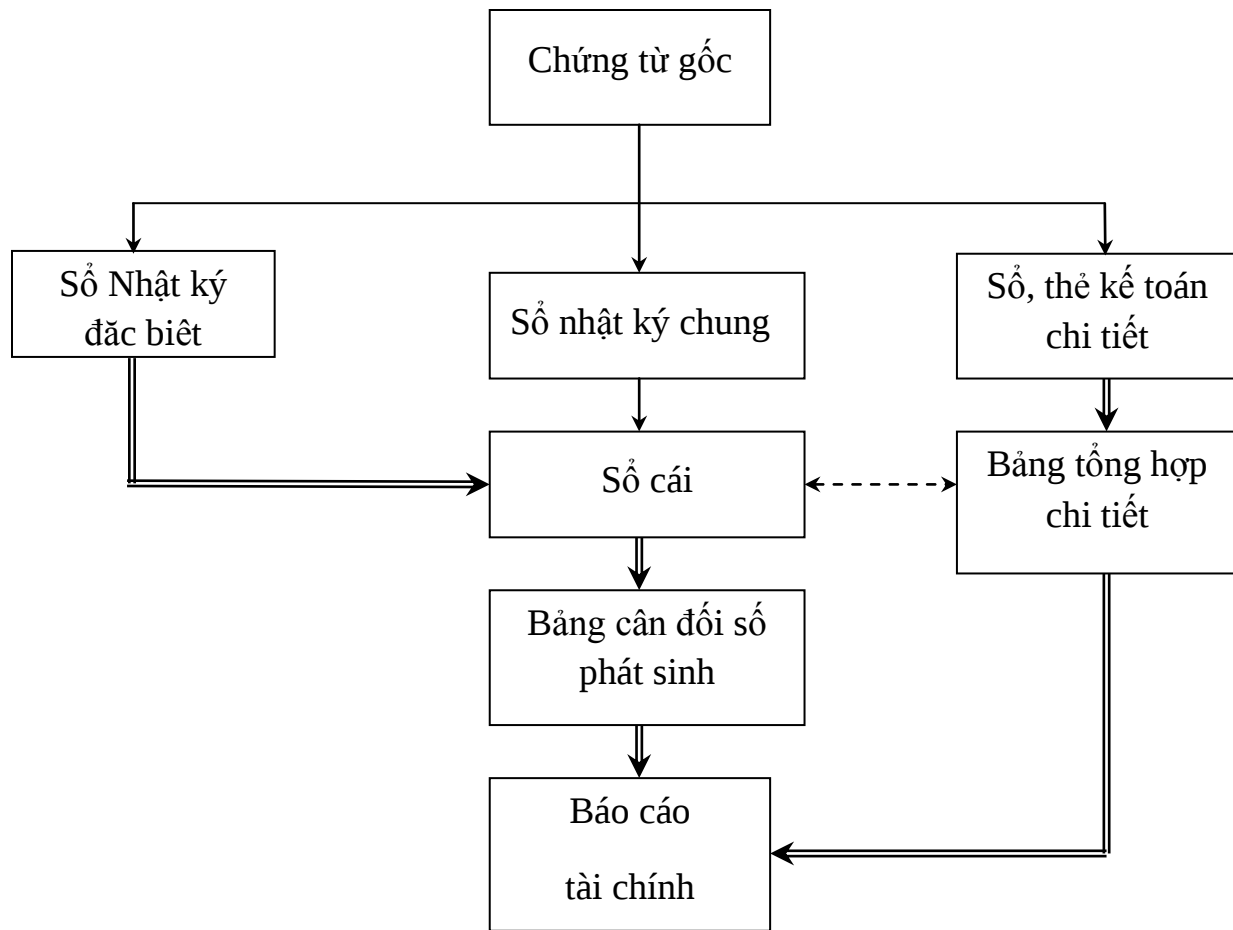
1.5. Hệ thống sổ hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

1.5.1. Hình thức sổ kế toán nhật ký chung.

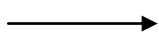
Hình thức kế toán nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán chủ yếu sau:

- + Sổ nhật ký chung.
- + Sổ cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

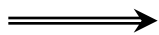
Sơ đồ 6: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung



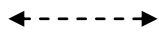
Ghi chú:



Ghi hàng ngày.



Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ.



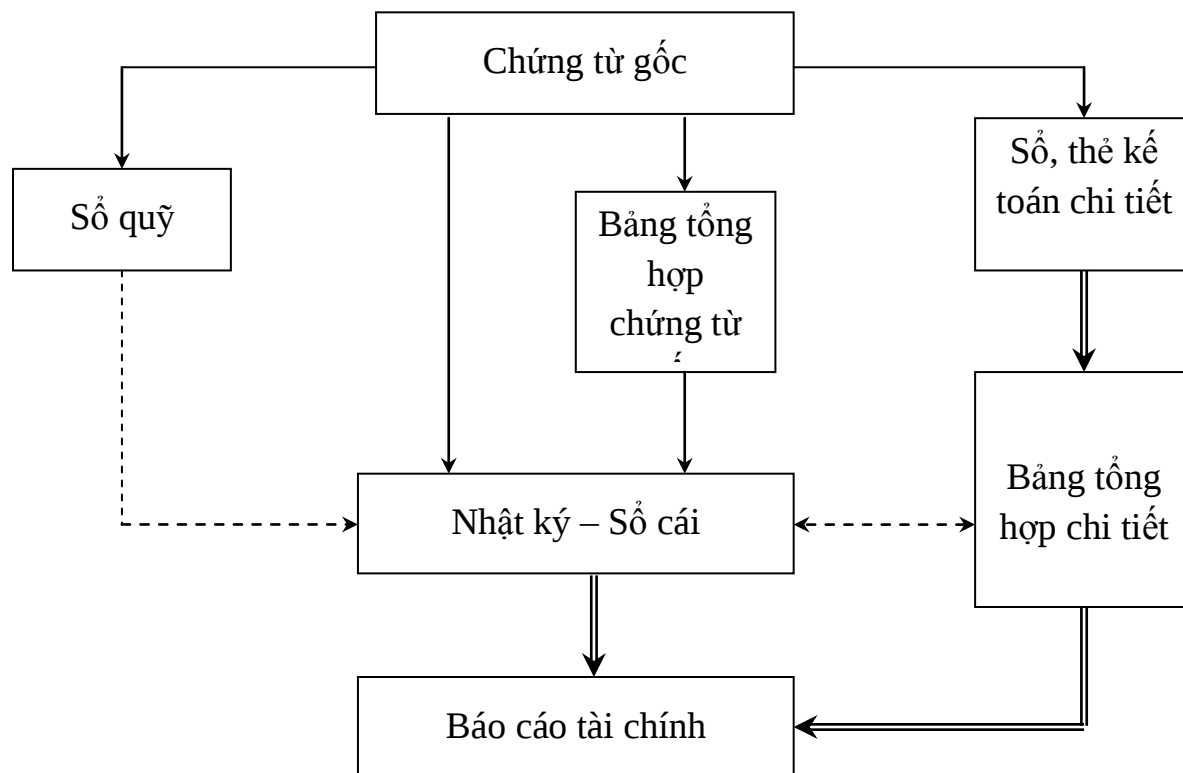
Quan hệ đối chiếu.

1.5.2. Hình thức sổ kế toán nhật ký sổ cái.

Hình thức kế toán nhật ký sổ cái gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Nhật ký - Sổ cái.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Sơ đồ 7: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - Sổ cái.



Ghi chú:

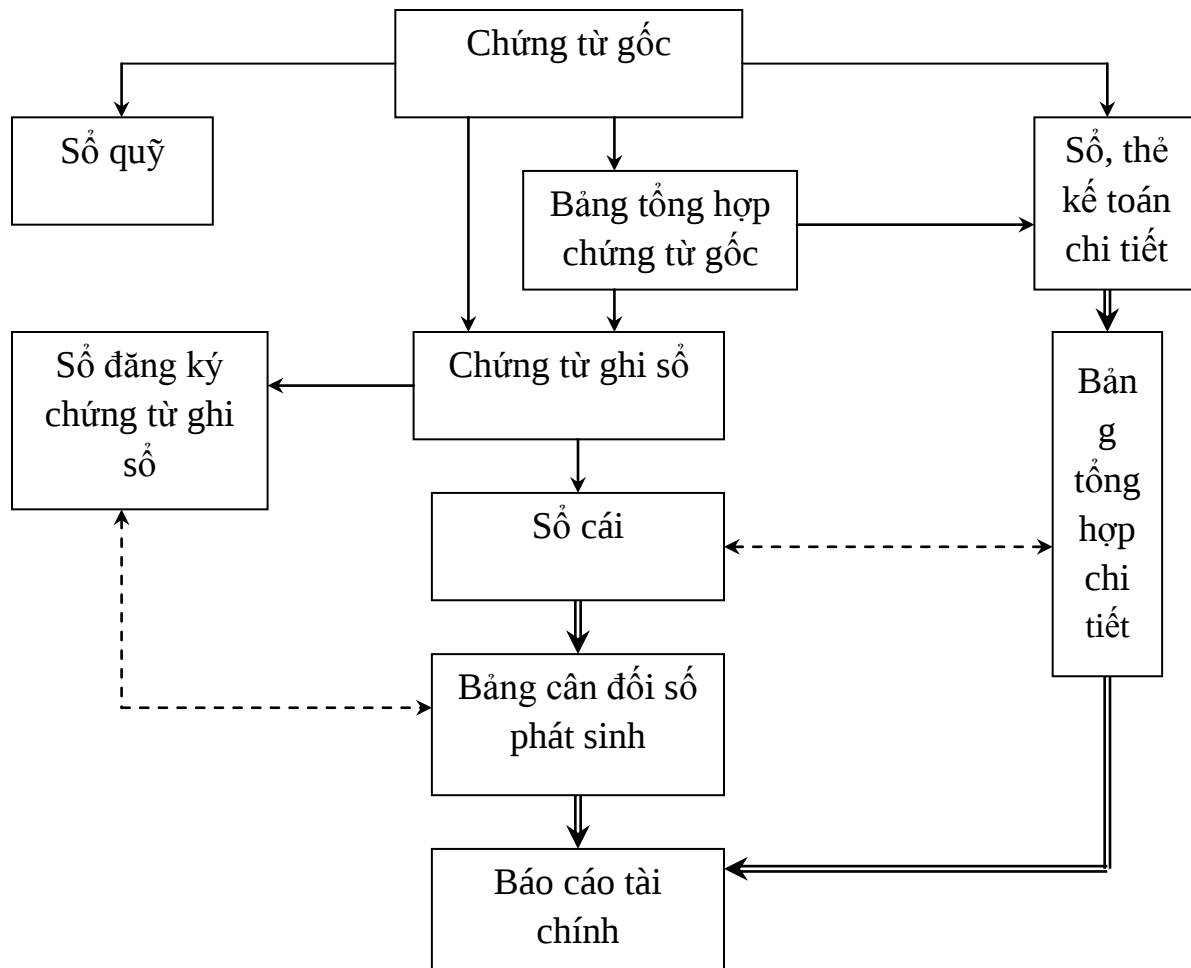
- Ghi hàng ngày.
- ====> Ghi cuối tháng.
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

1.5.3. Hình thức sổ kế toán chứng từ ghi sổ.

Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm có các loại sổ kế toán sau:

- + Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- + Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.
- + Sổ cái.

Sơ đồ 8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- =====> Ghi cuối tháng.
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

1.5.4. Hình thức sổ nhật ký chứng từ.

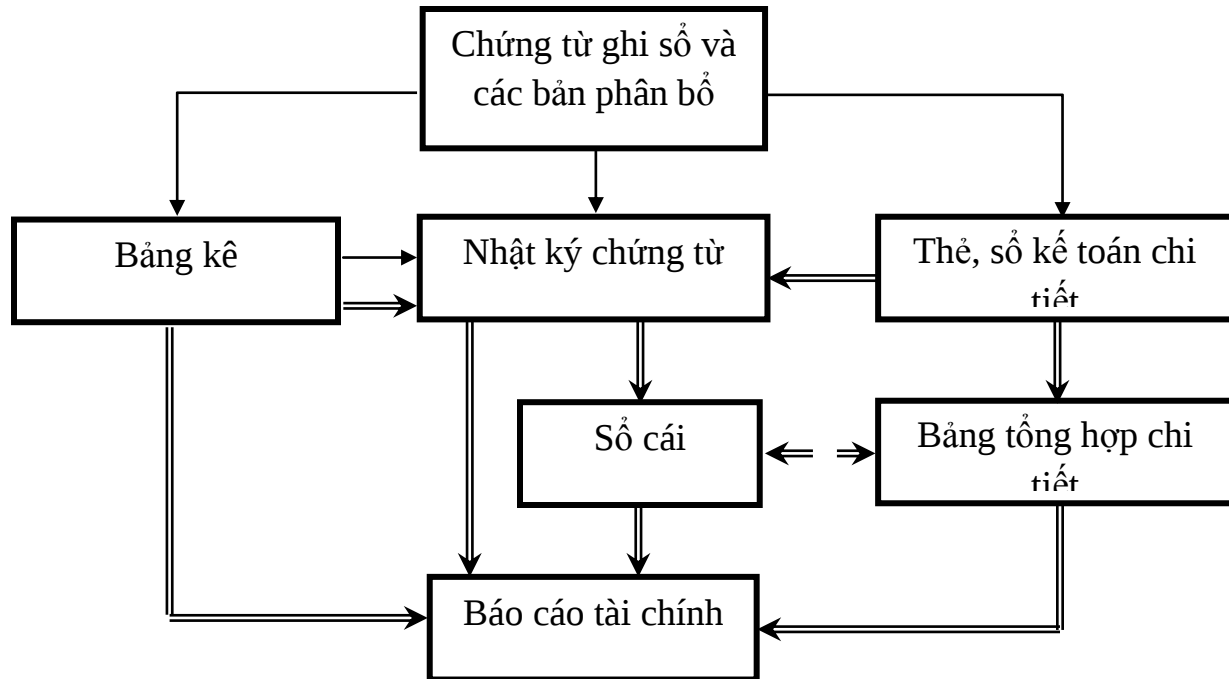
Đặc biệt là hình thức sổ nhật ký chứng từ (NKCT)- là hình thức sổ có sự kết hợp giữa ghi chép theo trình tự thời gian và ghi chép theo hệ thống, có sự kết hợp giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa ghi chép hàng ngày với tổng hợp số liệu để lập báo cáo cuối tháng.

Hình thức này có các sổ sau:

- Nhật ký chứng từ.
- Bảng kê.
- Sổ cái các TK.
- Các sổ kế toán chi tiết.

Trình tự kế toán theo hình thức nhật ký chứng từ như sau:

Sơ đồ 9: Trình tự ghi sổ theo hình thức NKCT.



Ghi chú:

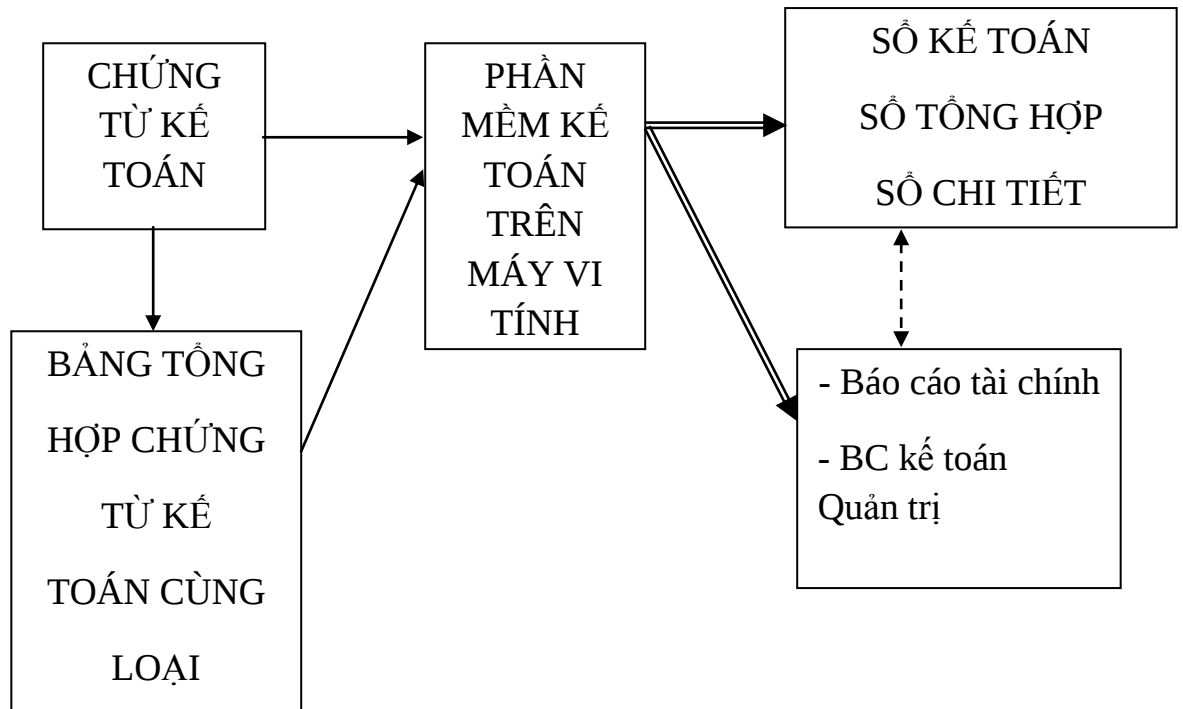
- Ghi hàng ngày.
- ====> Ghi cuối tháng.
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

1.5.5. Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng phần mềm kế toán.

Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy tính: Phần mềm kế toán thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ====> Ghi cuối tháng.
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH NHỰA ĐÔNG Á

2.1. Đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, Quản lý sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.

- ✓ Tên tiếng việt: Công ty TNHH Nhựa Đông á
- ✓ Tên quốc tế: DONGA PLASTIC COMPANY LIMITED
- ✓ Tên giao dịch viết tắt: DONGA PLASTIC Co, Ltd
- ✓ Văn phòng giao dịch:
- ✓ Phòng 601 Tòa nhà DMC 535 Kim Mã - Ba Đình Hà Nội.
- ✓ Điện thoại: 04. 37342888 Fax: 04. 37342830
- ✓ Nhà máy sản xuất:
- ✓ Khu công nghiệp Châu Sơn - Châu Sơn – Phú lý - Hà Nam

Quyết định thành lập công ty.

Công ty TNHH Nhựa Đông Á là công ty con của Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0604000011 cấp ngày 13 tháng 02 năm 2007, giấy chứng nhận kinh doanh thay đổi lần 1 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 15 tháng 07 năm 2007.

- ✓ Vốn điều lệ: 58.000.000.000 đồng (Năm mươi tám tỷ đồng chẵn)
- ✓ Mã số thuế: 0101099228 – 002
- ✓ Ngành nghề kinh doanh
 - Sản xuất sản phẩm từ plastic: Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất bằng nhựa;
 - Buôn bán máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Buôn bán vật tư ngành nhựa, thiết bị ngành nhựa; Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
 - Cho thuê kho bãi, nhà xưởng và cơ sở vật chất hạ tầng;
 - Xây dựng công trình: dân dụng nhà các loại, giao thông (công trình đường bộ), công nghiệp, thủy lợi;
 - Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
 - Vận tải hành khách bằng đường bộ, vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Gia công cơ khí; Đầu tư xây dựng nhà ở;
 - Kinh doanh khách sạn: Nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh dịch vụ sinh thái (không bao gồm phòng hát Karaoke, quán bar, vũ trường).

Các giai đoạn phát triển của công ty

Công ty TNHH Nhựa Đông Á là một công ty mới được thành lập ngày 13/02/2007 theo giấy phép số 0604000011 do sở kế hoạch đầu tư tỉnh Hà Nam cấp và chính thức đi vào hoạt động tháng 04/2007. Tuy là một doanh nghiệp mới được thành lập nhưng với sự giúp đỡ từ công ty mẹ là Công ty cổ phần tập đoàn nhựa đông á cho nên công ty có một hệ thống nhà xưởng máy móc hiện đại. Công ty chỉ còn nhiệm vụ là sản xuất những sản phẩm mới và tìm mọi cách tiết kiệm chi phí sản xuất các sản phẩm đang sản xuất. Công ty luôn hoàn thành và vượt mức các chỉ tiêu phát triển mà công ty mẹ giao cho.

Công ty được phép sử dụng con dấu riêng và tự tổ chức phân cấp quản lý cán bộ, được mở tài khoản tiền Việt Nam và tiền ngoại tệ tại các ngân hàng dưới sự giám sát tài chính chung của Công ty mẹ.

Trải qua gần 4 năm xây dựng và phát triển, công ty đã kịp thời đưa ra nhiều giải pháp tổ chức hợp lý cơ cấu nguồn lao động tới việc sắp xếp bố trí các dây chuyền sản xuất sao cho tiết kiệm chi phí vận chuyển từ kho tới phân xưởng hay từ phân xưởng này tới phân xưởng kia, tới nay những tồn tại trong công ty đã được giải quyết. Hoạt động của công ty bước đầu đã góp phần thoả mãn nhu cầu thị trường, đón đầu thị trường trong việc cung cấp ra thị trường nguyên liệu chính là thanh SEA profile để sản xuất ra mặt hàng cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường. Gần đây sản phẩm này thay thế hẳn cho hàng nhập khẩu bởi tính ưu việt về giá cả cũng như chất lượng. Đồng thời tạo nguồn thu nhập ổn định cho gần 200 lao động.

*** Trách nhiệm:**

- Công ty có trách nhiệm thực hiện đúng chế độ quản lý tài chính thống kê, kế toán, lao động tiền lương và chính sách cán bộ.
- Đảm bảo vệ sinh môi trường và trật tự an toàn xã hội.
- Trong quan hệ với khách hàng theo hiện hành đúng pháp luật hợp đồng kinh tế của Nhà nước Việt Nam và công ước quốc tế tham gia.
- Sử dụng và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn của đơn vị, tự bù đắp chi phí, kinh doanh có lãi và làm tròn nghĩa vụ với nhà nước.

*** Sản phẩm:**

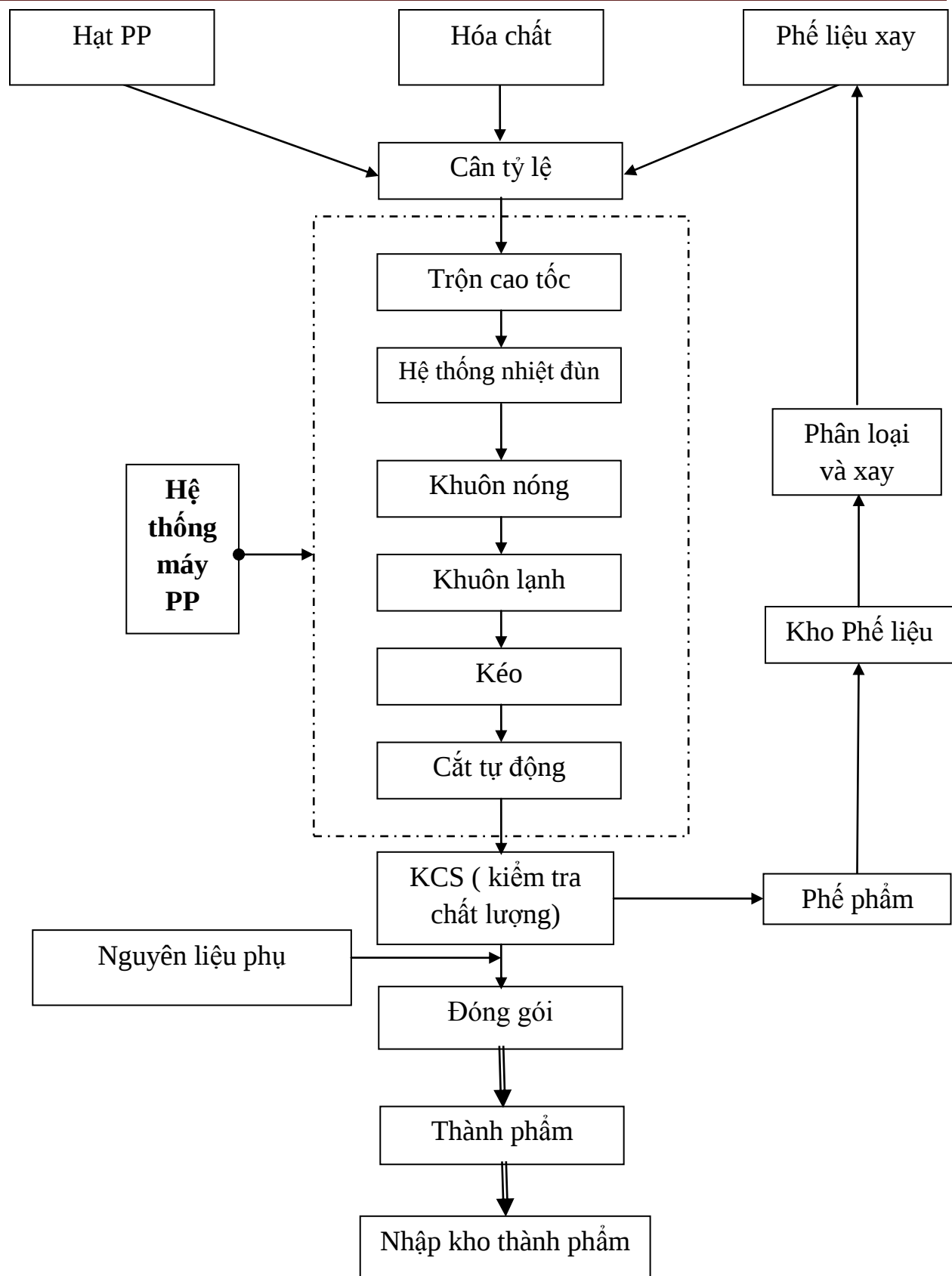
- Sản phẩm truyền thống: Táp ốp trần 6 ly, 8 ly, Phào đại, phào trung, nẹp H, Tấm cửa, Khung bao, Cái cửa, Đồ cửa ... là nguyên liệu trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng.
- Sản phẩm chiến lược: Thanh SEA profile (nguyên liệu chính sản xuất ra cửa nhựa uPVC có lõi thép gia cường đang thịnh hành hiện nay), Bạt Hiflex, Nhôm composite (sản xuất ra cửa nhôm siêu nhẹ cách âm, cách nhiệt, cách điện, chống cháy....).

- Sản phẩm mới: Tấm xốp PP công nghiệp (là nguyên liệu bao bọc các vi mạch điện tử, vật liệu quảng cáo cao cấp...).

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Công ty TNHH Nhựa Đông á là một đơn vị sản xuất các sản phẩm nhựa trang trí nội thất, bạt khổ rộng và vật liệu dùng làm bao bì của sản phẩm điện tử... Vì vậy để sản xuất các loại sản phẩm phục vụ cho các ngành nghề trên công ty đã bố trí cơ cấu dây truyền hợp lý, chuyên môn hoá sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của phân xưởng, tổ, đội sản xuất. Cụ thể, sơ đồ qui trình sản xuất tấm PP công nghiệp (dùng làm bao bì của các linh kiện, vi mạch điện tử).

Sơ đồ 11: Sơ đồ dây chuyền sản xuất tấm xốp PP công nghiệp.



Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận trong hệ thống sản xuất.

Sản phẩm của công ty phải trải qua rất nhiều công đoạn sản xuất mới hoàn thành: căn cứ vào độ bóng, mềm và độ dày của sản phẩm. Theo như đơn hàng mà khách hàng đặt phòng kinh doanh. Phòng kinh doanh sẽ liên hệ trực tiếp với bộ phận điều độ của nhà máy để trả lời khách về tình hình giao hàng. Điều độ nhà máy sẽ làm việc với Quản đốc phân xưởng về kế hoạch sản xuất (đối với mặt hàng tấm xốp PP thì nhà máy chỉ sản xuất một kích cỡ duy nhất là khổ 1.220 mm x 2.440 mm). Quản đốc sẽ kết hợp với bộ phận kho NVL, phế liệu và kỹ sư hóa tính toán và cân hỗn hợp gồm Hạt PP 1002, 8802, Hóa chất như R102, màu (như hạt màu xanh tím, xanh lam, đen, vàng, đỏ, xám ... tùy vào màu sắc mà khách hàng đặt). Sau khi cân xong hỗn hợp được đưa lên phễu dẫn tới hệ thống trộn cao tốc. Khi đã trộn đều hỗn hợp trải qua giai đoạn nhiệt nung nóng chảy và đùn. Lúc này khuôn nóng và khuôn lạnh sẽ có chức năng quyết định độ dày hay mỏng của sản phẩm. Hệ thống bàn kéo có tác dụng làm mặt sản phẩm bóng, mịn, tốc độ kéo nhanh hay chậm cũng ảnh hưởng tới độ dày hay mỏng của sản phẩm. Hệ thống cắt tự động bao gồm 2 lưỡi cắt diềm đảm bảo sản phẩm luôn thẳng mép và có độ rộng là 1.220 mm, 1 lưỡi cắt trục chính có nhiệm vụ cắt sản phẩm ổn định ở độ dài 2.440 mm. Sản phẩm có được vuông góc các mép cắt trong khi tốc độ đùn sản phẩm vẫn ổn định được đảm bảo bởi hành trình cắt tự động này. Rời khỏi công đoạn cắt này được bộ phận KCS có chuyên môn kiểm tra độ nhám, độ dày, tỷ trọng, màu sắc... Những phế phẩm sẽ được loại ra đến cuối ca cân và làm thủ tục nhập kho phế liệu còn những sản phẩm đạt sẽ kết hợp với nguyên liệu phụ như: Bao nylon, tem, băng dính sau đó cuối ca sẽ làm thủ tục nhập kho thành phẩm tấm PP.

Tấm PP có nhiều độ dày mỏng và màu sắc khác nhau. Tùy vào thị hiếu của thị trường hay đơn hàng của khách mà công ty có thể sản xuất để tồn kho. Công ty thường sản xuất và để tồn kho với số lượng lớn tấm PP 3 ly, 4 ly có màu trắng sữa và màu xanh tím. Mỗi một tấm PP sẽ được dán 1 tem bảo hành chất lượng. Cứ 20 tấm được đóng vào 1 bao nylon. Hai đầu của bao được dán 2 tem ghi chủng loại xuất xứ, ca, ngày sản xuất, người kiểm tra... Sau khi đã hoàn thành xong, sản phẩm sẽ được lưu kho hoặc báo cho phòng kinh doanh là hàng đã sản xuất xong để phòng kinh doanh liên hệ và giao sản phẩm cho khách hàng đúng như đơn hàng đã đặt.

**** Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.***

Để đảm bảo cho quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra bình thường Công ty TNHH Nhựa Đông á luôn duy trì mối quan hệ thân thiết với khách hàng và các đối tác trong nước cũng như nước ngoài để đảm bảo được thị trường tiêu thụ, nguồn cung cấp nguyên vật liệu, mặt khác cũng tìm kiếm và mở rộng phạm vi kinh doanh ra thị trường các nước lân cận như Lào, Campuchia, Malaysia, Thái Lan, Các nước tiểu vương quốc Ả Rập....

Trải qua một quá trình nỗ lực phấn đấu, Công ty đã có những bước phát triển đáng kể. Trong kế hoạch mở rộng quy mô cả về số lượng và chất lượng, Công ty đã đề ra các biện pháp. Để đạt được các mục tiêu mà Công ty mẹ đã định hướng và chỉ đạo, biện pháp chủ yếu của Công ty là tập trung cho công tác tiếp thị ổn định thị trường hiện tại, mở mang thêm thị trường mới, đồng thời chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường nhập khẩu thiết bị nguyên liệu phục vụ sản xuất trong nước, từ tích lũy của công ty từng bước bổ sung thêm vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Để có thể nhìn rõ hơn tình hình phát triển của công ty, sau đây là một số chỉ tiêu của công ty đã đạt được trong những năm gần đây:

BIỂU 1: KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA CÔNG TY NĂM 2007, 2008, 2009

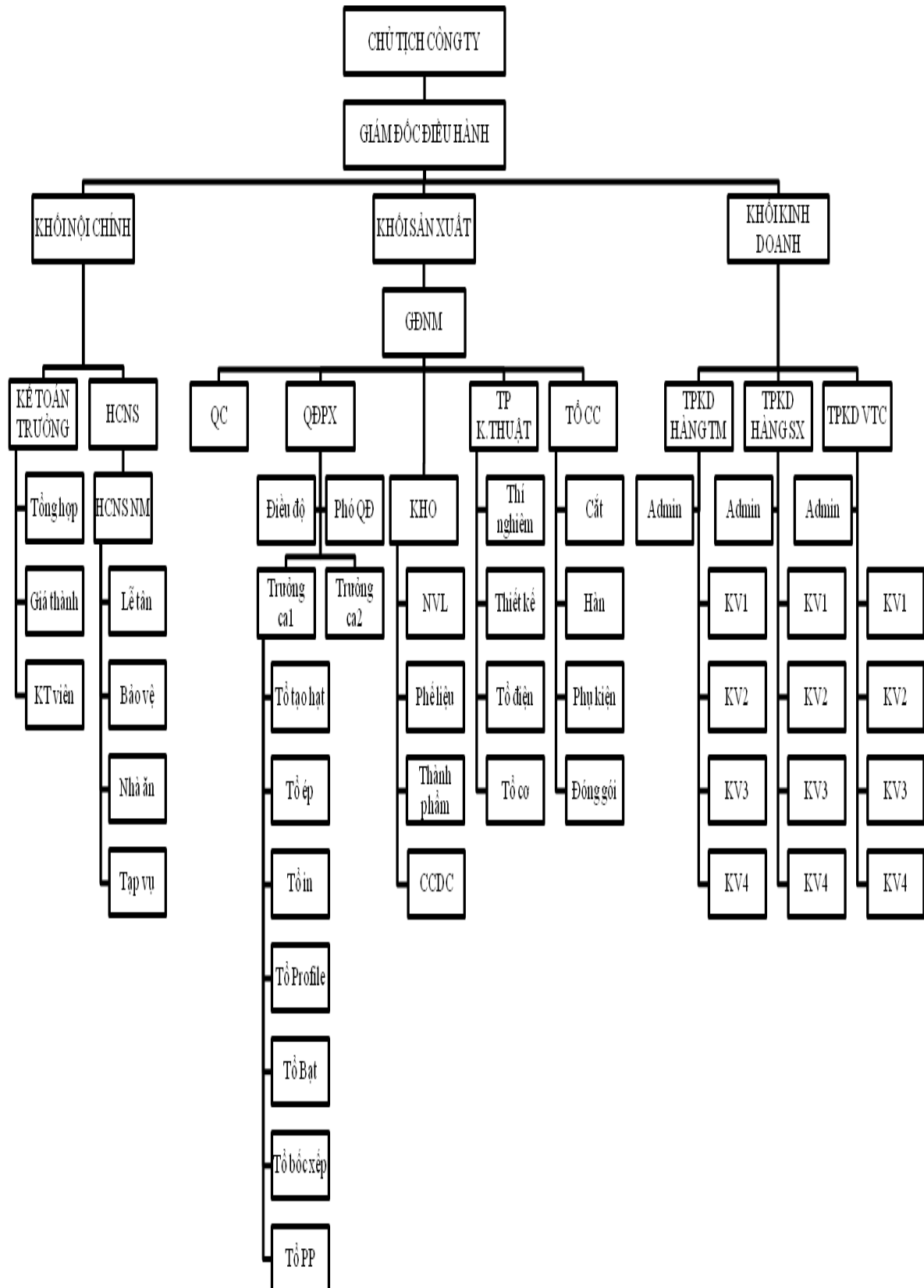
Đơn vị tính: 1.000 VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Doanh thu từ bán hàng	65.643.598	100.836.982	124.828.421
Các khoản giảm trừ	221.166	1.785.896	3.305.760
Doanh thu thuần	65.422.432	99.054.086	121.522.661
Giá vốn hàng bán	57.648.083	83.034.112	90.128.357
Chi phí lãi vay	1.476.131	4.845.600	6.137.214
Lợi nhuận kế toán sau thuế	5.054.518	4.347.505	15.999.475
Thu nhập bình quân đầu người	2.232	2.435	2.938

(nguồn tham khảo: Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008, 2009 bởi công ty kiểm toán và định giá Việt Nam VAE)

Từ bảng kết quả kinh doanh của công ty qua 3 năm 2007 – 2009, chúng ta thấy rằng hoạt động kinh doanh của công ty diễn ra với chiều hướng tích cực, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty tăng trưởng cùng với sự tăng trưởng không ngừng của lợi nhuận (công ty được miễn thuế 5 năm kể từ khi đi vào hoạt động và giảm 50% cho 10 năm tiếp theo được ghi trong giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 39/GCNUĐ ngày 30/03/2006 của chủ tịch UBND tỉnh Hà Nam. Trong năm 2009 lợi nhuận công ty tăng đột biết là do có chủ trương của công ty mẹ nhập khẩu nguyên vật liệu với số lượng lớn như Bột nhựa, Dầu bóng, Hạt PP nguyên sinh.... Cho nên giá vốn hàng bán vẫn giữ ở mức ổn định trong khi giá bán của thành phẩm tăng theo sự biến động của giá dầu thế giới, Chi phí lãi vay đã giảm 15% so với lãi xuất leo thang tới 21% năm 2008. Các sản phẩm mới, sản phẩm chiến lược của công ty dần có chỗ đứng trên thị trường dần thay thế cho các sản phẩm cùng loại nhập khẩu.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty.



Cơ cấu tổ chức quản lý

Công ty TNHH Nhựa Đông á là một Công ty TNHH một thành viên, tổ chức và quản lý hoạt sản xuất động kinh doanh theo mô hình hoạt động của Công ty được quy định tại Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam thông qua ngày 29/ 11/ 2005 của. Hiện tại cơ cấu tổ chức của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung được chỉ đạo thống nhất từ trên xuống dưới.

Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy quản lý

Chủ tịch công ty kiêm giám đốc điều hành công ty là bà Trần Thị Lê Hải - người đứng đầu bộ lãnh đạo của công ty, thực hiện việc quản lý trực tuyến, trực tiếp phụ trách chung toàn công ty. Chủ tịch công ty là người đại diện cho công ty trước pháp luật. Nhà nước, cơ quan chủ quản và trước Công ty mẹ về hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty mình và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty mẹ.

Giám đốc Nhà máy là Ông Nguyễn Phú Thắng chịu trách nhiệm điều hành sản xuất chung của toàn nhà máy. Chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Chủ tịch công ty về những vấn đề liên quan tới sản xuất.

Ông Trịnh Hữu Quân là trưởng phòng kinh doanh thuộc sự chỉ đạo điều hành trực tiếp của Chủ tịch công ty liên quan tới công việc kinh doanh hàng hóa.

Bà Đinh Thị Thu Hiền đảm nhiệm chức danh kế toán trưởng là người chịu sự chỉ đạo trực tiếp của chủ tịch công ty về những công việc liên quan tới tài chính, kế toán, người trực tiếp quản lý, chỉ đạo và tổ chức điều hành toàn bộ mọi hoạt động bộ máy kế toán của công ty, chịu mọi trách nhiệm trước hội đồng quản trị, trước cơ quan Nhà nước về quản lý tài chính.

Ông Phạm Anh Tuấn: Trưởng phòng HCNS chịu trách nhiệm bao quát chung những vấn đề thuộc về hành chính nhân sự của công ty. Là người có sự am hiểu sâu sắc về luật. Thường xuyên tư vấn cho Chủ tịch công ty những vướng mắc liên quan đến luật pháp.

Mỗi phòng ban, tổ sản xuất đều có nhiệm vụ cụ thể.

- Phòng kinh doanh: Có nhiệm vụ lập kế hoạch cho các bộ phận khác thực hiện từ kế hoạch tiền khả thi và đi vào hoạt động.

+ Xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh.

+ Thu thập các thông tin về sản phẩm, đối thủ cạnh tranh, khách hàng để về phản ánh lại với các bộ phận phân tích và lập kế hoạch kỳ tiếp theo.

- Phòng hành chính, nhân sự: Tham mưu giúp việc cho giám đốc, thực hiện xây dựng mô hình tổ chức, quản lý hồ sơ cán bộ công nhân viên, tổ chức nhân sự, sắp xếp lao động, hành chính quản trị. Đồng thời hướng dẫn tình hình hoạt động của công ty, tiếp nhận quản lý, phân phối và lưu trữ tài liệu, công văn đi và đến...

- Phòng tài chính - kế toán: Nhiệm vụ chính là hướng dẫn và kiểm tra thực hiện công tác tài chính kế toán, thống kê, thu nhận các thông tin kinh tế, giám sát đầy đủ kịp thời và chính xác mọi nhiệm vụ kinh tế phát sinh trong công ty đối với Nhà nước, chế độ qui chế trả lương, phân tích hoạt động tài chính, tổng hợp tình hình hoạt động kinh doanh để báo cáo thường xuyên cho ban Giám đốc.

Phân cấp quản lý tài chính công ty.

Bộ máy quản lý tài chính của công ty đứng đầu là Chủ tịch công ty giữ vai trò lãnh đạo chung toàn công ty, chịu trách nhiệm trước cơ quan cấp trên, cơ quan Nhà nước cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên về mặt tài chính của Công ty. Là người chỉ đạo cao nhất, quyết định mở rộng hay thu hẹp quy mô sản xuất kinh doanh của công ty.

Bộ máy kế toán đứng đầu là Kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Công ty là người giúp lãnh đạo tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế của Công ty.

Công tác kế hoạch hoá tài chính của công ty

Công tác kế hoạch hoá tài chính của công ty rất được coi trọng, do vậy để chuẩn bị cho việc kinh doanh của công ty được yêu cầu lập kế hoạch kinh doanh, tài chính theo từng tháng, từng quý, từng năm trên cơ sở số liệu chứng từ cùng kỳ năm trước.

Căn cứ vào số liệu năm trước, công ty lập kế hoạch như: kế hoạch về doanh thu, chi phí, lợi nhuận, vốn... đến kỳ quyết toán công ty tổ chức đánh giá các chỉ tiêu kế hoạch so với tình hình thực hiện, đem đánh giá và làm căn cứ để lập kế hoạch cho năm tài chính tiếp theo.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán của công ty.

2.1.4.1. Hình thức tổ chức bộ máy kế toán.

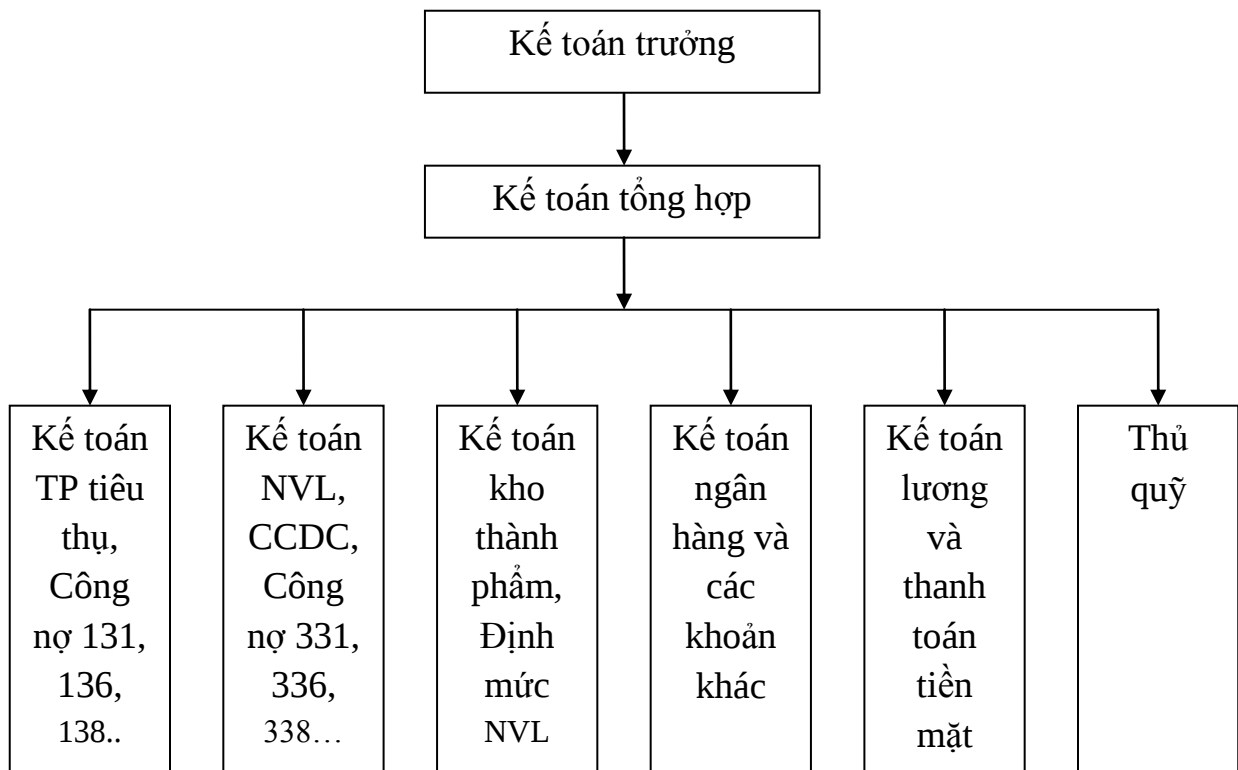
Tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH Nhựa Đông Á là một công ty hiện nay căn cứ vào đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh, phạm vi hoạt động và cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán Công ty Đông Á đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung.

Tại công ty phòng kế toán là nơi tập hợp toàn bộ chứng từ và xử lý theo từng phần hành công việc, các nhân viên kế toán có nhiệm vụ thống kê và hạch toán ban đầu, theo dõi thu thập thông tin, kiểm tra sơ bộ chứng từ và phản ánh nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động của bộ phận đó rồi gửi chứng từ đó về kế toán trưởng.

Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, áp dụng giá bình quân gia quyền cuối tháng đối với hàng xuất kho, với hình thức kế toán này công việc kế toán tổng hợp và kế toán trưởng của Công ty là thu nhận và kiểm tra chứng từ, việc ghi sổ (định khoản) đối với từng loại chứng từ thường xuyên hay đột xuất khi chứng từ được cập nhật vào phần mềm kế toán.

2.1.4.2. Cơ cấu tổ chức phòng kế toán

Sơ đồ 13: Tổ chức bộ máy kế toán ở công ty.



Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận trong bộ máy kế toán.

Bộ máy kế toán đứng đầu là kế toán trưởng chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Chủ tịch công ty, là người giúp lãnh đạo công ty tổ chức và chỉ đạo toàn bộ công tác kế toán, thống kê, thông tin kinh tế và hạch toán kinh tế tại công ty.

Các nhân viên kế toán chịu sự lãnh đạo trực tiếp của kế toán trưởng bao gồm:

- Kế toán tổng hợp: Có chức năng kiểm tra trước các khoản tạm ứng, thanh toán tạm ứng, báo cáo bếp ăn, bảng lương, các khoản tạp chi dưới nhà máy. Tổng hợp bảng kê mua vào, bán ra, báo cáo sử dụng hóa đơn hàng tháng để làm tờ khai thuế GTGT nộp cơ quan thuế hàng tháng và các tờ khai phục vụ cơ quan thuế theo định kỳ. Làm báo cáo tổng hợp kiểm kê gửi KTT ngày 06 tháng liền kề. Phân bổ các chi phí liên quan trong kỳ kế toán theo các tiêu thức phù hợp.

Kiểm tra và tính giá thành các phân xưởng của công ty. Kiểm tra lịch thanh toán tuần và định kỳ làm báo cáo tuần, tháng, phân cấp chi, công nợ, giá thành, so sánh định mức NVL, sửa chữa TSCĐ cho kế toán trưởng.

- Kế toán thành phẩm tiêu thụ và công nợ phải thu 131: Có chức năng theo dõi các khoản nợ đối với khách hàng, chiết khấu, giảm giá, hàng bán bị trả lại.... Hàng tuần lên công nợ quá hạn, tình hình phải thu đối với khách hàng, Hàng tháng làm biên bản đối chiếu công nợ nộp cho kế toán tổng hợp và kế toán trưởng bằng đường E-mail. Ngoài ra còn phải theo dõi các khoản phải thu nội bộ và thu khác. Đối với các khoản phải thu khác đến ngày 28 hàng tháng kế toán phải nộp bảng tổng hợp phải thu khác đối với những đối tượng là nhân viên trong công ty cho kế toán tổng hợp căn cứ vào Quy chế và sổ tay quản trị của Công ty trình kế toán trưởng hoặc ban giám đốc xét trừ lương hay không trừ lương chuyển bộ phận HCNS để tính lương đối với các đối tượng đó.

- Kế toán NVL, CCDC và công nợ phải trả 331: Có chức năng theo dõi nhập, xuất kho NVL, CCDC hàng tháng phải nộp báo cáo chênh lệch kiểm kê nộp cho kế toán tổng hợp vào ngày 05 của tháng kế tiếp. Theo dõi công nợ đối với các nhà cung cấp hàng tháng nộp báo cáo tổng hợp công nợ và biên bản đối chiếu công nợ đối với từng đối tượng cho kế toán tổng hợp. Hàng tuần vào ngày thứ 6 kết hợp với phòng Kế hoạch vật tư lên lịch thanh toán cho nhà cung cấp vào tuần liền kề. Ngoài ra kế toán còn phải theo dõi các khoản công nợ 336, 338...

- Kế toán kho thành phẩm và định mức nguyên vật liệu: Đây là kế toán gắn liền với tình hình sản xuất của nhà máy. Hàng ngày căn cứ vào định mức công bố, báo cáo sản xuất, phiếu nhập kho thành phẩm, phiếu nhập kho phế liệu mà kiểm tra báo cáo sản xuất của các trưởng máy xem ca đó có sản xuất đúng với định mức hay không. Cũng như kế toán NVL, CCDC hàng tháng kế toán phải nộp báo cáo chênh lệch kiểm kê kho mình phụ trách cho kế toán tổng hợp. Hàng tháng phải nộp báo cáo so sánh định mức thực tế so với định mức công bố cho Kế toán tổng hợp trình cấp trên.

- Kế toán ngân hàng: Hiện nay theo quy định của nhà nước đối với những hóa đơn có trị giá lớn hơn hoặc bằng 20.000.000 đ (hai mươi triệu đồng) muốn được khấu trừ thuế thì bắt buộc phải thanh toán qua ngân hàng.

Do vậy công việc của kế toán ngân hàng bị độn lên rất nhiều. Kế toán Ngân hàng có trách nhiệm giao dịch với ngân hàng để thanh toán tất cả các khoản thanh toán qua ngân hàng: như thanh toán trong nước, quốc tế, vay trả lương, vay ngắn hạn, dài hạn, trung hạn, làm các thủ tục bảo lãnh....

- Kế toán thanh toán tiền mặt và lương: Hàng ngày kiểm tra và lập phiếu thu, chi khi đầy đủ các thủ tục theo như quy định của công ty. Cuối ngày chốt kết với thủ Quỹ về số tồn trên sổ quỹ (ghi tay của thủ quỹ) với sổ quỹ theo dõi trên phần mềm kế toán. Hàng tháng kiểm tra chi tiết lương của từng người do HCNS chuyển sang vào ngày 02 tháng liền kề căn cứ vào các quyết định, bảng tổng hợp chấm công, bảng xác nhận hệ số tính lương doanh số, bảng tổng hợp phải thu khác của khối nhân viên, bảng tổng hợp hệ số Ki... sau đó hạch toán vào phần mềm trên cơ sở bảng lương đã được ban giám đốc phê duyệt. Ngoài ra kế toán còn phải theo dõi các khoản tạm ứng, hoàn ứng hàng tuần phải làm bảng tổng hợp tạm ứng gửi kế toán tổng hợp và kế toán trưởng.

- Thủ quỹ: Có nhiệm vụ quản lý tiền mặt, thực hiện thu chi tiền mặt khi có chứng từ hợp lệ. Đảm bảo thu đúng, thu đủ, chi đúng theo các phiếu thu chi hợp lệ chuyển đến, cuối ngày tiến hành đối chiếu thu chi tồn quỹ với kế toán thanh toán tiền mặt và báo cáo tồn quỹ với kế toán trưởng, đồng thời thực hiện nhiệm vụ giao dịch với ngân hàng.

- Hình thức kế toán áp dụng :

Công ty áp dụng hình thức Nhật ký chung và được sử lý toàn bộ trên máy vi tính. Phần mềm kế toán máy Công ty đang áp dụng là phần mềm EFFECT ERP 3.0. Hệ thống kế toán được sử lý trên máy bao gồm 3 phần:

+ Chức năng:

- Nhập dữ liệu.
- Sổ sách báo cáo.
- Báo cáo riêng (báo cáo của tôi).
- Quản trị người dùng.

+ Thao tác cuối tháng.

- Lệch tỷ giá cuối tháng.
- Lao động tiền lương.
- Tính giá vốn Vlsphh.
- Kết chuyển phân bổ chi phí.
- Kế chuyển các khoản dư không.

+ Hệ thống.

- Danh mục.
- Khóa sổ/ Mở sổ dữ liệu.
- Sao chép dữ liệu ra.
- Sao chép dữ liệu vào.
- Cấu hình.

- Một số nguyên tắc được áp dụng:

+ Doanh thu được ghi nhận khi xuất hàng và phát hành hoá đơn GTGT.

+ Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh theo nguyên tắc phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc.

+ Phương pháp tính trị giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng.

+ Phương pháp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

+ Phương pháp khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo tháng. Tuân thủ Quyết định 206/2003/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính Về ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ ban hành ngày 12/12/2003.

Các sổ chi tiết được lưu trữ trên máy chủ bao gồm:

- + Sổ quỹ.
- + Sổ cái gộp tài khoản.
- + Sổ chi tiết tài khoản.
- + Bảng tổng hợp công nợ.
- + Báo cáo nhập xuất tồn.
- + Bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá dịch vụ mua vào và bán ra.
- + Các báo cáo tài chính, báo cáo hàng tồn kho, công nợ và các báo cáo khác phù hợp với những quy định của kế toán hiện hành.
- + Ngoài ra còn nhiều các báo cáo mang tính chất so sánh, kiểm tra, đối chiếu phục vụ mục đích quản trị của công ty được thiết kế sẵn.

Kỳ hạch toán chi phí, tính giá thành của công ty theo tháng, kỳ lập báo cáo tài chính theo quý, theo năm.

Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và niên độ kế toán được bắt đầu từ 01/01 đến 31/12 cùng năm.

2.1.4.3. Chính sách, phương pháp, chế độ, kế toán áp dụng tại công ty

Chế độ chứng từ.

Công ty áp dụng chế độ chứng từ theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

Hệ thống tài khoản.

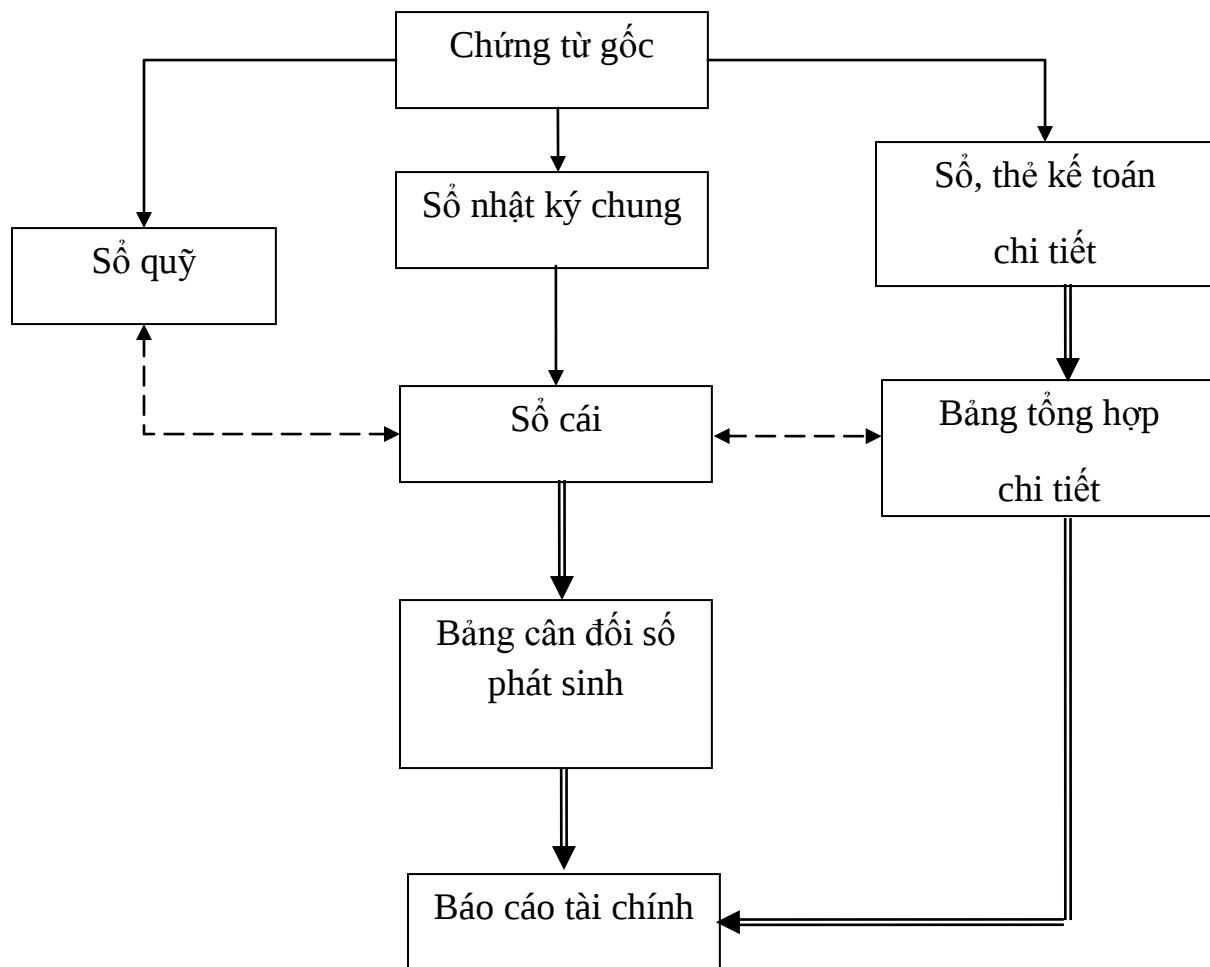
Công ty áp dụng hệ thống tài khoản kế toán theo chế độ kế toán hiện hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Trưởng Bộ Tài Chính về việc ban hành chế độ kế toán doanh nghiệp.

•Sổ kế toán:

- Sổ nhật ký chung

- Sổ ghi chép phân loại hoạt động kinh tế theo nội dung kinh tế (sổ cái) sổ chi tiết gồm các sổ thẻ chi tiết.

Sơ đồ 14: Hình thức kế toán nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ==> Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ.
- ←--> Quan hệ đối chiếu.

•Báo cáo tài chính:

Công ty thực hiện báo cáo tài chính theo quy định hiện hành của hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam gồm 3 biểu mẫu sau:

+ Bảng cân đối kế toán Mẫu số B01- DN

+ Kết quả hoạt động SXKD Mẫu số B02- DN

+ Thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B09- DN

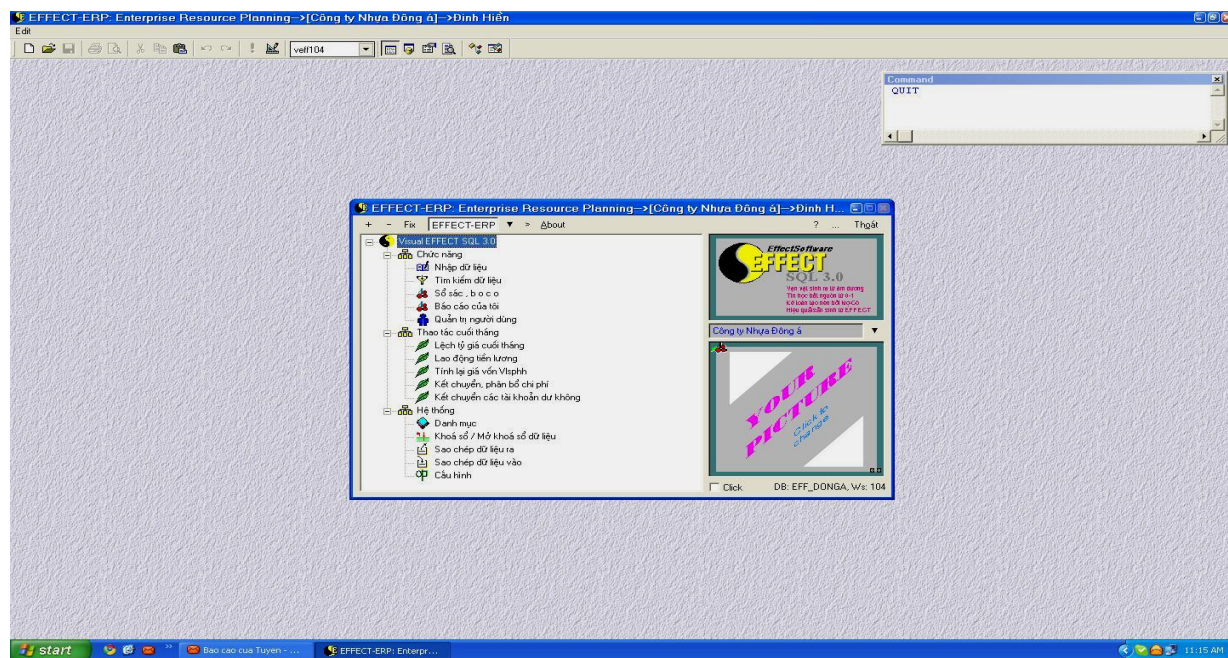
Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc chung được chấp nhận tại Việt Nam và chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính.

Thời hạn lập báo cáo được quy định vào mỗi quý, năm. Hàng năm sau khi kết thúc niên độ kế toán. Toàn bộ chứng từ, sổ sách, báo cáo tài tính được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán và Định giá Việt Nam VAE. Sau khi kiểm toán xong số liệu báo cáo tài chính được sửa đổi (nếu có chênh lệch) Sau đó kế toán gửi báo cáo đã được kiểm toán về cho Công ty mẹ là Công ty Cổ phần tập đoàn Nhựa Đông Á để làm báo cáo tài chính hợp nhất. Sau đó nộp 03 bản cho Cục thuế tỉnh Hà Nam. Thời hạn gửi báo cáo theo qui định muộn nhất là 30 ngày kết thúc quý, sau 90 kể từ khi kết thúc niên độ kế toán. Nộp cho các ban ngành liên quan khi có yêu cầu bằng văn bản như: Sở kế hoạch đầu tư, Công ty

Hiện nay, hoạt động sản xuất của doanh nghiệp khá đa dạng. Tuy nhiên, mặt hàng chủ yếu là các sản phẩm như tấm ốp trần, trần thả, tấm cửa, khung bao như trước đây đã dần dần nhường chỗ cho các sản phẩm chiến lược và sản phẩm mới như: Thanh SEA profile, bạt Hiflex...và công ty đang nghiên cứu và đưa vào sản xuất thanh nhôm Composite để sản xuất ra các loại cửa, vách ngăn có ưu thế về trọng lượng, cách âm, cách nhiệt Ngoài hệ thống sổ sách theo bộ tài chính quy định và hình thức kế toán công ty đang áp dụng phần mềm EFFECT 3.0 còn cung cấp một loạt các báo cáo được thiết kế sẵn tùy từng mục đích theo dõi, quản lý. Nhờ đó mà bộ phận kế toán có thể quản lý gần 5.000 danh mục và tính giá thành cho gần 3.000 đối tượng một cách chính xác và kịp thời.

Trình tự hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vẫn theo đúng trình tự hình thức Nhật ký chung. Hàng ngày khi có nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán có sẵn hoặc tiến hành lập theo phần hành kế toán đã được phân loại vào sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian phát sinh của nghiệp vụ, chọn mã TK sử dụng và phần mềm tự động chạy đến các sổ kế toán chi tiết và sổ kế toán tổng hợp.

Giao diện chính của phần mềm EFFECT 3.0 như giao diện dưới đây:



Hình 1. Giao diện phần mềm EFFECT 3.0

Tùy thuộc vào từng phần hành của mọi người mà có quyền nhập liệu, xem các báo cáo, tìm kiếm dữ liệu.... theo sự phân quyền của Kế toán trưởng khi người đó bắt đầu tiếp quản công việc cũng như phần hành kế toán của mình.

Việc áp dụng phần mềm kế toán vào công tác kế toán trong công ty là một bước phát triển thể hiện Công ty đã nhanh chóng tiếp cận kịp thời xu hướng mới, những ứng dụng của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin vào công tác quản lý của mình. Sau đây là bảng trích dẫn về các danh mục mà kế toán quản lý.

2.2. Tình hình thực tế về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á.

2.2.1. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất.

Quá trình sản xuất các sản phẩm nhựa của công ty được thực hiện qua nhiều khâu nên việc xác định đúng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất là rất quan trọng, nó là cơ sở để hạch toán đúng chi phí sản xuất.

Dựa trên cơ sở đặc điểm, tính chất sản xuất, quy trình công nghệ, trình độ và yêu cầu quản lý để xác định đối tượng tập hợp chi phí tại công ty là nhóm sản phẩm (Tầm xộp 3 ly, 4 ly, Tầm trần 6 ly, 8 ly, khổ rộng 25 cm, Trần thả 8 ly, 15 ly...), sản phẩm (hạt nhựa, pfofile, bạt...) còn các chi phí không tập hợp trực tiếp được thì sẽ tập hợp chung toàn phân xưởng. Trên đây em chọn nhóm giá thành là tầm xộp PP sản xuất trong tháng 01/2010 để làm đối tượng của đề tài.

Khi có kế hoạch sản xuất được công ty chấp nhận sản xuất thì căn cứ vào các chi phí thực tế phát sinh kế toán tiến hành cập nhật chi phí sản xuất vào từng nhóm đối tượng. Nhóm đối tượng tập hợp chi phí cũng chính là nhóm đối tượng để tính giá thành.

2.2.2. Phân loại chi phí sản xuất và công tác quản lý chi phí sản xuất.

* Đặc điểm chi phí sản xuất tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á.

Để sản xuất ra các sản phẩm tầm xộp PP công ty cần nhập về các nguyên liệu sản xuất chủ yếu là hạt nhựa PP nguyên sinh và một số loại hóa chất, các nguyên liệu phục vụ cho việc đóng gói. Do đặc điểm của công ty là sản xuất liên tục do vậy phải thường xuyên đảm bảo nguồn nguyên liệu đầu vào để đáp ứng cho nhu cầu sản xuất không bị gián đoạn.

Nắm bắt được đặc điểm này công ty mẹ đã giao nhiệm vụ thu mua vật liệu phục vụ sản xuất cho một bộ phận riêng đó là bộ phận kế hoạch vật tư đồng thời ký hợp đồng nguyên tắc theo năm với một số nhà cung cấp và đại lý để công ty luôn có nguồn nguyên liệu sẵn có phục vụ sản xuất.

Các sản phẩm tấm xốp PP thường là nguyên liệu chính của một số loại bao bì chuyên dụng và vật liệu cao cấp cho ngành quần áo. Yêu cầu của sản phẩm phải đạt các thông số kỹ thuật như độ dày, cứng (hay mềm), độ bóng, màu sắc, tỷ trọng g/m². Cho nên việc điều chỉnh độ dày mỏng, cân tỷ lệ các loại nguyên vật liệu đầu vào như hạt nhựa PP, hóa chất, bột màu phải đảm bảo độ chính xác và dung sai thấp, lượng vật liệu phải đảm bảo và tỷ lệ pha chế hóa chất phải đúng theo công thức nhất định trong một dung sai rất nhỏ. Với vai trò lớn đó của vật liệu và tay nghề công nhân trong việc sản xuất sản phẩm nên buộc các nhà quản lý luôn phải chú trọng đến yếu tố đầu vào này, thường xuyên kiểm tra, đánh giá nguyên vật liệu, tay nghề công nhân.

Về mặt hạch toán, do trong quá trình sản xuất các sản phẩm luôn có định mức, công thức chạy, yêu cầu sản phẩm được công bố vào đầu mỗi niên độ (thường là trong thời gian tháng 01 và được áp dụng khi có sự thay đổi) căn cứ vào thực tế tình hình sản xuất của năm trước đó. Những chi phí về nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ được quy định rõ ngay từ đầu trước khi hạch toán như: Hạt nhựa PP 1002, 8802 là nguyên vật liệu chính, Titan R102, Hạt PP màu xanh tím, hạt PP màu vàng, màu đen, nguyên liệu phục vụ đóng gói được coi là nguyên vật liệu phụ.

Phần lớn các chi phí được tập hợp trực tiếp cho từng nhóm sản phẩm, tuy nhiên có một số chi phí không tập hợp trực tiếp được cho từng nhóm sản phẩm mà phải tập hợp chung cho tất cả phần xưởng rồi đến cuối tháng mới phân bổ cho từng loại như chi phí về nhân công, điện nước, khấu hao TSCĐ, công cụ dụng cụ, khấu hao TSCĐ sản xuất chung... Các chi phí này được tập hợp chung cuối kỳ phân bổ theo tiêu thức trọng lượng quy đổi của thành phẩm thực tế sản xuất trong kỳ. Trong kỳ tất cả các chi phí phát sinh được tập hợp và theo dõi trên các sổ và các tài khoản chi tiết.

* Phân loại chi phí sản xuất ở Công ty TNHH Nhựa Đông Á.

Hiện nay nhằm thuận tiện cho việc theo dõi các chi phí phát sinh và phù hợp với chế độ kế toán hiện hành công ty đã thực hiện phân loại chi phí, toàn bộ chi phí sản xuất của công ty trong tháng được hạch toán các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên liệu: Các chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp được xác định từ các chứng từ như: Phiếu nhập kho phế liệu thu hồi, phiếu xuất kho nguyên vật liệu.

+ Chi phí nguyên vật liệu chính gồm 2 loại hạt PP 1002 và 8802.

+ Chi phí nguyên vật liệu phụ gồm các loại nguyên liệu như Titan R102, hạt PP màu xanh tím, bao nilon, Tem các loại.

- Chi phí nhân công trực tiếp: Bao gồm toàn bộ các khoản lương cơ bản, lương phụ cấp, Ki, BHXH, BHYT, BHTN của công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm.

Khi theo dõi các khoản chi phí này kế toán sử dụng các sổ như: Bảng thanh toán lương, bảng phân bổ tiền lương.

- Chi phí sản xuất chung: Là những chi phí sản xuất phục vụ quản lý sản xuất ở Phân xưởng 8 không kể chi phí trực tiếp, gồm:

+ Chi phí nhân viên quản lý, phụ trợ toàn nhà máy như: Tổ QC (KCS), Tổ cơ điện, Tổ bếp + phụ vụ, Tổ kho.

+ Chi phí khấu hao máy móc thiết bị.

+ Chi phí dụng cụ sản xuất.

+ Chi phí dịch vụ mua ngoài.

+ Chi phí bằng tiền khác.

Ngoài ra chi phí sản xuất của công ty còn được ngằm hiệu phân ra làm 2 loại chi phí như sau:

+ Chi phí đích danh: Là những chi phí liên quan đích danh tới đối tượng tính giá thành: như nguyên liệu chính, Nguyên liệu phụ.

+ Chi phí không đích danh (phân bổ): Là những chi phí không tập hợp được cho đối tượng tính giá thành: Chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung.

Tất cả các chi phí này được theo dõi trên sổ chi phí sản xuất kinh doanh nhằm làm tài liệu cung cấp thông tin cần thiết cho phòng kế toán và văn phòng giám đốc để tham khảo lập dự toán chi phí sản xuất và xác định giá bán sản phẩm.

Cuối tháng, dựa trên các sổ chi tiết kế toán lập bảng tổng hợp chi phí sản xuất làm cơ sở cho việc tính giá thành sản phẩm.

2.2.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất.

2.2.3.1. Tổ chức tập hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Nguyên vật liệu của công ty Đông Á gồm:

+ NVL chính: Hạt PP nguyên sinh 1002, 8802, Phế liệu xay - TK 1521111

+ Vật liệu phụ: Titan R105, hạt PP màu xanh tím, Bao nilon, Tem các loại

Để tập hợp chi phí NVL trực tiếp công ty sử dụng TK 621111- CP NVLTT.

Căn cứ vào lệnh sản xuất hàng ngày (do điều độ sản xuất lập), căn cứ vào định mức nguyên vật liệu sản xuất sản phẩm và công thức trộn (do phòng kỹ thuật và kỹ sư hóa lập), Tổ trưởng tổ PP làm đề nghị cấp nguyên vật liệu trình Quản đốc xem xét. Quản đốc ký duyệt và đưa cho tổ kho. Tổ kho làm việc và giao cho bộ phận kho quản lý nguyên vật liệu làm thủ tục bàn giao nguyên vật liệu cho Tổ trưởng tổ PP. Cuối ca Thủ kho phụ trách NVL, Quản đốc cùng tổ trưởng kiểm lại nguyên vật liệu tồn đầu phiên (nguyên bao, mẻ) bàn giao cho ca kế tiếp. Lúc này Thủ kho mới xác định được số thực xuất bằng cách lấy số tồn ca trước + xuất ca này – số tồn bàn giao ca sau. Sau đó Thủ kho sẽ lập phiếu xuất kho. Phiếu được lập thành 02 liên có chữ ký xác nhận của Tổ trưởng tổ PP và Quản đốc phân xưởng hay trưởng ca phiếu xuất kho chỉ xác nhận được số lượng mà không có giá trị hàng xuất kho.

- 1 liên gốc thủ kho giữ và làm căn cứ vào thẻ kho.

- 1 liên lưu gửi cho kế toán phụ trách để làm căn cứ nhập dữ liệu vào phần mềm để tính giá thành vào cuối mỗi tháng.

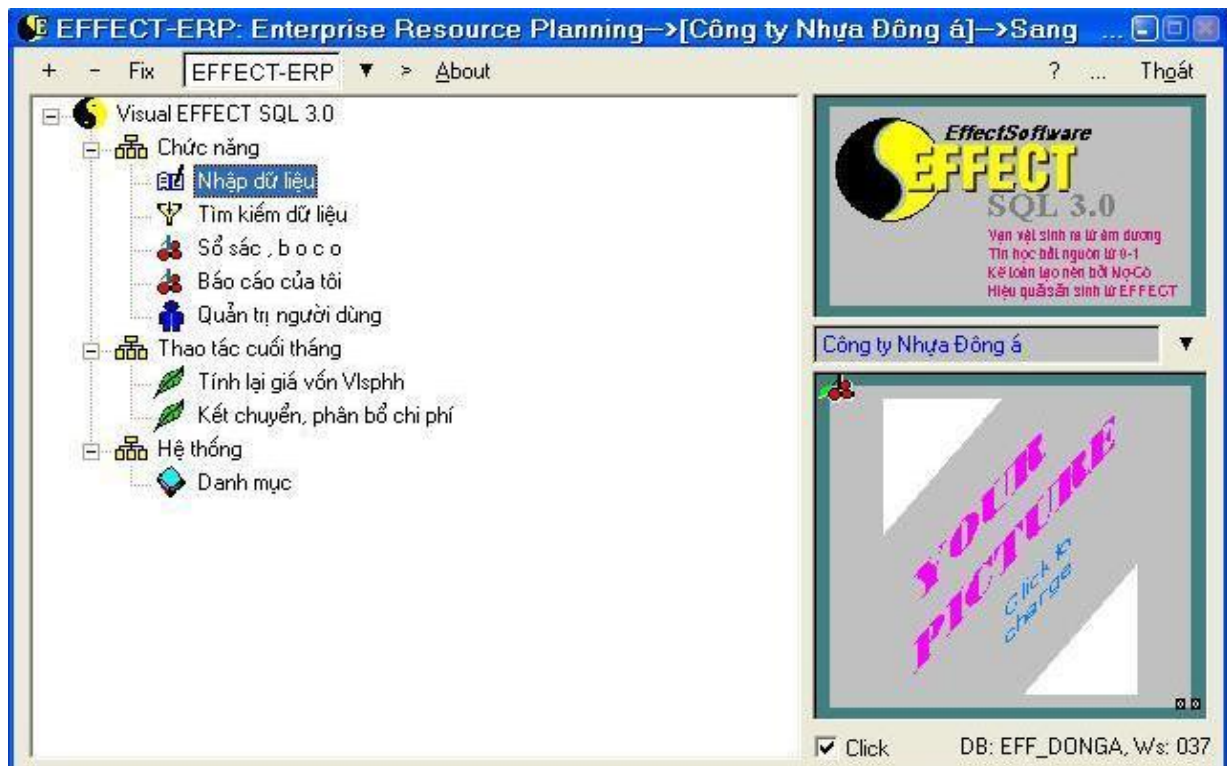
Tại phòng kế toán tập hợp các chứng từ như báo cáo sản xuất, Phiếu nhập kho phế liệu, nhập kho thành phẩm, xuất nguyên vật liệu kiểm tra định mức tính hợp lệ rồi căn cứ vào đó để phản ánh tình hình nhập, xuất vật tư, phế liệu thành phẩm ở từng kho theo chỉ tiêu số lượng và giá trị tùy thuộc vào quy định của từng phiếu (VD: phiếu xuất NVL thì chỉ cần chỉ tiêu số lượng - Đơn giá và giá trị sẽ được tự động điền khi chạy lại giá vốn cuối tháng, Nhập phế liệu thì phải điền cả số lượng, đơn giá khi nhập vào phần mềm đơn giá được quy định là 15.000 đ/kg phế liệu. Thành phẩm được nhập chỉ tiêu số lượng, quy cách giá thành sẽ được điền tự động vào cuối mỗi tháng khi tính giá thành xong).

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tập hợp được riêng cho từng đối tượng (nhóm tấm xốp 3 ly, nhóm tấm xốp 4 ly). Còn các chi phí khác không thể tập hợp được cho từng đối tượng mà chỉ tập hợp cho phân xưởng. Đến khi tính giá thành. Phần mềm dựa trên tiêu thức sản lượng (kg) quy đổi mà phân bổ cho từng đối tượng cụ thể.

Trong bài viết này, em xin được đề cập đến tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành tấm xốp PP quy cách 1.200 mm x 2.440 mm 3 ly, 4 ly chi tiết cho từng màu sắc được sản xuất trong tháng 01/2010.

Theo tài liệu tháng 01/2010 để nhập phiếu xuất kho sau khi đã kiểm tra đúng định mức, và các thủ tục có liên quan kế toán thao tác đến phần mềm kế toán trên máy tính như sau: Nhập liệu -> Phiếu xuất kho nguyên liệu sản xuất PP (như hình minh họa sau):

Thao tác bước nhập dữ liệu của tất cả các loại chứng từ Chọn phần hành nhập dữ liệu như hình minh họa bên dưới.



Hình 2 – Nhập dữ liệu vào phần mềm

Xuất nguyên liệu sản xuất tấm PP 4 ly.

Nhập dữ liệu -> [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]

Loại C từ: ... | Phiếu xuất vật tư - SX tấm PP (gvtd) - nhựa Hà

Phiếu in: P. xuất vật tư

Ngày: 22/01/2010

Chứng từ: XVLPP_34

Bộ phận:

Diễn giải: Xuất kho NVL sản xuất ca Sint

Nợ: 621111 | Chi phí NVL trực tiếp - SX Hà nam

Có: 1521111 | Nguyên vật liệu - SX Hà nam

Mã V/sphh	V/sphh	SL	Mã ĐTCP	Kho	Khoản mục
APPK880	Hạt nhựa PP K8802	450.000	HPP4N	Kho NVL SX tấm PP - Hà Na	Chi phí nguyên vật liệu chính
APPT100	Hạt nhựa PP T1002	450.000	HPP4N	Kho NVL SX tấm PP - Hà Na	Chi phí nguyên vật liệu chính
APPPHX	Hạt nhựa pp màu xanh tím 760	19.800	HPP4N	Kho NVL SX tấm PP - Hà Na	Chi phí nguyên vật liệu chính
BBT2BD	Băng dính tấm trắng (khổ 4.8 cm)	4.000	HPP4N	Kho vật liệu phụ - Hà nam	Chi phí nguyên vật liệu phụ
BTEMHG	Tem xuất sứ hàng hóa	48.000	HPP4N	Kho vật liệu phụ - Hà nam	Chi phí nguyên vật liệu phụ
BBAONIL	Bao nylon trắng 144x260	7.500	HPP4N	Kho NVL SX tấm PP - Hà Na	Chi phí nguyên vật liệu phụ

Hình 4 – Xuất nguyên liệu sản xuất tấm PP 4 ly.

Nhập dữ liệu -> [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]

Loại C từ: ... | Phiếu xuất vật tư - phế liệu xay vào sản xuất (g)

Phiếu in: P. xuất vật tư

Ngày: 20/01/2010

Chứng từ: XPLX_36

Bộ phận:

K. mục: NVL001 | Chi phí nguyên vật liệu chính

Diễn giải: Xuất nguyên liệu sản xuất tấm xốp PP

Kho: Kho phế liệu - Hà nam

Nợ: 621111 | Chi phí NVL trực tiếp - SX Hà nam

Có: 1521111 | Nguyên vật liệu - SX Hà nam

Mã V/sphh	V/sphh	SL	Mã ĐTCP	ĐTCP/TP
EPXSPLP	Phế liệu xay tấm PP	200.000	HPP3N	Nhóm tập xốp nhựa PP 3 ly

-->Phím nóng: F1

Hình 5 – Xuất phế liệu tái sử dụng vào sản xuất

Ngày: Điền ngày tháng chứng từ theo ngày tháng phiếu xuất.

Chứng từ: Điền số thứ tự của phiếu xuất được bắt đầu bằng: XVLPP (xuất vật liệu PP)

Diễn giải: Ghi xuất cho ca nào:

Nợ: Tài khoản 621111 – Chi phí NVL trực tiếp Hà Nam

Có: Tài khoản 1521111 – Chi phí NVL Hà Nam

Mã Vlspphh: nếu kế toán nhớ chính xác được mã vật tư thì gõ vào ô Mã Vlsphh, còn không nhớ chính xác mà chỉ biết tên thì gõ tên gọi trong phiếu xuất vào cột Vlsphh thì máy sẽ tự điền mã Vlsphh vào cột mã ví dụ chỉ cần gõ 8802 thì máy sẽ tự điền tên đầy đủ vào cột Vlsphh và mã Vlsphh như hình trên.

Số lượng: Ghi số lượng thực xuất theo phiếu xuất kho.

Mã ĐTCP: chỉ rõ mã đối tượng chi phí: Nhóm PP 3 ly: HPP3N, Nhóm PP 4 ly: HPP4N.

Khoản mục phải chỉ rõ là kho NVL chính hay nguyên vật liệu phụ.

Kho: Phải chỉ kho rõ kho xuất.

Thông thường các nguyên vật liệu dùng để sản xuất tấm xốp PP xuất ở các kho: Nguyên vật liệu PP, nguyên vật liệu phụ, Phế liệu.

Chi phí NVL được tổng hợp:

$$+ \text{Chi phí NVL} = \frac{556.674.415}{21.344} \times 8.642 = 225.392.630 \text{ đ}$$

2.2.3.2. Tổ chức tập hợp chi phí nhân công trực tiếp

Cuối tháng kế toán tiền lương nhận được Bảng lương, tiến hành hạch toán lương, các khoản trích theo lương như sau:

Lương các tổ:

- + Tạo hạt, Tổ ép, Tổ in, Tổ Profile, Tổ PP – Hạch toán vào tài khoản 6221111 – Chi phí nhân công trực tiếp sản xuất hàng
- + Tổ Cửa cánh – Hạch toán vào TK 6221112 – Chi phí nhân công sản xuất Ngọc hồi.
- + Tổ Kho, tổ cơ điện, Tổ Bếp + phục vụ, Tổ giám sát hạch toán vào tài khoản 14211 – Chi phí trả trước ngắn hạn để phân bổ khi hạch toán xong lương.
- + Tổ bảo vệ, Văn phòng, Phòng Kế toán: Hạch toán vào tài khoản 6421 – Chi phí nhân viên quản lý.
- + Tổ Bốc xếp, Phòng KDTT, Phòng KD VTC: Hạch toán vào tài khoản 64111 – Chi phí nhân viên bán hàng.

Lương phải trả được tính bởi các khoản sau: Lương cơ bản + Lương khoán + Phụ cấp (nếu có) $\pm$ thưởng, bù lương $\pm$ bù trừ Ki (nếu có).

Các khoản trích theo lương được tính trên lương quy định đóng bảo hiểm. Cụ thể khối CBCNV lao động gián tiếp hệ số lương là 2.0. Công nhân viên lao động trực tiếp hệ số 1.45. Mức lương cơ bản là 540.000 VNĐ. Tuy nhiên trong một tổ, đội không phải ai cũng tham gia đóng bảo hiểm.

Mức trích như sau:

- + BHXH: 22% (Tính vào chi phí 16%, trừ vào thu nhập người lao động 6%).
- + BHYT: 4.5% (Tính vào chi phí 3%, trừ vào thu nhập người lao động 1.5%).
- + BHTN: 2% (Tính vào chi phí 1%, trừ vào thu nhập người lao động 1%).
- + KPCĐ: 2% (Tính vào chi phí 1%, trừ vào thu nhập người lao động 1%).

Theo bảng lương thì tiền lương phải trả cho CBCNV tổ PP bao gồm lương: 11.529.952 Đ, phụ cấp là 300.000 Đ tổng cộng là: 11.829.952 Đ. Kế toán vào nhập dữ liệu -> Bút toán khác hạch toán như sau:

The screenshot shows a software window titled "Nhập dữ liệu -> [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]". It contains a form for entering a journal entry. The date is 31/01/2010. The voucher type is "Bút toán khác". The voucher number is "P. CTGS". The entry details include: Debit account "NC001" (Tiền lương, tiền công phải trả ngư) with amount 11,829,952 VND; Credit account "622211" (Chi phí nhân công trực tiếp - SX H) with amount 11,829,952 VND. The entry is described as "Phải trả cán bộ CNV tiền lương tháng 01/2010 - Tổ PP". The unit is "Chi phí lương". The department is "Phân xưởng SX tấm PP - PX8". The entry is signed by "Trần Thị Thu Thủy".

Hình 6 – Hạch toán lương phải trả công nhân phân xưởng PP

Ngày: 30/01/2010.

Chứng từ: LT01/2010

Khoản mục: Tiền lương, tiền công phải trả người lao động.

Diễn giải: Phải trả CNV tiền lương tháng 01/2010 – Tổ PP

Đơn vị khách hàng: Chi phí lương.

Phân xưởng: Phân xưởng SX tấm PP – PX8.

Nợ: 622211: 11.829.952

Có: 3341: 11.829.952

SV: Trần Thị Thu Thủy- QT1103K

Tổng số lao động tham gia đóng bảo hiểm trong tổ PP là 4. Theo quy định chung của tập đoàn được quy định trong quyết định số 362/CTHĐQT – TĐ thì lương của công nhân sẽ đóng theo hệ số $1.45 \times 540.000 \text{ Đ}$. Vậy tổng lương trích bảo hiểm của tổ PP là: $4 \times 1.45 \times 540.000 = 3.132.000 \text{ Đ}$

+ BHXH = $3.132.000 \times 16\% = 501.120 \text{ Đ}$

+ BHYT = $3.132.000 \times 3\% = 93.960 \text{ Đ}$

+ BHTN = $3.132.000 \times 1\% = 31.320 \text{ Đ}$

Khi tính ra được số trích trên kế toán vào phần Nhập dữ liệu - > Bút toán khác như hạch toán lương và hạch toán như sau:

The screenshot shows a software window titled "Nhập dữ liệu -> [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]". It contains several input fields and buttons. The "Bút toán khác" (Other Accounting Entry) section is active, showing a debit of 501,120 VND for Social Security (BHXH) and a credit of 501,120 VND for Social Security (BHXH). The interface also includes a menu bar, a toolbar, and a status bar at the bottom.

Hình 7 – Khấu trừ lương tổ PP tiền BHXH

Ngày: 31/01/2010.

Chứng từ: BHT01/2010.

Khoản mục: Tiền lương, tiền công phải trả người lao động.

Diễn giải: Trích 16% BHXH vào chi phí sản xuất tháng 01/2010 – Tổ PP

Đơn vị khách hàng: Bảo hiểm xã hội.

Phân xưởng: Phân xưởng SX tấm PP – PX8

Nợ: 622211: 501.120

Có: 3383: 501.120

Đối với bảo hiểm Y tế, Bảo hiểm thất nghiệp hạch toán tương tự. Chỉ khác Số tiền (BHYT: 93.960, BHTN: 31.320). Tài khoản có (BHYT: 3384, BHTN: 3389).

Chi nhân công trực tiếp không tập hợp được đến chi tiết cho từng đối tượng mà chỉ tập hợp được cho phân xưởng sản xuất. Cuối tháng phần mềm căn cứ trên tiêu thức sản lượng quy đổi mà phân bổ cho từng đối tượng cụ thể.

Chi phí nhân công trực tiếp được tập hợp như sau:

$$+ \text{Chi phí Lương} = \frac{8.951.194}{21.344} \times 8.642 = 3.624.261 \text{ đ}$$

2.2.3.3. Tổ chức tập hợp chi phí sản xuất chung

Chi phí chung của Phân xưởng sản xuất tấm PP (phân xưởng 8) bao gồm các khoản chi phí sau: Chi phí khấu hao TSCĐ, Chi phí tiền lương cán bộ quản lý toàn phân xưởng, Tiền điện, tiền nước, tiền ăn, chi phí công cụ – dụng cụ.

Đối với việc xuất kho CCDC sửa chữa máy móc. Kể từ khi nhận được giấy đề nghị cấp vật tư, người đề xuất đã phải ghi rõ là vật tư, thiết bị đó sửa máy móc nào và phân xưởng nào. Căn cứ vào đó khi lập phiếu xuất CCDC thủ kho sẽ ghi rõ vào phiếu là cấp cho phân xưởng nào. Vật tư, thiết bị thuộc phân xưởng nào thì hạch toán vào phân xưởng đó. Ví dụ được minh họa bằng phiếu xuất CCDC số 13. Kế toán thao tác vào phần mềm như sau:

Mã Vlsphh	Vlsphh	Đvtính	SL	P. xưởng
FKE0502	Keo 502	LÔ	7.000	Phân xưởng tổ in - PX3
FGIARW28	Giấy ráp W28	TÔ	2.000	Phân xưởng tổ in - PX3
FATO3060	Aptomat 3FA-60A (63A)	Cái	1.000	Phân xưởng SX tấm PP - PX8
FATO3050	Aptomat 3FA-50A	Cái	1.000	Phân xưởng SX tấm PP - PX8
FBANDD	Bảng dính điện	CUO	1.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1
FMCP01	Màng chít phào	CUO	1.000	Phân xưởng SX Profile - PX5
FDBUNILON	Dây buộc nylon	Cuộn	1.000	Phân xưởng tổ ép - PX2
FLDATRO	Lưới dao trở	Cái	3.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1
FKTR01	Khẩu Trang	Cái	1.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1
FKHABLG MNKDL	Lọc gió máy nén khí Đài Loan	Cái	1.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1
FKHALDMNKHTC	Lọc dầu máy nén khí HITACHI	Cái	1.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1
FKHATDMNKHTC	Bộ tách dầu máy nén khí HITACHI	Cái	1.000	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PX1

Hình 8 –Xuất CCDC đưa vào sửa chữa bảo dưỡng máy móc.

Ngoài ngày tháng, chứng từ, khoản mục, kho, tài khoản nợ có được chỉ rõ như hạch toán như xuất kho NVL thì phân xưởng (là nơi sử dụng) được ghi rõ trong đề xuất cấp vật tư của các tổ trưởng khi lĩnh vật tư mà kế toán phải chỉ rõ từng phân xưởng như hình trên.

Như đã giới thiệu quy trình sản xuất tấm PP. Toàn bộ hệ thống máy móc PP được Công ty mẹ là Công ty cổ phần Tập đoàn nhựa đông á đầu tư toàn bộ với giá trị là: 4.530.244.551 đ được khấu hao trong 10 năm. Giá trị thu hồi sau khi khấu hao được hội đồng nghiệm thu đánh giá là không đáng kể. Công ty thực hiện khấu hao theo đường thẳng.

Khấu hao hệ thống máy PP trong tháng tính như sau:

$$\text{Khấu hao máy PP} = \frac{4.530.244.551}{10 \times 12} = 37.752.038$$

Cuối tháng kế toán chạy khấu hao bằng các bước sau: Nhập dữ liệu - > Khấu hao TSCĐ tháng nhấn phím F5 ở vị trí như hình minh họa.

Hình 9 – Chạy bút toán khấu hao TSCĐ

Khi chạy bút toán này thì toàn bộ tài sản trong doanh nghiệp sẽ được tính khấu hao theo các tiêu thức đã ấn định sẵn khi hình thành tài sản cố định như: số kỳ trích khấu hao (số tháng), Phân xưởng, Tài khoản nợ có khi chạy bút toán...

Bút toán được phần mềm tự động ghi nhận:

Nợ TK: 627411: 37.502.038

Có TK: 21411: 37.502.038.

Sau khi nhấn phím F5 thì màn hình trở thành giao diện bên dưới. Nhấn phím F1 để máy chọn hết những tài sản của công ty để tính khấu hao.

Danh mục Tài sản cố định (TSCĐ)																	
Chiều A	Chiều Z	INS	F12	F4	Chiều F4	F5	Chiều F2	F3	Chiều F3	Chiều F8	F2	F6	F9	F7	F1	Chiều M	
Số Kí	Cấp	Mã	Tên					Ngày SD	Số hiệu	Nơi sử dụng	Chiều A	Chiều Z	Chiều F4	Chiều F5	Khoản mục	Phân xưởng	Giá trị còn lại
		001212	Khuôn dây của kéo HB73231+26555 PC237- 21/07/2007					01/08/2007	nda.sx.th.002-9.55	Tổ tạo hạt	60	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PK1	7 515 136.00
		001214	Hệ thống thiết bị bếp Công ty Lúa Việt (TD chuyển HB25709-04/12) - Hệ thống bếp n					31/12/2007	NDA.HCNS.003.2.02.0	Sử dụng chung	120	14211	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung		102 368 813.00
		001215	Bộ lọc gió HB25725-31/12 (TD chuyển HB25725-31/12)					31/12/2007	nda.sx.th.002-7.24	Sử dụng chung	72	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng tổ ép - PK2	9 129 982.00
		001217	Máy in phun của Công ty Kỹ Thuật Mè Kôngi TD chuyển H025708-03/12/07 - Số 02					31/12/2007	nda.sx.TPH.002-4.3	Tổ Profile	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	69 902 112.00
		001218	Máy biến tần Hitachi 45Kw - TD chuyển HB25725-31/12/07					31/12/2007	nda.sx.th.002-8.4	Tổ tạo hạt	72	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PK1	30 343 946.00
		001219	Máy biến tần 18.5Kw - TD chuyển HB25725-31/12/07					31/12/2007	nda.sx.th.002-8.5	Tổ ép	72	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng tổ ép - PK2	18 568 943.00
		0013001	Máy đo cường độ góc của XY - 208-TKHQ19836-02/12/07-PN_CC15					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.1	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	16 354 592.00
		0013002	Máy đo nhiệt độ biến dạng thành Profile XWY 300-TKHQ19836-02/12/07-PN_C					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.2	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	65 352 752.00
		0013003	Máy đo độ đập vỡ kiểu dạng búa XUL-15 - TKHQ19836-02/12/07-PN_CC15					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.3	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	13 837 126.00
		0013004	Máy điều chỉnh nhiệt độ lạnh XWK-25 - TKHQ19836-02/12/07-PN_CC15					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.4	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	9 862 652.00
		0013005	Máy sấy khô hoá 101A-1 - TKHQ19836-02/12/07-PN_CC15					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.5	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	13 314 848.00
		0013006	Máy đo độ tăng của thành Profile YQ-Z 488 - TKHQ19836-02/12/07-PN_CC15					01/03/2008	nda.ptn.ks.002-6.6	Tổ Profile	84	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	18 135 895.00
		0015001	Máy Sản xuất tấm PP-HB25736-31/01/08-TD chuyển xuống					01/03/2008	nda.sx.Tph.002-1.25	Tổ sản xuất PP	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX tấm PP - PK8	3 686 700 021.00
		0015002	Máy Sản xuất tấm bọt HB25736-31/01/08-TD chuyển xuống					01/03/2008	nda.sx.Tb.002-1.26	Tổ sản xuất bọt	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng sản xuất bọt - PK7	4 930 841 821.00
		0016001	Tủ sấy vôi máy tạo hạt BL TW90- TKHQ1446-18/01/08					30/04/2008	nda.sx.th.002-2.12	Tổ tạo hạt	72	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng trộn bột, sx hạt - PK1	191 585 514.00
		0017001	Khuôn nẹp kính 5ly - GB340A - 13-TD chuyển HB25737+25738- TKHQ1267-16/01/03/2008					01/03/2008	nda.sx.tph.002-9.25	Tổ Profile	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	247 371 536.00
		0017002	Khuôn bao của mở quay BR60DA - 13-TD chuyển HB25737+25738- TKHQ1267-16/01/03/2008					01/03/2008	nda.sx.tph.002-9.26	Tổ Profile	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	343 571 657.00
		0017003	Khuôn cánh của số - SF780A - 13-TD chuyển HB25737+25738- TKHQ1267-16/01/03/2008					01/03/2008	nda.sx.tph.002-9.27	Tổ Profile	120	627411	21411		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phân xưởng SX Profile - PK5	346 945 760.00

Hình 10 – Màn hình giao diện chọn mã tài sản khấu hao trong tháng.

Ngoài khấu hao máy PP tính chung cho phân xưởng sản xuất PP như trên kế toán tổng hợp còn phân bổ khấu hao nhà xưởng cho Phân xưởng PP vào cuối tháng. Tiêu thức phân bổ khấu hao này dựa trên diện tích đặt máy trong nhà xưởng và khấu hao tài sản phục vụ sản xuất chung toàn phân xưởng. Cuối tháng khi có bảng tổng hợp chi phí trả trước ngắn hạn kế toán tiến hành lập bảng phân bổ khấu hao TSCĐ dùng chung như sau:

$$\text{Giá trị khấu hao phân bổ} = \frac{\text{Tổng giá trị KH cần phân bổ}}{\text{\% Diện tích đặt máy}} \times$$

Bảng tính khấu hao phân bổ cho các phân xưởng

Tổ	% Diện tích	Giá trị khấu hao phân bổ
Tổ ép	0,350	30.918.740
Tổ in	0,250	22.084.814
Tổ Profile	0,150	13.250.889
Tổ PP	0,025	2.208.481
Tổ tạo hạt	0,225	19.876.332
Tổng cộng	1.000	88.339.256

Dựa vào số liệu đã tính toán ở trên kế toán nhập dữ liệu vào phần mềm bằng bút toán khác như sau:

E Nhập dữ liệu -> [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]

Loại C/từ: ... Bút toán khác

Phiếu in: P. CTGS

Ngày: 31/01/2010

Chứng từ: KHCT01/2010

Ngày HĐ: / /

K. mục: CPSXC003

Diễn giải: Khấu hao nhà xưởng, tài sản dùng chung tháng 01/2010 - Phân xưởng PP

ĐvKh: /

V. việc: TK1422

P. xưởng: Phân xưởng SX tấm PP - PX8

Đ.TCP/TP: /

Vlsp/ph: /

Kho: /

Kh. nhận: /

SL: 0.000

Đ. giá: 0.00

Tỷ giá: 1

Nợ: 627411

Tiền: 2 208 481

Có: 14211

Tiền: 2 208 481

Kh. có: /

SL2: 0.00

Mã số thuế: /

K. hàng thu: /

Nhóm VAT: /

Bạn có còn là bạn nữa không nếu bỗng dưng bạn biến thành triệu phú!

Hình 11 – Bút toán phân bổ khấu hao dùng chung

Cũng căn cứ vào bảng tổng hợp phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn kế toán tiến hành phân bổ tiền lương sản xuất chung, tiền điện, tiền nước, tiền ăn dựa trên tiêu thức lương của công nhân trực tiếp theo công thức như sau:

$$\frac{\text{Giá trị chi phí phân bổ cho } PX_i}{\text{Giá trị chi phí phân bổ cho } PX_i} = \frac{\text{Tổng chi phí cần phân bổ}}{\text{Tổng lương công nhân SX chính}} \times \text{Lương của } PX_i$$

Bảng tính và phân bổ chi phí trả trước ngắn hạn.

Chỉ tiêu, nơi sử dụng	Tiền cung nhôn trực tiếp	Tiền lương phân bổ	BHXH, BHYT, BHTN phôn bổ	Tiền điện	Tiền nước	Tiền ăn
Tổ tạo hạt	39,593,534	19,902,052	851,585	22,841,446	809,064	4,130,625
Tổ F	36,566,185	18,380,327	786,472	21,094,974	747,202	3,814,795
Tổ In	45,445,221	22,843,456	977,444	26,217,275	928,639	4,741,107
Tổ Profile	41,558,924	20,889,973	893,857	23,975,276	849,225	4,335,666
Tổ PP	11,829,952	5,946,433	254,441	6,824,680	241,736	1,234,169
Tổng cộng	174,993,816	87,962,240	3,763,800	100,953,652	3,575,867	18,256,362

Căn cứ vào số liệu ở bảng trên hạch toán vào phần mềm như sau:

Đối với tiền lương:

Loại C.từ: ... Bút toán khác

Phiếu in: P. CTGS

Ngày: 31/01/2010 %Thuế

Chứng từ: LSXC01/2010 **Mẫu số**: ...

Seri.: ... **Số HĐ**: ...

Ngày HĐ: / /

K.mục: NC001 **Tiền lương, tiền công phải trả ngư**

Diễn giải: Phân bổ tiền lương sản xuất chung - Tổ PP

ĐvKh: ...

V.việc: TK1421001 **Chi phí tiền lương phân bổ**

P.xưởng: Phân xưởng SX tấm PP - PX8

ĐTCTP/TP: ...

Vlspkh: ...

Kho: ...

Kh.nhận: ...

SL	0.000	Cái
Đ.giá	0.00	Đvt
Tỷ giá	1	VND
Nợ	627111	Chi phí nhân viên phân xưởng - SX
Tiền	5 946 433	Ntệ
Có	14211	Chi phí trả trước ngắn hạn
Tiền	5 946 433	Ntệ
Kh.có		
SL2	0.00	Quy cách
Mã số thuế		
K.hàng thu		
Nhóm VAT		

Hời thở của lý trí là sự chú ý.

Hình 12 – Phân bổ tiền lương

Đối với tiền điện:

Hình 13 – Phân bổ tiền điện

Đối với BHXH, BHYT, BHTN, Tiền ăn, tiền nước hạch toán tương tự. Chỉ khác Khoản mục, Tài khoản... Khi hạch toán đúng các khoản mục, tài khoản thì lúc chạy giá thành mới đúng và không bị sai. Đối với chi phí sản xuất chung cũng vậy, chi phí này không tập hợp được trực tiếp cho từng đối tượng chi phí mà đến cuối tháng – khi chạy giá thành thì phần mềm sẽ căn cứ trên tiêu thức sản lượng (kg) quy đổi mà phân bổ đến từng đối tượng.

Chi phí sản xuất chung được tập hợp như sau:

$$+ \text{Chi phí SXC} = \frac{39.840.813}{21.344} \times 8.642 = 16.131.199 \text{ đ}$$

Phiếu nhập thành phẩm PP 4ly:

Mã Vlsph	Vlsph	Quy cách	SL2	SL	P.xưởng
HPP3000	Tấm nhựa xốp PP 3 ly mẫu trắng si	PP khổ 1m22 x 2m44 (khổ chuẩn)	490.00	490.000	Phân xưởng SX tấm F
HPP4003	Tấm nhựa xốp PP 4 ly mẫu đen(D/	PP khổ 1m22 x 2m44 (khổ chuẩn)	40.00	40.000	Phân xưởng SX tấm F

Hình 15 – Nhập thành phẩm PP 4 ly

Ngày: Điền ngày tháng chứng từ

Chứng từ: Điền số thứ tự của chứng từ (Quy định NKTPPP_số chứng từ)

Diễn giải: Ghi diễn giải ca nhập kho.

Kho: Kho thành phẩm tấm PP Hà Nam

Nợ: 1551111.

Ở tất cả các phiếu nhập thành phẩm từ sản xuất tại Công ty Nhựa Đông á đều định khoản một về là nợ 1551111. Khi tính giá thành thì phần mềm tự động lấy lấy khối lượng nhập kho của TK 1551111 mà xác định giá trị 1541111 cần kết chuyển sang.

Khi nhận được phiếu nhập kho phế liệu thu hồi từ sản xuất. Kiểm tra như nhập thành phẩm. Thủ kho phế liệu cũng tiến hành lập phiếu như thành phẩm và gửi 1 liên về cho kế toán phụ trách kho đó. Sau khi kế toán kiểm tra tính hợp lý hợp lệ thì nhập kho vào phần mềm như sau:

Phiếu nhập kho phế liệu thu hồi từ sản xuất Hà Nam.

Nhập dữ liệu → [Sang - Công ty Nhựa Đông Á]

Loại C. từ: ... Phiếu nhập Phế liệu thu hồi từ sản xuất - Hà nam

Phiếu in: P.nhập vật tư () ...

Ngày: 14/01/2010

Chứng từ: NPLT43

Bộ phận: NVL001

K.mục: Chi phí nguyên vật liệu chính

Diễn giải: Nhập phế liệu thu hồi từ sản xuất ca sinh

Kho: Kho phế liệu tấm PP - Hà Nam

Nợ: 1521111

Có: 621111

Nguyên vật liệu _ SX Hà nam

Chi phí NVL trực tiếp - SX Hà nam

Ctrl+F3 Ctrl+M F8 Ctrl+F8 Ctrl+F1

VND: 2 370 000

Mã V/sphh	V/sphh	SL	Đ. giá	Mã Đ.TCP	Đ.TCP/TP	P.xưởng	VND
EPTSPLP	Phế liệu tấm PP	158.000	15 000.00	HPP3N	Nhóm tập xóc	Phân xưởng SX tấm PP -	2 370 000

Hình 16 – Nhập phế liệu thu hồi từ sản xuất

Lưu ý khi nhập phế liệu thu hồi từ sản xuất. Theo chế độ kế toán hiện hành thì nhập kho phế liệu thu hồi từ sản xuất hạch toán (Nợ TK 152 – Có TK 154). Nhưng Công ty Nhựa Đông Á quan niệm rằng tất cả các phế liệu của Công ty đều quay vòng trở lại sản xuất cho nên thay vì ghi giảm chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (TK 154) Kế toán ghi nhận giảm chi phí (TK 621111) phát sinh. Với các đơn giá được đánh giá tương đương với giá các loại phế liệu tương tự trên thị trường. Phế liệu tấm PP được đánh giá là có đơn giá: 15.000 VNĐ/kg.

Tất cả các thao tác nhập dữ liệu vào phần mềm. Sau khi thực hiện xong thì kế toán phải chọn nút Lưu. () thì bút toán vừa thực hiện mới được lưu trữ vào hệ thống và chuyển tới các sổ sách kế toán.

2.2.4. Đánh giá sản phẩm dở dang trên dây chuyền.

Việc xác định giá trị sản phẩm dở dang của công ty hết sức đơn giản. Không phức tạp như việc đánh giá sản phẩm dở ở các loại hình sản xuất khác. Việc đánh giá được tiến hành bằng phương pháp ước lượng.

Theo yêu cầu của kế toán trưởng của Công ty. Hàng tháng khi kết thúc ca sản xuất. Tổ trưởng, Trưởng ca, Quản đốc, Trưởng máy tiến hành đánh giá số lượng tồn trên phễu + số lượng tồn trên dây chuyền. ở phân xưởng PP – Phân xưởng 8. Công ty đánh giá tồn trên dây chuyền dựa trên tiêu thức nguyên vật liệu chính. Nghĩa là tồn trên dây chuyền bao nhiêu thì đó chính là nguyên liệu chính (hạt PP 1002). Dưới đây là công thức xác định giá trị tồn phễu.

Giá trị tồn phễu = Lượng tồn phễu x Đơn giá tồn kho kỳ trước (hạt PP 1002).

Ca cuối cùng của ngày 31/01/2010 Công ty đang sản xuất sản phẩm là tấm xốp PP 3 ly màu trắng sữa. Đến ca 01 ngày 01/02/2010 vẫn sản xuất sản phẩm đó. Cho nên tồn kho trên dây chuyền chính là tồn kho của nhóm Táp xốp PP 3ly.

Tồn đầu tháng của nhóm PP 3 ly tháng đánh giá vào ngày 31/12/2009 là 352 kg đơn giá là 21.004đ/kg thành tiền là 7.393.373 đ

Theo biên bản đánh giá tồn trên dây chuyền vào ngày 31/01/2010 tồn trên dây chuyền còn 272 kg đơn giá tồn kho của hạt PP 1002 là 24.060 đ/kg -> giá trị tồn trên dây chuyền được đánh giá là : 6.544.320 đ.

2.2.5. Tổ chức công tác tính giá thành sản phẩm tại công ty.

2.2.5.1. Đối tượng tính giá thành

Đối tượng tính giá thành ở Phân xưởng sản xuất tấm PP chính là các tấm PP có các độ dày khác nhau (3 ly, 4 ly). Không phân biệt màu sắc. Các tấm PP có độ dày bằng nhau thì giá thành là như nhau. Đơn vị tính giá thành là đồng/tấm.

2.2.5.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

Đến cuối mỗi tháng sau khi chốt kho, chốt công nợ, điều chỉnh chênh lệch kiểm kê kho và chỉ khi đó kế toán tính giá thành mới thực hiện chạy phần tính giá vốn của vật liệu, sản phẩm hàng hóa xuất kho trong kỳ như hình minh họa sau:

Ở Phân xưởng sản xuất tấm PP (Phân xưởng 8) giá thành của sản phẩm được tính theo phương pháp hệ số.



Hình 17 – Tính giá vốn vật liệu sản phẩm hàng hóa xuất kho.

Trị giá hàng xuất kho được phần mềm tự động xác định bởi công thức:

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân cuối tháng

Đơn giá bình quân cuối tháng được xác định theo công thức:

$$\text{Đơn giá bình quân cuối tháng} = \frac{\text{Giá trị hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Giá trị hàng nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng hàng tồn kho đầu kỳ} + \text{Số lượng hàng tồn kho cuối kỳ}}$$

Giá vốn của hàng xuất kho được tính theo công thức bình quân gia quyền cuối tháng của tất cả các mặt hàng và phần mềm tự tìm đến các mã Vlsphh có phát sinh nghiệp vụ xuất kho mà điền đơn giá vào như hình minh họa bên dưới:

Dữ liệu tìm thấy												
Ngày	Chứng từ	Nợ	Có	Mã Vlsph	Vlsph	SL	Đ. giá	VNĐ	K.mục	ĐTCP/TP	P.xưởng	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	APPK8802	Hạt nhựa PP K8802	450.000	25 464.11	11 458 850.00	Chi phí nguyên vật liệu chính	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	APPT1002	Hạt nhựa PP T1002	450.000	24 060.17	10 827 078.00	Chi phí nguyên vật liệu chính	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	APPPHXT	Hạt nhựa pp màu xanh tím 760	19.800	65 976.25	1 306 330.00	Chi phí nguyên vật liệu chính	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	BBT28DI	Bảng dính tấm trần (khổ 4.8 cm)	4.000	5 832.61	23 330.00	Chi phí nguyên vật liệu phụ	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	BTEMHG	Tem xuất sứ hàng hóa	48.000	84.07	4 036.00	Chi phí nguyên vật liệu phụ	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	
22/01/2010	XVLPP_34	621111	1521111	BBAONILON	Bao nylon trắng 144x260	7.500	31 375.77	235 318.00	Chi phí nguyên vật liệu phụ	Nhóm tấm xốp nhựa PP 4 ly	Phân xưởng SX tấm PP - PX8	

Hình 18 – Dữ liệu tìm thấy khi chạy song bút toán tính giá vốn

Hàng ngày khi nhập liệu vào phần mềm, căn cứ vào báo cáo sản xuất kế toán phụ trách mảng sản xuất tấm xốp PP sẽ tiến hành đối chiếu số tồn đầu ca, nguyên vật liệu, phế liệu, thành phẩm nhập trong ca, số tồn nguyên vật liệu trên phiếu bàn giao cho ca sau. Kiểm tra báo cáo cân định mức sản phẩm. So sánh định mức thực tế với định mức công bố. Từ đó tính ra mức tiêu hao nguyên vật liệu có chính xác như báo cáo hay không.

Nguyên vật liệu chính tồn đầu, tồn cuối, phế liệu tái sử dụng nguyên liệu chính nhập trong ca tính bằng kg. Chỉ riêng thành phẩm nhập kho có đơn vị tính là tấm.

Kế toán kiểm tra báo cáo và định mức nguyên vật liệu bằng công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccccc}
 \text{Tồn} & & \text{Tồn} & & \text{Bột hỗn hợp} & & \text{Phế liệu tái sử} & & \text{Trọng lượng} \\
 \text{phiếu} & = & \text{phiếu} & + & \text{nhập trong} & - & \text{dụng nhập} & - & \text{thành phẩm} \\
 \text{cuối ca} & & \text{đầu ca} & & \text{ca} & & \text{trong ca} & & \text{nhập trong ca}
 \end{array}$$

- Bột hỗn hợp nhập trong ca gồm: Hạt PP 1002, 8802, Hóa chất (Hạt màu nếu có).
- Trọng lượng thành phẩm nhập kho = số lượng tấm nhập kho x Định mức.

Mức sai lệch cho phép trong giới hạn 1.5 % vì hoa hụt cho phép trong khâu trộn là 1%, định mức là $\pm 0.5 \%$.

Vào cuối mỗi tháng Kế toán kho thực hiện chốt số liệu sổ sách và số liệu kiểm kê thực tế của thủ kho dưới sự giám sát của tổ giám sát và kế toán. Nếu chênh lệch cho phép thì kế toán phụ trách điều chỉnh. Nếu vượt quá số chênh lệch cho phép thì Kế toán yêu cầu Thủ kho giải trình lên ban giám đốc để ban giám đốc đưa ra hướng xử lý. Kế toán công nợ thực hiện chốt công nợ với khách hàng (kể cả phải thu và phải trả), làm báo cáo tổng hợp công nợ. Tất cả các công việc trên phải thực hiện trước khi tính giá thành.

Trong tháng dựa trên các phiếu nhập từ sản xuất kế toán tập hợp được trong tháng nhập kho được:

Bảng kê thành phẩm PP nhập kho từ sản xuất.

Phân xưởng 8 (từ 01/01/2010 đến 31/01/2010)

Mã sản phẩm	Tên Sản phẩm	ĐV T	Số lượng
HPP3000	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu trắng sữa(DA301)	tấm	5 960
HPP3002	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu xanh tím(DA302)	tấm	8 515
HPP3005	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu xanh lam(DA303)	tấm	70
HPP3007	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu xanh lá cây(DA304)	tấm	18
HPP3008	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu nâu(DA308)	tấm	64
HPP3009	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu ghi(DA309)	tấm	43
HPP3010	Tấm nhựa xốp PP 3 ly màu đỏ(DA307)	tấm	50
Nhóm tấm xốp PP 3 ly			14 720
HPP4000	Tấm nhựa xốp PP 4 ly màu trắng sữa(DA401)	tấm	710
HPP4002	Tấm nhựa xốp PP 4 ly màu xanh tím(DA402)	tấm	4 026
HPP4003	Tấm nhựa xốp PP 4 ly màu đen(DA406)	tấm	40
Nhóm tấm xốp PP 4 ly			4 776

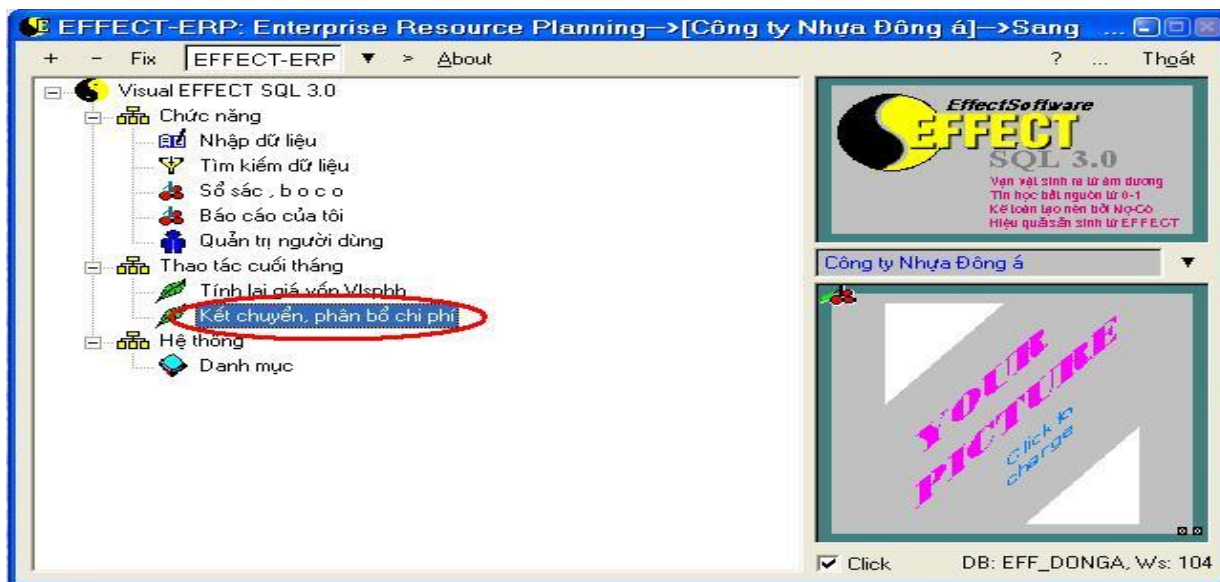
Tấm xốp PP 3 ly có định mức là 1.45 Kg/ tấm, tấm xốp 4 ly có định mức là 1.75 kg/tấm.

Sau khi các công việc tính khấu hao, phân bổ chi phí. Kế toán thực hiện kiểm tra sơ bộ các vấn đề liên quan tới giá thành bằng cách lọc ở màn hình tìm kiếm với các tiêu thức như sau:

- ✓ Đối với nhóm tài khoản đầu 62xxxxx – Khi hạch toán phải chỉ rõ khoản mục phí và phân xưởng.
- ✓ Đối với tài khoản 621111 – Khi hạch toán phải chỉ rõ đối tượng chi phí.
- ✓ Đối với những tài khoản 142, 242 – Khi hạch toán phải chỉ rõ khoản mục phí và vụ việc.
- ✓ Đối với những tài khoản công nợ như: 131, 136, 138, 141, 331, 336 ... phải chỉ đối tượng công nợ.

Kiểm tra khớp đúng về mặt số lượng giữa trọng lượng xuất ra so với trọng lượng thu về. Nếu nằm trong biên độ (1.5%) cho phép thì kế toán tiến hành thao tác cuối cùng trước khi Kết chuyển phân bổ chi phí để tính giá thành đó là Chạy lại Tính giá vốn vật liệu sản phẩm hàng hóa.

Chạy bút toán kế chuyển phân bổ chi phí.

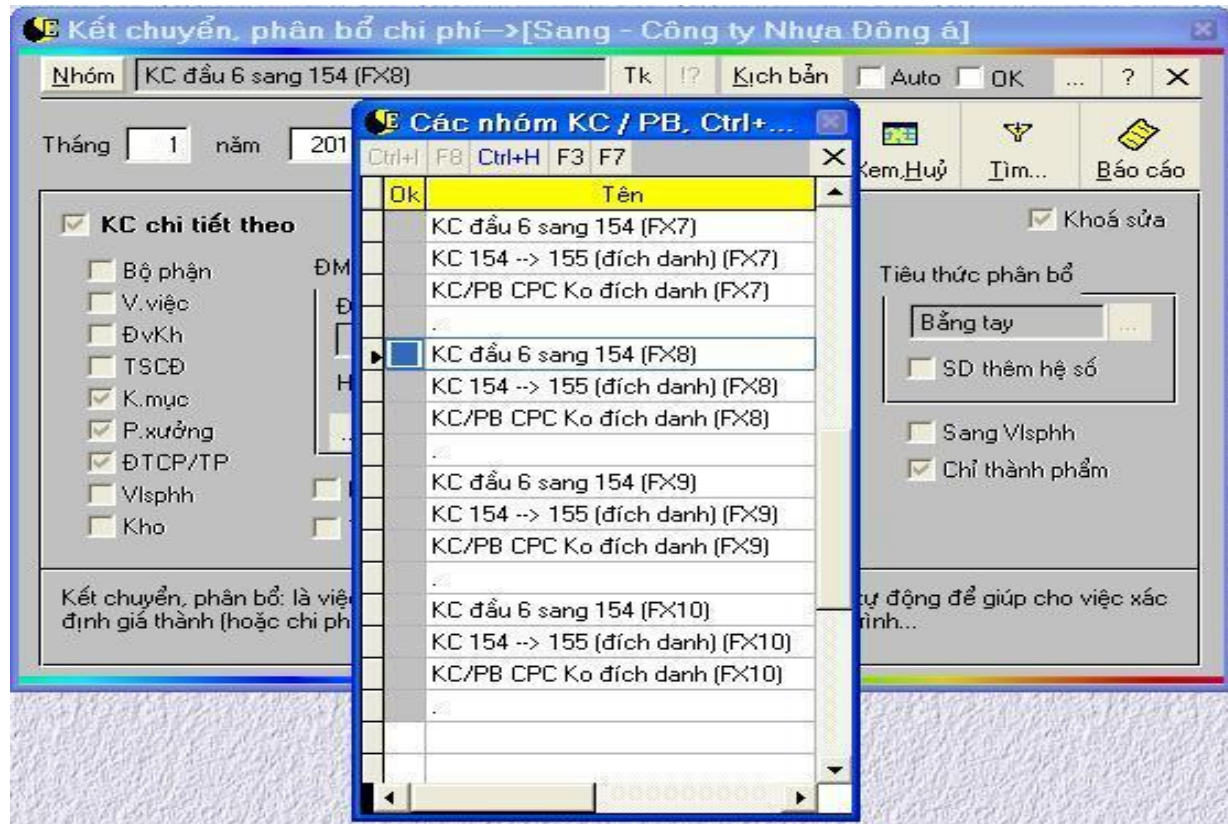


Hình 19 – Thao tác chạy bút toán kết chuyển phân bổ chi phí

Tất cả các bút toán kết chuyển và phân bổ chi phí đều được thiết lập ngay từ ban đầu nên khi thực hiện bút toán người kết chuyển chỉ nhìn thấy tài khoản nguồn và tài khoản đích còn phần mềm sẽ tự động kết chuyển phân bổ.

Hình 20 – Chọn nhóm để tính giá thành.

Tính giá thành ở phân xưởng PP gồm 3 bước như trên hình minh họa.



Hình 21 – Chọn bước kết chuyển phân bổ chi phí

Bước 1: Kết chuyển TK đầu 6 sang tài khoản 154.



Hình 22 – Chọn các thao tác xử lý số liệu.

Số kết chuyển = (PS nợ_(trước thời điểm kết chuyển) – PS có_(trước thời điểm kết chuyển))

Tiếp đến nhấn phím F1 để đánh dấu kết chuyển tất cả các đầu mục tài khoản.

Số liệu kết chuyển chi tiết, F1, Ctrl+F1→Đánh dấu /bỏ đánh dấu lọc, INS→Đánh dấu, hủy, F3→Cộng đánh dấu, Ctrl+F9→To XLS

Ok	Ok	TK (Ghi)	g TK (Ghi)	Tiền VNĐ	Số KC	Số còn lại	K.mục	P.xuống	ĐTCP/TP
"	"	621111	1541111	550 166 584	550 166 584		Chi phí nguyên vật liệu chính	Phản xuống SX tằm PP - PX8	Nhóm tằm xộp nhựa PP 3 ly
"	"	621111	1541111	215 239 099	215 239 099		Chi phí nguyên vật liệu chính	Phản xuống SX tằm PP - PX8	Nhóm tằm xộp nhựa PP 4 ly
"	"	621111	1541111	5 658 778	5 658 778		Chi phí nguyên vật liệu phụ	Phản xuống SX tằm PP - PX8	Nhóm tằm xộp nhựa PP 3 ly
"	"	621111	1541111	2 746 507	2 746 507		Chi phí nguyên vật liệu phụ	Phản xuống SX tằm PP - PX8	Nhóm tằm xộp nhựa PP 4 ly
"	"	622211	1541111	11 829 952	11 829 952		Tiền lương, tiền công phải trả người lao động	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	622211	1541111	626 400	626 400		Trích nộp quỹ BH	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627411	1541111	39960 519	39960 519		Chi phí khấu hao TSCĐ - Chung	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627711	1541111	241 736	241 736		Chi phí tiền nước	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627711	1541111	979 948	979 948		Chi phí SX chung - CCDC	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627711	1541111	6 824 680	6 824 680		Chi phí tiền điện SX Chung Hà Nam	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627711	1541111	1 234 169	1 234 169		Chi phí tiền ăn CB CNV	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627111	1541111	5 946 433	5 946 433		Chi phí tiền lương SX chung	Phản xuống SX tằm PP - PX8	
"	"	627111	1541111	254 411	254 411		Trích nộp quỹ BH	Phản xuống SX tằm PP - PX8	

Hình 23 – Chọn các bút toán kết chuyển

Bước 2: Kết chuyển 154 --> 155: Đích danh. Sở dĩ đây gọi là bước kết chuyển đích danh là vì đây chính là bước kết chuyển các chi mà chỉ được đích danh nhóm đối tượng chi phí khi tập hợp (Nhóm tằm xộp 3 ly: HPP3N, nhóm tằm xộp 4 ly: HPP4N). Phần mềm sẽ tự động tìm kiếm các dữ liệu phát sinh liên quan đến nhập từ sản xuất mà phân bổ đích danh cho từng đối tượng phí. Đây cũng chính là bước mà kế toán để giá trị sản xuất kinh doanh dở dang.

Các tiêu thức còn lại phân bổ tương tự.

Ví dụ trong bài: Giá thành đơn của Tấm xốp PP3 ly màu trắng sữa được tính như sau:

+ Chi phí NVL: 225.392.630 đ

+ Chi phí lương: 3.624.261 đ

+ Chi phí SXC: 16.131.199 đ

Tổng giá thành sản phẩm = $225.392.630 + 3.624.261 + 16.131.199 = 245.148.090$ đ.

Giá thành đơn vị là : $245.148.090 / 5.960 = 41.132$ đ/tấm.

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

3.1. Đánh giá về công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm ở Công ty TNHH Nhựa Đông Á.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp diễn ra hết sức gay gắt và tinh vi. Để đạt được mục đích cuối cùng là tối đa hoá lợi nhuận, các doanh nghiệp có thể sử dụng nhiều giải pháp khác nhau như đầu tư thích hợp cho mua sắm, đổi mới TSCĐ dùng cho sản xuất, cải tiến mẫu mã sản phẩm cho phù hợp với thị hiếu và nhu cầu người tiêu dùng, nâng cao chất lượng sản phẩm - vì trên thị trường "lợi nhuận không chia đều cho những ai muốn có". Chính vì vậy các doanh nghiệp phải ra sức tìm kiếm thị trường tranh thủ thời cơ và tạo cho mình một thế mạnh cạnh tranh ngay từ đầu thì mới có hy vọng thích ứng lâu dài trên thị trường.

Vấn đề đặt ra cho những người làm quản lý là phải làm sao đáp ứng được tối đa các yêu cầu đó, công việc này đòi hỏi phải có một bộ phận chuyên trách đảm nhận vai trò hạch toán giúp ban lãnh đạo công ty có những quyết định sáng suốt và kịp thời. Đó chính là bộ phận kế toán công ty. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng là công tác không thể thiếu trong công tác tổ chức doanh nghiệp sản xuất. Đặc biệt là công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm vì nó là trung tâm, là vấn đề mấu chốt của doanh nghiệp sản xuất.

Dựa vào công tác này, bộ phận quản lý có thể đề ra kế hoạch hạ giá thành sản phẩm cho kỳ sản xuất tiếp theo. Tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm sẽ là cơ hội để doanh nghiệp đạt mục tiêu tăng doanh số bán hàng, tăng lợi nhuận.

Mặt khác, nó là cơ sở để các nhà quản trị doanh nghiệp định giá bán sản phẩm của mình.

Tuy nhiên, để đạt được điều đó là rất khó khăn đòi hỏi bộ phận kế toán phải hết sức chính xác, hạch toán kịp thời nhằm cung cấp những thông tin một cách nhanh nhất.

Như vậy, công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là cực kỳ cần thiết với tất cả các doanh nghiệp sản xuất. Nó không những là cơ sở để xác định kết quả hoạt động sản xuất lâu dài, chiếm lĩnh thị trường một cách nhanh nhất.

Là đơn vị mới thành lập với quy mô sản xuất vừa và nhỏ nhưng Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã khẳng định được vai trò của sản phẩm trên thị trường, các nhóm sản phẩm ngày càng mở rộng về cả số lượng và giá trị với các đối tác tại khắp cả nước và vươn ra các nước khu vực Asian.

Là một công ty chuyên sản xuất về các sản phẩm nhựa phục vụ ngành công nghiệp xây dựng, quảng cáo Công ty đã và đang góp phần xây dựng cơ sở hạ tầng cho đất nước và hoà nhập với xu thế của thời đại. Sở dĩ có thành tích như vậy là do công ty biết đánh giá, nắm bắt và khai thác sự thu hút của thị trường do công ty đã đầu tư vào sản xuất với máy móc thiết bị hiện đại cùng nguồn nhân công dồi dào, có trình độ và kinh nghiệm sản xuất. Trong tương lai với sự phát triển và sự nỗ lực của các phòng ban, bộ phận cán bộ công nhân viên của công ty sẽ chuyển thành doanh nghiệp có quy mô sản xuất lớn thì cần phải có thêm đội ngũ cán bộ xuất sắc hơn nữa. Đặc biệt cần chú trọng công tác bồi dưỡng và đào tạo trình độ nghiệp vụ phòng kế toán.

Qua thời gian thực tập tìm hiểu về công tác tổ chức kế toán tại công ty và bằng sự hiểu biết của mình, em nhận thấy:

3.1.1. Ưu điểm.

Việc ngày một mở rộng quy mô sản xuất và ngày càng có nhiều nhóm sản phẩm đang dần đem lại lòng tin, tạo khí thế làm việc cho lao động mới trong công ty, gắn trách nhiệm của mỗi người lao động với công ty và công việc của mình. Bộ máy tổ chức phù hợp với trình độ tay nghề của cán bộ công nhân viên, đã phát huy được sức mạnh cá nhân và tập thể nâng cao hiệu quả công việc.

Bộ máy kế toán được điều chỉnh còn 1 kế toán trưởng và 3 kế toán viên có trình độ chuyên môn và tinh thần trách nhiệm cao đáp ứng rất tốt yêu cầu hiện tại của công ty.

Vận dụng chế độ kế toán sáng tạo và phù hợp với điều kiện cụ thể của công ty. Hơn nữa phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy móc hiện đại với 4 máy vi tính, 2 máy in, 1 máy fax, 1 máy photô đã giúp cho công việc được thực hiện hiệu quả, thông tin được xử lý kịp thời.

Hiện tại công ty lựa chọn hình thức hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ là hoàn toàn phù hợp với đặc điểm, quy mô sản xuất. Ngoài ra cứ 1 tháng công ty lại tiến hành kiểm kê tổng hợp 1 lần. Điều này đáp ứng yêu cầu cung cấp và quản lý thông tin một cách xác thực.

Công ty TNHH Nhựa Đông Á hiện đang áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức này thường được sử dụng cho các công ty có quy mô hoạt động vừa và nhỏ. Đây là hình thức kế toán giúp công ty có thể theo dõi một cách cụ thể tránh nhầm lẫn và không bị chòng chéo. Vì vậy bộ máy kế toán được tổ chức gọn gàng, làm việc theo hình thức ghép việc, kiêm nhiệm. Các phần hành kế toán được thực hiện nghiêm túc, nhân viên kế toán thực hiện đúng chức năng chuyên trách của mình đúng chế độ với hệ thống sổ sách tương đối hoàn chỉnh.

Tuy mỗi nhân viên kế toán phải đảm nhiệm nhiều công việc nhưng do có năng lực cộng với lòng nhiệt tình nên công tác kế toán vẫn đảm bảo thông tin chính xác kịp thời, giúp ban lãnh đạo có những quyết định đúng đắn và sáng suốt, đưa ra các phương án sản xuất tối ưu.

Từ năm 2007 Công ty TNHH Nhựa Đông Á đã đưa vào áp dụng phần mềm kế toán EFFECT 3.0. Điều này phản ánh hoạt động tích cực của công ty. Phần mềm kế toán này được xem là một phần mềm kế toán tương thích với quy mô hoạt động và quy trình hạch toán theo hình thức nhật ký chung mà công ty lựa chọn. Việc vận dụng phần mềm này giúp cho bộ phận kế toán giảm tải được khối lượng công việc đồng thời phản ánh sự linh hoạt trong việc ứng dụng công nghệ hiện đại.

Hơn thế nữa do công ty đã xác định đúng mức tầm quan trọng của việc tiết kiệm chi phí và mục tiêu hạ giá thành sản phẩm nhằm tối đa hoá lợi nhuận nên công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất phục vụ cho việc tính giá thành sản phẩm được thực hiện hiệu quả, theo từng kỳ hạch toán và theo từng nhóm sản phẩm sau đó được tổng hợp lại với từng đối tượng cụ thể.

Công ty thực hiện đánh giá sản phẩm dở dang theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là phù hợp với tình hình sản xuất hiện nay của công ty.

3.1.2. Một số hạn chế.

Tuy công tác kế toán nói chung và công tác tập hợp chi phí sản xuất nói riêng tại Công ty TNHH Nhựa Đông Á có nhiều ưu điểm trên nhưng bên cạnh mặt tích cực vẫn còn một số hạn chế sau.

3.1.2.1. Hạn chế về việc theo dõi nhập, xuất tồn vật liệu, sản phẩm, hàng hoá

Về vật liệu: do đặc điểm sản xuất của công ty là liên tục. Khi xuất kho nguyên vật liệu. Thủ kho không lập phiếu xuất ngay thời điểm xuất mà phải đợi đến cuối ca kiểm tồn mới tiến hành lập phiếu xuất kho.

Về sản phẩm sản xuất hoàn thành nhiều lúc hàng được bốc ngay lên xe mà Thủ kho không nhập kho ngay (thủ kho thường đợi tới khi kết thúc ca thì lập phiếu một thể).

3.1.2.2. Hạn chế về việc trích khấu hao TSCĐ tại phân xưởng sản xuất

Hiện nay ở công ty việc trích khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng và trích đều theo kỳ hạch toán tháng. Điều này là chưa thực sự hợp lý với đặc điểm sản xuất của công ty khi nguồn nguyên liệu hoặc đơn hàng đầu ra thực sự chưa ổn định. Nhiều khi hết nguyên vật liệu máy phải dừng trong một thời gian dài hoặc không có đơn hàng – máy chỉ chạy đủ lượng tồn kho tối thiểu rồi dừng máy.

3.1.2.3. Công ty TNHH Nhựa Đông Á không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất

Lương phải trả của công nhân trực tiếp sản xuất tại công ty được trả theo lương thời gian, mặt khác chi phí về nhân công trực tiếp lại được phân bổ theo tỷ trọng thành phẩm nhập kho vậy việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân là rất khó. Tuy nhiên nếu doanh nghiệp đã đi vào sản xuất tương đối ổn định thì việc xây dựng được mức trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất sẽ giúp cho doanh nghiệp hạch toán chi phí sản xuất phát sinh một cách đồng đều giữa các kỳ kế toán tránh tình trạng khi công nhân nghỉ nhiều thì chi phí chi phí nhân công mà doanh nghiệp phải trả lại quá ít. Việc hạch toán như vậy làm cho giá thành sản phẩm có sự biến động lớn và không cân đối.

3.1.2.4. Hạn chế trong việc tập hợp chi phí sản xuất

Công ty TNHH Nhựa Đông Á sản xuất các sản phẩm mới theo đơn hàng của khách hàng, mỗi khách hàng có một màu sắc khác nhau về sản phẩm, do vậy để tiến hành sản xuất ra sản phẩm của công ty phải trải qua công đoạn thử mẫu. Có nhiều đơn hàng mà khách đặt những mẫu rất khó chạy, nguyên việc thử mẫu đã tiêu tốn không biết bao nhiêu phế liệu. Nên việc tập hợp chi phí sản xuất là rất khó. Công ty đang thực hiện tính giá thành đồng đều tất cả cho các mẫu và áp dụng mức giá bán là như nhau. Như vậy là chưa được chính xác.

3.1.2.5. Hạn chế về việc tính chi phí NVL trực tiếp vào giá thành sản xuất

Với việc xây dựng định mức tồn kho nguyên vật liệu tối thiểu đồng nghĩa với việc giúp cho phòng kế hoạch vật tư có thể chủ động trong việc lên kế hoạch nhập NVL để sản xuất.

Tỷ lệ phế liệu đưa vào sản xuất không ổn định cũng làm cho việc tính chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bị ảnh hưởng. Nếu đảm bảo được tỷ lệ phối liệu thì việc tập hợp chi phí và kiểm tra định mức sẽ dễ dàng và thuận lợi hơn rất nhiều.

Trên một dây chuyền PP việc quyết định điều chỉnh độ dày (3ly, 4 ly, 5 ly) tùy thuộc vào sự điều chỉnh khuôn chứ không phải là do hệ thống sản xuất riêng biệt. Nhiều khi xuất nguyên vật liệu để sản xuất độ dày này chưa kết thúc đã sản xuất sản phẩm có độ dày khác. Điều đó làm kế toán rất khó tách nguyên vật liệu trên phiếu xuất của ca đó. Việc tách nguyên vật liệu chỉ căn cứ trên định mức lý thuyết mà không có cơ sở thực tế.

Trong thực tế tỷ trọng của sản phẩm không ổn định thường là cao hơn so với tỷ trọng công bố nhưng kế toán vẫn tính phần vượt đó vào giá thành. Việc tính vào giá thành như vậy là sai với quy định

3.1.2.6. Công ty không thực hiện đầy đủ các khoản trích theo lương

Theo Công văn số 1540/BHXXH – PT ban hành ngày 25/12/2009 thông báo tỷ lệ quy định các khoản trích theo lương là 28.5% theo lương tối thiểu vùng từ ngày 01/01/2010 trong đó BHXH: 22% (người sử dụng lao động đóng 16%, người lao động đóng 6%), BHYT 4.5% (người sử dụng lao động đóng 3%, người lao động đóng 1.5%), BHTN là 2% (người sử dụng lao động đóng 13%, người lao động đóng 1%) và theo Quy định thì phải trích 2% KPCé tính vào chi phí sản xuất nhưng Công ty TNHH Nhựa Đông á chỉ thực hiện trích BHXH, BHYT và BHTN như vậy có nghĩa là công ty mới thực hiện trích 20% là chưa đầy đủ. Cách trích này sẽ ảnh hưởng tới giá thành sản phẩm và các hoạt động của công ty lên quan đến tập thể cán bộ công nhân viên. Khi có phát sinh những vấn đề liên quan tới tài chính thuộc hoạt động công đoàn của Công ty thì Công ty sẽ rất khó huy động ngay một nguồn tài chính đủ lớn để phục vụ cho hoạt động.

3.1.2.7. Hạn chế khác

Với kỳ tính giá thành theo tháng của công ty hiện nay tuy vẫn đảm bảo được việc lập và gửi báo cáo tài chính nhưng cuối mỗi tháng lại có quá nhiều công tác kế toán gây ra việc theo dõi sổ sách gặp nhiều khó khăn dẫn tới việc tính giá thành không được kịp thời vào ngày cuối cùng của tháng mà phải tới tận ngày 08 tháng liền kề mới kết thúc việc tính giá thành để khóa sổ.

Đối với kế toán chi phí công nhân: Kế toán sử dụng cách tính tiền lương theo hình thức tiền lương thời gian tuy cách tính đơn giản nhưng lại chưa đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động chưa gắn tiền lương với chất lượng lao động.

Đối với kế toán các khoản trích theo lương công ty cần tổ chức công đoàn cho công nhân và thực hiện trích kinh phí công đoàn theo tỷ lệ quy định 2% trên lương thực tế phải trả công nhân viên.

3.2. Một số kiến nghị và giải pháp nhằm khắc phục những tồn tại trong công ty.

Công ty cần thường xuyên tổ chức cho nhân viên kế toán được bồi dưỡng nghiệp vụ tại các lớp bồi dưỡng do Cục thuế tổ chức.

Khi có bất kỳ một sản phẩm mới nào. Hơn ai hết kế toán phải là người nắm bắt được quy trình cũng như định mức nguyên vật liệu, tỷ lệ phế liệu như một người Tổ trưởng đứng máy thành thạo. Có như thế công tác kiểm tra báo cáo sản xuất và tập hợp chi phí cũng như tính giá thành được thuận lợi hơn rất nhiều. Hiện nay tại phòng kế toán đang tồn tại một thực trạng mà mình nghĩ doanh nghiệp nào cũng vậy. Đó là các nguyên vật liệu, thành phẩm, CCDC mà kế toán quản lý về mặt thực tế chưa chắc xuống kho đã nhận biết được những gì mình đang quản lý. Kế toán chỉ quan tâm đến mã, tên gọi của sản phẩm mà thực tế lại không nhận biết được sản phẩm.

Kế toán công ty phải kịp thời nắm bắt các chế độ kế toán mới và có những sáng tạo phù hợp trong việc áp dụng chế độ, hệ thống sổ sách chứng từ phù hợp với quy mô và cơ cấu tổ chức bộ máy của doanh nghiệp mình.

3.2.1. Kiến nghị và giải pháp về những tồn tại trong việc theo dõi N-X-T vật liệu sản phẩm.

Về vật liệu: để tránh tình trạng bị thiếu sót trong ghi chép khi lập phiếu xuất kho, thì Thủ kho nên tiến hành lập ngay khi xuất kho, ghi số xuất kho vào cột yêu cầu. Cuối ca kiểm tra bàn giao số tồn xác định ra số thực xuất thì ghi luôn vào cột thực xuất trên phiếu xuất kho như vậy việc chuẩn bị vật liệu cho sản xuất vào ban đêm có thể thực hiện vào chiều hôm đó, khi đó cả thủ kho và kế toán cùng theo dõi được sẽ không bị nhầm hay sót.

Về sản phẩm: kể cả khi hàng sản xuất xong chưa giao ngay mà có xe hàng về bốc hàng thì Thủ kho vẫn phải làm thủ tục nhập kho rồi xuất kho.

3.2.2. Kiến nghị và giải pháp về những tồn tại trong việc tính trích khấu hao TSCĐ.

Khấu hao TSCĐ tính đều hàng kỳ sẽ là không hợp lý vì khi nguyên vật liệu không đáp ứng đủ sản xuất phải dừng máy hoặc thành phẩm tồn vượt mức tồn tối thiểu quy định buộc phải dừng máy thì việc trích khấu hao như vậy là không chính xác hoặc sản lượng sản xuất trong tháng nhiều dẫn tới tỷ lệ khấu hao trên giá thành sẽ có sự thay đổi.

Do vậy, để cho việc tính khấu hao được hợp lý công ty nên áp dụng công thức tính khấu hao theo sản lượng sản xuất. Như vậy giá thành sẽ không bị ảnh hưởng bởi nhân tố khấu hao. Căn cứ vào công suất của máy móc để tính ra số tấn sản phẩm sản xuất ra trên 1 năm (lấy trung bình) khi đó sẽ tính ra 1 kg sản phẩm sẽ chứa bao nhiêu đ khấu hao. Định kỳ 1 năm đánh giá lại năng lực của máy mà đưa ra mức khấu hao trên sản phẩm cụ thể.

3.2.3. Kiến nghị và giải pháp cho việc trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất.

Hiện tại công ty không thực hiện trích trước tiền lương nghỉ phép của công nhân trực tiếp sản xuất. Khi có sự biến động về công nhân nghỉ phép thì dẫn tới giá thành bị biến động theo. Công ty nên thực hiện việc trích trước theo tỷ lệ là 3% lương thực tế của công nhân sản xuất.

3.2.4. Kiến nghị về phương pháp hạch toán nhập phế liệu thu hồi trong quá trình sản xuất.

Công ty đang thực hiện ghi giảm chi phí (Nợ TK 1521111 - Có 621111) khi nhập phế liệu thu hồi từ sản xuất vì công ty cho rằng phế liệu sẽ quay lại ngay trong chu trình sản xuất nên việc ghi giảm chi phí sản xuất như vậy là hợp lý. Nhưng theo Quy định hiện hành thì nhập phế liệu thu hồi từ sản xuất Định khoản Nợ TK 152 – Có TK 154. Như vậy sẽ đúng với quy định hiện hành về mặt hạch toán hơn.

KẾT LUẬN

Nghiên cứu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một công việc cần thiết vào bậc nhất trong công tác hạch toán.

Một trong những điều kiện quan trọng để thị trường chấp nhận sản phẩm của doanh nghiệp, cũng như để doanh nghiệp đứng vững trên thị trường, đó là chất lượng sản phẩm cao, giá thành hạ. Do đó công tác kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm thực hiện đúng, hợp lý có ý nghĩa rất lớn trong công tác quản lý chi phí, giá thành, tổ chức kiểm tra tính hợp pháp, hợp lệ của chi phí phát sinh ở doanh nghiệp nói chung và ở từng bộ phận nói riêng, góp phần quản lý tài sản, vật tư, lao động, tiền vốn tiết kiệm hiệu quả.

Công ty TNHH Nhựa Đông Á là doanh nghiệp sản xuất, điều đó lại càng quan trọng hơn. Trong thời gian thực tập em nhận thấy rằng công ty đã thực hiện được phần nào đòi hỏi về công tác hạch toán kế toán nói chung và công tác kế toán chi phí sản xuất tính giá thành nói riêng. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế mà công ty cần phải khắc phục. Bài chuyên đề này viết trên cơ sở lý luận và thực tiễn tại công ty.

Mặc dù có sự nỗ lực của bản thân, sự nhiệt tình giúp đỡ của các anh chị phòng kế toán, nhưng do thời gian có hạn và những hạn chế về mặt kiến thức của bản thân nên không tránh khỏi những thiếu sót. Kính mong các Thầy, Cô giáo chỉ bảo để bài chuyên đề được hoàn thiện hơn.

Qua bài viết này em xin chân thành cảm ơn các Thầy, Cô giáo trong bộ môn kế toán doanh nghiệp, đặc biệt là thầy Lê Văn Liên đã tận tình hướng dẫn, giúp đỡ em hoàn thành đề tài.

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Sinh viên thực hiện

Các ký hiệu dùng trong đề tài

STT	Ký hiệu	Nội dung
1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	BHXXH	Bảo hiểm xã hội
3	BHYT	Bảo hiểm y tế
4	KPCĐ	Kinh phí công đoàn
5	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
6	NVL	Nguyên vật liệu
7	TK	Tài khoản
8	TSCĐT	Tài sản cố định
9	KDTT	Kinh doanh truyền thống
10	KD VTC	Kinh doanh vật tư cửa
11	PS	Phát sinh
12	CBCNV	Cán bộ công nhân viên
13	CCDC	Công cụ dụng cụ
14	CPNVLT	Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
15	CPNCTT	Chi phí nhân công trực tiếp
16	CPSXC	Chi phí sản xuất chung
17	PX	Phân xưởng